

TIN 16 VĂN

thông tin-nghị luận-sáng tạo-văn học nghệ thuật



Bát Giảng / Hữu Loan / Trần Văn / Trương Văn Ngọc / Vũ Thanh /
Nguyễn Minh Triều / Song Thuận / Vũ Tiến Lập / Hồ Đình / Nguyễn
Mạnh An Dân / Trần Thị Lê Quý / Kim Quốc / Song Hy / Ngô Thu
Hồng / Trần Văn Thụy / Thu Nga / Chương Thượng Trục / Minh Xuân
/ Văn Sơn / Huy Phương / Lê Thị Hoài Nham / Mỹ Ngân / Nhật
Nguyễn / Huỳnh Công Anh / Tùy Hà / Nguyễn Nhung / Huỳnh Tâm
Hoài / Phạm Thu Thảo / Bùi Lê / Trần Văn Lê / Nguyễn / Phạm Văn
Trước / Văn Ngọc Thy / Phạm Cao Chiếu Hằng / Vũ Thanh Văn / Lê
Hữu Liệu / Lưu Thái Sơn / Đa Dung Vũ / Thái Tiểu / Nguyễn Thị
Thanh Dương / Lê Hữu Minh Tuấn / Như Phương / Trần Văn Sơn /
Huỳnh Anh Nguyễn / Phạm Tường Như / Trần Nghi / Song An Châu
/ Trần Văn Lương / Huỳnh Vũ Lê Văn Huyền / Hoàng Xuân Sơn /
Lan Cao / Tường Dung / Như Ly / Hồng Hương / Thy Lan Thảo / Vũ
Thị Trúc Giang / Đào Văn Triều / Khúc Hà Linh / Giang Hoàng /
Châu Anh / Vũ Trung Miên / Nguyễn Đức Nham / Thái Thanh Văn /
Trần Minh Nhân / Lê Mai / Vương Hồng Ngọc / Vĩnh Tuấn,

Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Chủ Trương



Web: **vanbutnamhoaky.net**



Lời vào tập

Thư chào bạn thay lời vào tập vẫn khó làm náo nức người xem cũng có thể là nhận thêm băng giá từ những ánh nhìn không mấy hảo tâm

Vì quần lại quanh đi cũng thế, chỉ đón với rào những thiệt hơn. Nhưng người viết vẫn là phải viết vì đã trót cu r mang nghiệp dĩ bất bình thường. Như mưa đến mưa đi ngày nắng hạ có khi không làm lấm chân người. Chỉ như giọt mồ hôi thấm ướt những sống lưng đời chưa thấm đường mưa. Thư bạn đọc phương xa về không thiếu chỉ thiếu chút là bạn hữu quanh ta. Những đời văn thường như cháo nát nhưng đam mê chữ nghĩa rất thật thà. Nên cứ viết oằn người đi cũng viết, viết dâng đời thêm chút hương hoa. Ý nghĩa chưa cao, nhưng nhiệt tâm như sóng, sóng vẫn vỗ bờ từ tận thiên thu. Thư chào bạn như một lời kể lể, đọc ra nghe có chút ngậm ngùi. Và vui thay những thư đến trở lại kèm theo lời tái bút ghi thêm, xin đặt mua một năm báo trọn không đúng kỳ cũng đặt để còn nhau. Để còn nhau không chỉ là người còn biết nghĩ đến người mà còn là nhắc nhở nhau giữ gìn chữ nghĩa. Giữa đời thường áo cơm mưa nắng hôm nay chẳng khác gì hơn 50 năm về trước xa xưa, ấy là “ nhà văn an nam còn khổ hơn....nữa) Báo điện tử là đại dương chữ nghĩa, báo thương

Tin Vaen

mại là ngập tràn quảng cáo, báo văn chương nói chung và Tin Văn nói riêng thì quá lẻ loi. Quảng cáo không mang lại hiệu quả thương mại vì phát hành thường bất định kỳ số ra có hạn tùy theo tình hình tài chánh sau mỗi lần phát hành. Người đọc cũ như lá thu rơi rụng, bạn đọc mới thì quá hiếm hoi.

Tuy nhiên trong tình hình khá bi quan ấy vẫn còn lưu lại một số người hữu tâm cùng chữ nghĩa, vẫn còn chút quý trọng đối với những đời văn nát bằng những yểm trợ nhiệt tình. Quý thay người Việt chúng ta dù lưu lạc khắp năm châu bốn biển vẫn còn thầm nhắc nhau gìn giữ chút di sản tinh thần, chữ nghĩa là hồn nước, hồn còn thì xác mới còn.

Tin Văn vẫn trước sau chủ trương mời gọi người đọc mới và tôn trọng người viết sau. Mong bạn đọc đón nhận tin văn thay cho lời khích lệ, mong bạn viết mới hãy góp thêm hương sắc cho vườn hoa Văn Học Việt Nam Hải Ngoại.

Tin Văn là một sân chơi không đảng phái nhưng có thái độ chính trị nhất quán của những người yêu chuộng tự do,

Dựa trên tinh thần Hiến Chương Nhân Quyền Sẵn sàng quảng bá sự tranh đấu cho những tiếng nói bị bóp nghẹt. Vì vậy mọi khuynh hướng và thể loại sáng tác đều được hoan đón nhận miễn là phù hợp với chủ trương nêu trên.

Mùa hè rực rỡ trong cái nóng nung người vẫn là hai điều thương ghét như âm dương tự thuở sơ khai, như nãi cầu vẫn chia hai phía, nhưng đời sống vẫn là vận động đi lên không ngừng nghỉ. Vì vậy một lần nữa chúng tôi xin trân trọng tri ân toàn thể bạn đọc và bạn văn gần xa đã nỗ lực yểm trợ cho Tin Văn từ trước đến nay. Ngược lại chúng tôi sẽ cố gắng mỗi ngày mỗi hoàn thiện hơn cho Tin Văn mãi mãi là món ăn tinh thần tốt đẹp để không phụ lòng của toàn thể Quý Bạn đọc, Quý Ân Nhân và Quý Thân hữu.

Kính Chúc An Bình Hạnh Lợi luôn đến với mọi người.

Trân trọng

Ban Biên Tập

1 * H \ , , 7 + F 1 * È 7 + H F 1 * \ I



@ Bùi Giáng
Khép mắt

Ngày khép mắt dòng xanh xuân đổ lại
Mùa trở bông là chi chít chim kêu
Vườn vẫn đợi tin hoa về tuổi đại
Bóng nguyệt trù là phủ rộng sân rêu.

Ngày mở mắt ngó trời xanh xa thế
Ở đây là màu đất cỏ xuân con
Hé nắng hạ với thu đông buồn thế
Với tình yêu em giữ mất hay còn.

Trong khóm mắt em ngậm ngùi ngày đó
Lúc dung nhan về đối diện trăng tà
Máu nước chảy vô ngần khôn giải tỏ
Gió biên thù về bích ngạn chiêu hoa.

Gió khép mắt nhớ một lần ngẫu nhĩ
Nhớ rất nhiều ngày loạn nữa đêm nghiên
Cuồng dại nát liễu hồn xuân rủ rĩ
Giờ ra đi em cảm thấy có quyền.

Tin Vaên



@ + o X / R D Q

Màu tím hoa sim

Nàng có ba người anh đi bộ đội
Những em nàng
Có em chưa biết nói
Khi tóc nàng xanh xanh
Tôi người Vệ quốc quân
xa gia đình
Yêu nàng như tình yêu em gái
Ngày hợp hôn
nàng không đòi may áo mới
Tôi mặc đồ quân nhân
đôi giày đinh
bết bùn đất hành quân
Nàng cười xinh xinh
bên anh chồng độc đáo
Tôi ở đơn vị về
Cưới nhau xong là đi
Từ chiến khu xa
Nhớ về ái ngại
Lấy chồng thời chiến binh
Mấy người đi trở lại

Nhờ khi mình không về
thì thương
người vợ chờ
bé bỏng chiều quê...
Nhưng không chết
người trai khói lửa
Mà chết
người gái nhỏ hậu phương
Tôi về
không gặp nàng
Má tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối
Chiếc bình hoa ngày cưới
thành bình hương
tàn lạnh vây quanh
Tóc nàng xanh xanh
ngắn chưa đầy búi
Em ơi giây phút cuối
không được nghe nhau nói
không được trông nhau một lần
Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím
áo nàng màu tím hoa sim
Ngày xưa
một mình đèn khuya
bóng nhỏ
Nàng vá cho chồng tấm áo
ngày xưa...
Một chiều rừng mưa
Ba người anh trên chiến trường đông bắc
Được tin em gái mất
trước tin em lấy chồng
Gió sớm thu về ròn rợn nước sông
Đưa em nhỏ lớn lên
Ngõ ngàng nhìn ảnh chị
Khi gió sớm thu về
cỏ vàng chân mộ chí

Tin Vaen7

Chiều hành quân
Qua những đôi hoa sim

Những đôi hoa sim
những đôi hoa sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim
tím chiều hoang biên biệt
Có ai ví như từ chiều ca dao nào xưa xa
Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu
Ai hỏi vô tình hay ác ý với nhau
Chiều hoang tím có chiều hoang biết
Chiều hoang tím tím thêm màu da diết
Nhìn áo rách vai
Tôi hát trong màu hoa
Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh mất sớm, mẹ già chưa khâu... Màu tím hoa
sim, tím tình trang lệ rớm
Tím tình ơi lệ ứa Ráng vàng ma và sừng rúc điệu
quân hành
Vang vọng chập chờn theo bóng những binh đoàn
Biên biệt hành binh vào thăm thăm chiều hoang màu
tím
Tôi ví vọng về đâu
Tôi với vọng về đâu
Áo anh nát chỉ dù lâu...

/ ê & ` R

Đề Mỹ Nhân Xuân Thụy Đồ

7KkP FXQJ K[QJ QK5W WKñkQJ VRQ
&K1P -Q YL QJkQ YyQJ KLKX Kj
2DQK \GQ E-W PLQK OLRP P)F WSQ
7KiL YkQ ÿr KR)FK K+L ÿñeQJ KRD

Giác Xuân Người Đẹp

Trương Văn Ngọc (dịch)

Thâm cung nắng hồng chiếu song lụa
Dấu nhẹ gôi in mây sáng vương
Oanh yén im hơi rèm màn tĩnh
Mây màu che tháp đóa hải đường

Giác Xuân Người Đẹp

Trần Vân (dịch)

Thâm cung nắng chiếu qua song
Dấu người in gôi mây vòng nhẹ vương
Yén oanh im tiếng rèm buông
Mây màu ủ bóng hải đường hoa nghiêng

7 k + R j L

Ngẫu Thành

7UñeQJ &KkX FXQJ X\KQ QK5W Vĩ K
9LOW Qw GRDQK GRDQK QJUF WX\(
&KQ SK-Q E-W WUL GR Wy K+R
.KñcF ÿD WKLKX KLOX W/Q QKkQ

Ngẫu Nhiên Viết

Trương Văn Ngọc (dịch)

Trường Châu cung vườn nắng khởi tà
Gái Việt yêu kiều ngọc tuyết tân
Phấn sáp không dùng người vẫn đẹp
Thương kẻ nhãn mày biết mấy lần

Tin Vaen

Ngẫu Hứng

Trầm Vân (dịch)

Cung Trường Châu nằng chớm tà
Yêu kiều gái Việt tuyết ngà ngọc tân
Không son phấn đẹp tuyết trần
Thương người nhẵn mặt* bao lần hờn ghen

1 K Q P ? W ; ñ D Q K Q K L ? W ~ F j Q J ÿ A S W X \ C
Q r Q Q K L I X Q J ñ e L E 7 W F K ñ c F

7 K { L + Y

Đế Đô Thành nam trang

. K q Q L r Q N L P Q K 5 W W K u P { Q W U X Q
1 K k Q G L O Q ÿ j R K R D W ñ i Q J i Q K K [Q
1 K k Q G L O Q E - W W U L K j [q N K q
j R K R D \ F y X W L G X ÿ { Q J S K R Q J

Đô Thành nam trang

Vô Tình (phỏng dịch)

Ngày này - năm ngoái - trong sân
Hoa Đào cùng với giai nhân ửng hồng
Bây chừ người ấy biệt tăm.!?
Hoa Đào lặng lẽ - cười thầm gió đông

The Garden of the south Capital

Tình vô

The same day of last year – in this garden
Cherry blossoms bloomed as beautiful as a young woman
And now – nobody knows – where she was living
Only Cherry blossoms smiling upon the Spring-wind



@ Vô Tình
Tình với Hoa

Anh cho em - Tình Yêu
Như một chàng dũng sĩ
Tình yêu tuy giản dị
Nhưng trong sáng mỹ miều

Đây cành Hoa không tên
Nở bên Hồ hoang vắng!
Giữa mùa đông giá lạnh
Anh hái về cho em

Bởi vì hoa Cô Đơn.!?
Xin cắm vào nước đá
Hoa sẽ tỏa mùi thơm
Em sẽ hồng đôi má

Chỉ có Tình với Hoa
Lòng Em sẽ ấm lại!
Cuộc đời thêm luyến ái
Em trẻ mãi không già.!

LOVE AND FLOWERS

Like a super Hero.!
I give you the Love
It is very simple
Bright and sincere sentimental
I bring to you something special
The beautiful flowers - no name
They opened up in the winter
Next to the Lake in the jungle
Because of the solitary-Flowers
Please, place them in the vase with ice
They will exhale their fragrance
With rosy cheeks - You become very nice
There 's only Love and Flowers
Your Heart will be warm
Your Sorrows will be gone
And your life will be Young forever

TINH VO

@ Nguyễn Minh Trí | t
**VĂN CHƯƠNG ĐỒNG TÍNH VÀ VẤN
ĐỀ TỘI PHẠM TRONG VĂN HỌC PHÁP**

Văn chương Pháp có rất nhiều nhà văn viết về đồng tính luyến ái, không những có nhiều nhà văn mà nền chương Pháp còn sản sinh ra nhiều nhà văn tên tuổi trong lãnh vực này. Các tác phẩm của họ đã kích lệ nhiều thế hệ nhà văn trẻ đến sau tiếp tục chú tâm khai thác truyền thống văn chương lâu đời về đồng tính luyến ái. Truyền thống văn chương đồng tính luyến ái Pháp đặc biệt lớn mạnh từ cuối thế kỷ 18 và đã để lại nhiều tác phẩm quan trọng nói về sự tương tác và biểu lộ văn chương của những chuyện thần thoại cổ điển cũng như dân gian từ thời thượng cổ cho đến ngày nay. Truyền thống văn chương đồng tính luyến ái Pháp cũng tạo được một lối diễn ngôn có ý nghĩa đặc biệt cho lối văn viết về đồng tính luyến ái.

Đồng tính luyến ái chỉ tình yêu và hành động yêu thương của hai người cùng phái tính, có thể cả hai đều là nam hoặc đều là nữ. Không kể các tiếng lóng, văn chương Việt chỉ có một từ duy nhất dùng để chỉ ý niệm này cho cả nam lẫn nữ, nhưng trong Anh ngữ và Pháp ngữ có hai từ riêng biệt, để chỉ đồng tính luyến ái nam là “homosexual – homosexuel”, và để chỉ đồng tính luyến ái nữ là “lesbian – lesbienne”. Theo bộ Oxford English Dictionary thì từ “homosexual” và từ “lesbian” chỉ mới bắt đầu được dùng từ thế kỷ 19. Trước kia chỉ thấy nhắc đến từ “sapphic” hoặc “tribade” và được dùng để chỉ tình yêu của người nữ với người nữ hoặc hành động ân ái của hai người nữ với nhau. Từ “đồng tính luyến ái” trong Việt ngữ cũng chỉ mới xuất hiện lần đầu trong bộ Pháp-Việt tự điển của Đào Duy Anh xuất bản năm 1936. Trước thế kỷ 18 ở tây phương đồng tính luyến ái giữa hai người nam bị coi là trọng tội trong khi đồng tính luyến ái giữa hai người nữ dù không được chấp nhận

nhưng không bị trừng phạt. Ở Việt Nam chưa bao giờ đồng tính luyến ái được thừa nhận như là một phong thái của con người cũng như chưa bao giờ bị xem là tội phạm. Từ “sapphic” được dùng để chỉ đồng tính luyến ái nữ là do phát xuất từ tên của một nữ thi sĩ kiêm nhạc sĩ Hy Lạp tên là Sappho sống vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước công nguyên. Còn từ “lesbian” bắt nguồn từ tên hòn đảo mà Sappho trú ngụ là đảo Lesbos. Sappho thường làm những bản nhạc và những bài thơ mùi mẫn tán dương và dụ dỗ những thiếu nữ đến đảo Lesbos để học nhạc và học làm thơ với bà. Khi các “người yêu” này rời đảo đi lấy chồng Sappho cũng soạn nên nhiều ca khúc với lời thơ đầy thương yêu để tiễn biệt họ.

Các nhà khảo cổ đã khai quật được rất nhiều bài thơ của Sappho để lại cho hậu thế và cho đến nay Sappho vẫn còn là tên tuổi quan trọng trong các nền văn chương tây phương, đặc biệt là văn chương Pháp đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn thơ Sappho. Rất nhiều công trình nghiên cứu và phiên dịch thơ văn của Sappho ra Pháp ngữ cũng như có rất nhiều

bản đã được sáng tạo gợi hứng từ cuộc đời của Sappho. Trong văn chương tây phương khi tên Sappho hay tên đảo Lesbos được nhắc tới là người ta nghĩ ngay đến tình yêu của người nữ đối với người nữ và được gọi là mô hình tình yêu Sappho. Căn cứ vào các tác phẩm của Sappho để lại, mô hình tình yêu này thường được chia làm ba thứ tình: thứ nhất là tình yêu của người đàn bà lớn tuổi cảm dỗ các thiếu nữ trẻ đẹp, thứ hai là tình yêu của người đàn bà lớn tuổi tự tử vì bị tình phụ, và thứ ba là tình của nhà thơ nữ được hóa thân thành Nàng Thơ. Sở dĩ có mô hình thứ ba này là vì Plato đã tôn vinh Sappho làm Nàng Thơ thứ mười của ông và điều này đã đưa Sappho ra khỏi vùng văn chương sắc dục để biến thành một đại thi hào.

Trong các mô hình vừa kể, tình yêu của người nữ với người nữ được đề cao vì tình yêu của người nam dù lúc đầu có đem lại hứng thú nhưng sau đó không còn tạo được thỏa

mãn về thể xác cũng như tinh thần cho người nữ nữa. Ngoài ra, người đàn ông lại còn là nguồn gốc của đau đớn thể chất cho người nữ cả trong chuyện làm tình cũng như trong chuyện sanh con cái: “ QKwQJ Qm K{Q VE OjP SK{ P?W HP QKwQJ YXYW YH VE OjP NK{ P-W ỹL VqF ỹjQ K[L Yu PDQJ WKDL YC HP FÊQJ VE ES WL”.

Thêm vào đó, sự vô dụng trọn vẹn, niềm lạc thú bền lâu bất tận chỉ tìm thấy được giữa người nữ với người nữ: “ WuQK kQ iL JLwD QJñeL Qw NK{QJ Fy Ju ỹK SK+L Vk KmL Yj SK· O)F WK~ P_L QJj\ P_L JLe P_L SK~W GjQJ SKmF K[L VLQK OyF QKñ QKwQJ NK{QJ QJsQJ QJKQ’ WUrQ ỹ)L GñĩQJ

Rất nhiều nhà văn phái nam của thế kỷ 18 và thế kỷ 19 đã sáng tác nhiều chuyện thần tiên về đồng tính luyến ái nữ dựa theo các mô hình tình yêu Sappho. Những tác phẩm văn xuôi viết về đồng tính luyến ái nữ thường diễn tả những khía cạnh tình yêu của người nữ với người nữ tuy xúc phạm đến giá trị xã hội nhưng còn chấp nhận được về phương diện văn hóa, trong khi đó những tác phẩm thi ca đồng tính luyến ái lại mô tả thế giới huyền bí của lạc thú phụ nữ. Sang thế kỷ 20 thì không những nam mà cả những nhà văn nữ cũng sáng tác nhiều văn bản nói đến đồng tính luyến ái. Khi các nhà văn nữ bắt đầu viết về tình yêu của người nữ với người nữ họ đã tạo ra một biến đổi luận đề quan trọng. Các kinh nghiệm yêu đương của người nữ với người nữ là một kinh nghiệm thức tỉnh, một sự phát hiện một thế giới chưa được khai phá, chưa được biết đến, một thế giới không thể bị quên lãng được nữa. Từ sự thức tỉnh này đưa đến ý niệm phụ nữ đồng tính luyến ái phải được đối xử bình đẳng đã nhen nhúm rồi bùng lên để về sau trở thành một lực lượng góp phần vào sự tranh đấu cho nữ quyền chống lại sự bá quyền của phái nam.

Nói chung, đồng tính luyến ái là một phong cách tính dục của con người được tìm thấy ở một số người nam và người nữ. Trước thế kỷ 18 phong cách này bị xem là bệnh

hoạn và là tội phạm nhưng sau cuộc cách mạng Pháp năm 1789, đồng tính luyến ái lần lần được xã hội công nhận và được văn chương phổ biến để trở thành một thứ truyền thống được gọi là truyền thống văn chương đồng tính luyến ái. Muốn xác định những nét đặc trưng của truyền thống này là một việc làm khá phức tạp. Đối với nhiều người việc hình thành được các nhân vật đồng tính luyến ái bề thế như nhân vật Mẹ Bề Trên của Diderot, nhân vật Vautrin của Balzac, các nhân vật Michel, Menalque, và Edouard của Gide, các nhân vật Charlus và Albertine của Proust, các nhân vật Divine và Querelle của Genet,...v.v... đã nói lên tánh cách phức tạp và mơ hồ của các phần tử trong thế giới đồng tính luyến ái luôn biến đổi. Đa số các nhân vật đó thường được xem là hiện thân của chánh tác giả được hư cấu hóa để các câu chuyện dễ trở thành lời cuốn người đọc.

Một số người khác thì lại không quan tâm đến tánh chất mơ hồ của nhân vật mà lại quan tâm đến sự kiện là các nhà văn Pháp qua lối tự sự rõ rệt và lời bình luận khúc chiết đã khai thác tỉ mỉ các khía cạnh khác nhau của kinh nghiệm đồng tính luyến ái. Mặc dù có nhiều dị biệt về lập trường và lối diễn ngôn, các văn bản như các chuyên luận của Sade, quyển *La Comédie Humaine* của Balzac, quyển *Corydon* của Gide, quyển *Sodome et Gomorrhe* của Proust, quyển *Journal du Voleur* của Genet..v.v... là những văn bản sơ nguyên đã uốn nắn nên viễn cảnh tinh thần và tri thức cho đồng tính luyến ái phương tây. Mặc dù các văn bản đó có được tán dương hay bị chỉ trích bởi cả người đồng tính luyến ái lẫn người dị tính luyến ái thì các văn bản đó cũng đã làm cho các tác giả của nó trở thành những người thầy bằng ngôn từ lẫn bằng hành động không những về đồng tính luyến ái mà còn về tánh chất khả hữu của con người nữa.

Từ thập niên 1950 đồng tính luyến ái được xem như là một trợ cụ cho sự phân tách trong phạm vi văn hóa và ngữ học. Các trí thức ở Ba lê đã khai triển và quảng bá những lý thuyết về đọc và viết văn bản cũng như

thiết lập những chủ thể đọc và viết mới có hiệu lực sắp xếp lại sự suy nghĩ của người đọc đối với ngôn ngữ và sự liên hệ phức tạp của nó với xã hội và dục tính. Đồng tính luyến ái đã làm cho sáng tỏ sự cách biệt giữa ngôn từ và ý nghĩa mà nó ám chỉ. Và chánh ngôn ngữ về đồng tính luyến ái mới là đề tài được tham khảo và tra cứu chứ không phải là vấn đề đồng tính luyến ái. Các sự tấn công không ngừng vào quan niệm của các nhà nhân văn học về con người đã thay đổi diễn ngôn về đồng tính luyến ái. Sự thay đổi này đã chuyển sự quan tâm từ thiên nhiên vào văn hóa và từ sự cá biệt vào sự khác biệt. Những cố gắng giải tỏa những đè nén nhân danh thiên nhiên hay tự nhiên đã đem đồng tính luyến ái ra khỏi sự giam hãm trong văn chương, trong tôn giáo, trong y khoa, và cả trong luật pháp để trở thành những truy vấn rộng rãi hơn về phương diện dục tính và chánh trị.

Đồng tính luyến ái sở dĩ phát triển mạnh và rất sớm ở Pháp là vì vào thế kỷ 18 nền tảng chánh trị của vương quyền cũng như của giáo hội Thiên chúa đã bị lung lay trầm trọng do nơi sự tham nhũng của các giới chức đạo cũng như đời nên nhà cầm quyền đã không còn đủ uy thế để ban hành những chế tài khắt khe cho những vi phạm vào ước lệ xã hội và tôn giáo như sự đồng tính luyến ái nữa. Trước thế kỷ 18 ít có nhà văn nào dám động đến lãnh vực cấm kỵ này dù cho gián tiếp đi nữa. Nếu có chăng cũng chỉ nhắc đến để mà lên án phong cách bệnh hoạn đó mà thôi. Sang thế kỷ 18 nhứt là sau cuộc cách mạng lật đổ vương quyền thì hầu hết các nhà văn tên tuổi của

Pháp lúc đó đều có đề cập đến vấn đề đồng tính luyến ái. Nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả họ đều chấp nhận và tham gia vào lối sống luyến ái đồng tính mà chỉ có nghĩa là họ muốn cố gắng soi sáng và kêu gọi người khác thẩm tra lại một cách không thiên lệch mọi sở thích và mọi phong cách của con người. Voltaire và Montesquieu là hai trong số các nhà văn tên tuổi đã tạo được nhiều ảnh hưởng trong lãnh vực văn chương đồng tính luyến ái.

Voltaire là một nhà văn kiêm triết gia Pháp đã viết nhiều tác phẩm trong đó ông đã nhiệt tình bênh vực đồng tính luyến ái nên đã bị các người chống đối tung tin là ông có đàn dúi luyến ái với các người đồng tính nhằm triệt hạ uy tín ông và làm cho ông im tiếng. Tuy vậy, ông không nản lòng trong việc kêu gọi mọi người hãy thông cảm hơn là phán xét các người đồng tính luyến ái cũng như chứng tỏ cho mọi người thấy là các người đồng tính luyến ái đã bị bạc đãi và bị hiểu lầm như thế nào bởi các người quá khích thiếu khoan dung. Trong chủ trương đó chánh ông đã từng can thiệp để cứu thoát được một người bị kết tội kê gian (sodomite) khỏi phải bị xử thiêu trên giàn hỏa. Voltaire đã viết rất nhiều văn bản để biện giải và chống đỡ cho chuyện đồng tính luyến ái cũng như để biện minh là các tiêu chuẩn luân lý rất là tương đối cho nên phải được lượng giá trong những nét đặc trưng của các môi trường xã hội khác biệt. Quan niệm và hành động như vậy Voltaire nhằm tạo dựng những căn bản quan yếu cho việc bảo đảm sự cảm thông và công lý cho những người đồng tính luyến ái.

Đồng thời với Voltaire, Montesquieu cũng đã bày tỏ quan điểm của ông về đồng tính luyến ái trong quyển sách nhan đề 'H O T H V S U L W G H / R L T r a n g 5 W i c h S K i S 7' đó ông đã minh bạch cho biết là ông không ủng hộ đồng tính luyến ái nhưng đồng thời ông cũng cho là nền pháp lý đương thời đã có những trừng phạt quá nặng nề đối với các người đồng tính. Montesquieu rõ rệt không coi đồng tính luyến ái là một trường hợp đặc biệt trong phong cách của con người mà coi họ như là một lớp người tiêu biểu cho những người bị xã hội khước từ và để sống bên lề cuộc đời.

Điều nổi bật chung trong quan điểm của Voltaire và Montesquieu là sự ý thức rằng các hệ thống tư tưởng và tác hành hướng đến sự cải thiện xã hội phải dung nạp luôn cả những người trước kia đã bị xã hội bỏ quên. Quan điểm của cả hai ông cũng giống như quan điểm triết học đương thời cho là sự tự do tư tưởng phải dẫn đến sự tự do hành động.

Ngăn cấm con người theo đuổi đam mê chẳng khác nào cấm đoán con người trở thành con người. Khuyên một người đang đắm chìm trong mộng phải khoan hòa lòng khát khao thì chẳng khác nào khuyên anh ta phải thay đổi cấu tạo thể chất, và ra lệnh cho máu trong người anh phải chảy chậm lại. Bảo một người đang yêu có tánh khí cuồng nhiệt phải kiềm chế ước vọng về đối tượng đã đem đến cho anh ta niềm vui thì chẳng khác nào bảo anh ta phải chối bỏ hạnh phúc. Một cách tổng quát, viễn quan mới về con người và xã hội không thể gạt bỏ hay kết án bất cứ một khía cạnh nào của phong cách con người vì như thế sẽ làm suy yếu đến chánh nền tảng của tự do. Trong ý hướng đó, các tư tưởng triết học phải

được giãn nở nghĩa là phải đem các tư tưởng của các nhóm đa số áp dụng cho các nhóm thiểu số một cách không bị bóp méo. Nhờ quan niệm như vậy mà một ý thức về đồng tính luyến ái đã được hình thành và hiện hữu một cách an toàn hơn, quyết đoán hơn, và cũng đầy ý nghĩa hơn.

Trong thế kỷ 18 một tác giả khác đã để dấu ấn sâu đậm cho đồng tính luyến ái là hầu tước De Sade. Sade đã trở thành một nhân vật quan trọng trong lãnh vực đồng tính luyến ái là vì ông có một đời sống bí ẩn và phần khác ông vừa là người tạo ra và cũng vừa là người được tạo nên bởi điều mà ngày nay ta gọi là truyền thống đồng tính luyến ái. Tuy Sade là người của thế kỷ 18 nhưng trong một chừng mực nào đó có thể coi ông là người của thế kỷ 20 vì các văn bản và quan điểm về đồng tính luyến ái của ông chỉ được bắt đầu biết đến trong thế kỷ 20 nhờ công trình truy cứu của Apollinaire và Maurice Heine. Sau đó, trong các thập niên 1950 và 1960 nhờ các bài bình luận của các nhà văn như Beauvoir, Paulhan, Blanchot, Klossowski, và Bataille mà tên tuổi Sade được trở thành quen thuộc với mọi giới. Tầm tiếng của ông đã biến đổi rất nhiều qua thời gian từ một hầu tước ô nhục, bệnh hoạn, và khó hiểu, đến một hầu tước thầy cúng trong thế kỷ 18 rồi sau cùng trở thành một nhà văn, một nhà tư tưởng vào thế kỷ 20. Tuy vậy, đa số các nhà bình luận

hiện đại chú ý đến tư tưởng của Sade nhiều hơn là quan tâm đến các tác phẩm viết về đồng tính luyến ái của ông.

Theo Simone de Beauvoir thì tính dục của Sade không phải là vấn đề thuộc sinh học mà là một sự kiện xã hội. Ông xem phong cách tính dục của

ông như một thứ hợp đạo lý, và ông dùng văn chương để trình bày cách hành xử hợp đạo lý đó vì thực tại của cuộc đời và xã hội đã không cho phép ông được hành xử như vậy. Thực vậy, trong cuộc sống ông đã bị xem là một tội phạm, một người dị giáo, và một người điên khùng. Ông đã trải qua hơn ba mươi năm trong các trung tâm cải hóa, rồi sau đó phải trốn chạy sự truy lùng của luật pháp, hoặc sống lưu đầy nơi thôn dã do lệnh của nhà vua, cho nên cuộc đời ông là những chuỗi dài năm tháng sống trong cô đơn và cô lập. Và chính sự cô đơn và cô lập đó đã biến ông thành nhà văn vì qua văn bản ông tìm thấy được sự cứu rỗi cũng như sự trả thù cuộc sống. Nhờ văn bản ông tìm thấy được các lạc thú tư riêng mà trong cuộc sống xã hội ông không có được. Qua văn bản ông thưởng thức được các nét đẹp của thân xác con người, những nét đẹp được ông đặc biệt ca ngợi gần như tôn sùng. Những nét đẹp của thân xác của các nhân vật trong các chuyện của ông thường được tả tỉ mỉ với nhãn quan mỹ học giống như các bài thơ sonnet thời Phục hưng đã ca ngợi, đặc biệt là các đường nét cân đối của các bộ phận sinh dục đã được ông mô tả rất kỹ lưỡng. Cho nên, ông đã bị xã hội thời đó kết án là chuyện không có gì khó hiểu. Về văn phong ông cũng có một văn phong tội lỗi như tư tưởng và cốt truyện do ông dần dựng lên. Các nhân vật của ông thường không có cá tính, cốt truyện thiếu tính chất thực, từ vựng thì không hình dáng và lập đi lập lại, các chuyện khôi hài thì thô kệch, và sự trình bày tư tưởng thì mù mờ khó hiểu. Điều này một lần nữa giải thích vì sao ông đã không được người đồng thời thưởng thức mà phải mãi hơn một trăm năm mươi năm sau tên tuổi ông mới được trưng bày ra ánh sáng nhờ tư tưởng đồng

tính luyến ái của ông lúc đó được thừa nhận như một hình thức của tự do cá nhân.

Tuy không được đa số người đồng thời chấp nhận những tác phẩm của Sade cũng đã khởi tạo được một truyền thống đồng tính luyến ái trong văn chương Pháp. Nhờ đó mà từ cuối thế kỷ 18 tiếng nói và viễn cảnh của đồng tính luyến ái đã đạt được tánh cách vững vàng để thay vì thu mình thụ động đã trở thành dần thân hơn. Nhờ đó nền văn chương đồng tính luyến ái không còn chỉ gồm những văn bản rời rạc, vắn số và những nhà văn cô lập mà đã tiến triển thành một tập hợp rộng rãi của nhiều viễn cảnh văn học khác nhau. Sự liên kết cấu trúc đó không chỉ xác định các yếu tố của truyền thống văn chương đồng tính luyến ái mà còn xác định sự tương tác giữa truyền thống đó và khung cảnh văn chương chung rộng lớn hơn.

Trong thế kỷ 18 ngoài Sade một nhà văn kiêm nhà báo nổi tiếng khác cũng viết về đồng tính luyến ái là Honoré de Balzac (1799-1850). Điều mà Balzac bận tâm nhất và được thể hiện trong hầu hết các nhân vật của ông là sự tương quan giữa đồng tính luyến ái và tội phạm. Người đồng tính luyến ái vì bị xem là tội phạm trong ý nghĩa rộng rãi của từ này là những người sống bên ngoài sự hạn chế cứng rắn của cấu trúc xã hội. Theo Balzac, bên trong cấu trúc đó con người hiện hữu như những bản thể mang mặt nạ bị phủ nhận tánh chất của con người chân chánh. Con người mang mặt nạ là con người không còn sức sống vì tính dục đã bị gò bó, tất cả những phản ứng xúc cảm bị hạn chế, và những ý tưởng đột khởi đối với người khác và hoàn cảnh chung quanh cũng bị cấm đoán. Vì không chấp nhận để cho xã hội tạo dựng tính dục nghĩa là tạo dựng bản thể cho mình, các người đồng tính luyến ái đã phản ứng lại và trở thành những khuôn mặt quan trọng bên trong cũng như bên ngoài thế giới hư cấu của văn bản.

Balzac viết rất nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn được in chung trong quyển sách nhan đề *La Comédie Humaine*. Qua

các câu chuyện trong quyển sách này Balzac đã vẽ lại cuộc sống xã hội với cuộc cách mạng kỹ nghệ đang diễn ra trước mắt ông. Trong khung cảnh xã hội đó nhân vật đồng tính luyến ái Vautrin, một cảnh sát trưởng nhưng đồng thời cũng là một xếp sòng của xã hội đen là một nhân vật nổi bật nhất trong hơn 2000 nhân vật được ông tạo dựng lên trong các câu chuyện của ông. Qua nhân vật Vautrin Balzac đã trình bày các quan điểm của ông về đồng tính luyến ái là: thứ nhất, tính dục chân thực luôn luôn có tánh cách phi xã hội (asocial) và là cội nguồn của năng lượng sống động (vital energy), thứ hai, sự đam mê là một hình thái tính dục tiêu biểu cho sự hội tụ của năng lượng tính dục, và thứ ba, tính dục tự nhiên—tính dục không bị luật lệ xã hội hạn chế và gò bó—là cội nguồn duy nhất của con người chân chính.

Đối với Balzac năng lượng sống động là một hình thái nổi dãi của tính dục và năng lượng tính dục được biến đổi thành đam mê qua các ẩn dụ của khát khao. Sự đam mê tự nó không có tánh cách dục tính, mà là một dạng thức của hi vọng trong ý nghĩa là có một sự bất ưng ý với cuộc sống thường nhật, và có một cố gắng hướng về lý tưởng. Tuy nhiên, sự biểu lộ nhu cầu vượt lên trên sự bình thường là một hình

thức của khát khao và hậu quả là một sự biểu lộ của tính dục. Sự đam mê được biểu thị bằng những xúc động tự phát, những xúc động như vậy, cội nguồn của tánh cách cá thể chân chính, thường dễ nổ làm vỡ tung cái vỏ che bên ngoài để phô bày cá tánh trung thực của con người ở bên trong. Hoạt cảnh nhân vật Vautrin bị cảnh sát bắt là một mô hình tiêu biểu cho rất nhiều tình huống của quyển *La Comédie Humaine* trong đó các cá tánh vay mượn đã bị tiêu hủy để lộ ra bản chất thật của các nhân vật cho độc giả thấy.

Theo Balzac sự đam mê, và trong chừng mực nào đó luôn cả tính dục và con người chân chính, đều có tánh cách phi xã hội và là một tội phạm trong ý nghĩa rộng rãi của danh từ này. Vì vậy, Vautrin, một nhân vật đồng tính luyến ái

không thể hội nhập được với xã hội cho đến khi nào ông ta không còn đam mê và khi ấy tội phạm của ông mới chấm dứt được. Tương tự như vậy, những nhân vật có tình yêu sâu đậm—một hình thức của đam mê—cũng phải sống bên ngoài phạm trù của xã hội bởi vì tình yêu của họ được xem như là đối kháng với vai trò của tính dục do xã hội qui định. Ngoài ra, sự đam mê vì cũng là một hình thức của năng lượng tính dục dồi dào nên thường vượt lên trên sự hợp lý thông thường và sự kiểm soát của lý trí tỉnh thức. Đam mê thường dẫn đến những phản ứng đầy cảm tính và những nhận thức thuần trực giác. Những đặc tính này làm đam mê mang tính chất ma thuật (diabolism) và cũng theo Balzac tính chất ma thuật này làm nảy sinh ra sáng tạo. Các bài thơ được thai nghén trong óc của thi nhân dựa trên nhu cầu được gây hứng bởi đam mê, hay nói cách khác thiên tài của nhà thơ là biết dùng sức mạnh của tưởng tượng để biến ý tưởng thuộc vùng khát khao vô thức thành những lời thơ cụ thể. Trong ý hướng đó, theo Balzac tất cả những tình nhân, những nhà cách mạng xã hội, kể cả các người có cuộc sống trụy lạc... đều giống như thi nhân. Tất cả họ được xếp vào một hạng người riêng biệt, một hạng người phó thác tất cả cuộc sống một cách cuồng nhiệt cho ý hướng vượt qua mọi ước lệ của xã hội để truy tìm sự toàn mỹ.

Sự đam mê của Vautrin rõ rệt được xác định là đồng tính luyến ái, và tiềm năng ma thuật cũng như sáng tạo của Vautrin đã được làm nổi bật nhờ Balzac chỉ cho Vautrin có một sự đam mê duy nhất là đam mê đồng tính luyến ái. Nhờ sự đam mê đó mà Vautrin thủ đắc được khả năng khai triển năng lượng tính dục ra các môi trường xã hội để hoàn thành các mục tiêu thúc đẩy bởi niềm đam mê nội tại. Trong tất cả các nhân vật do Balzac dựng lên trong quyển *La Comédie Humaine* Vautrin đã được mọi người công nhận là hiện thân của Balzac và được Balzac gởi gắm nhiều ước vọng nên đã được ông tô vẽ rất kỹ lưỡng về mọi phương diện. Sự khai triển năng lượng dục tính vừa nói đưa tới sự xác nhận bản

thể và thách thức trật tự xã hội. Nói một cách tổng quát, tính dục khác thường của Vautrin đã được Balzac dùng như một phương tiện tấn công chủ nghĩa vật chất phi nhân bản mà Balzac nhận thấy đang nảy sinh trong xã hội cách mạng kỹ nghệ ông đang sống. Sự đồng tính luyến ái của nhân vật Vautrin cũng được dùng để kết tinh lại những quan điểm rời rạc của Balzac về bản thể và xã hội và đó là chủ đề chánh của *La Comédie Humaine*.

Giống như Balzac, André Gide (1869-1951) cũng quan tâm đến mối tương quan giữa đồng tính luyến ái và tội phạm. Gide là một nhà bình luận, một nhà văn và một kịch tác gia nổi tiếng của Pháp đã từng đạt giải thưởng Nobel về văn chương năm 1947. Ông cũng là một người đồng tính luyến ái và các quan niệm về đồng tính luyến ái đã được trình bày một cách rõ ràng trong hầu hết các tác phẩm của ông. Trong cuộc sống Gide đã đan dáu luyến ái đồng tính với một số người tên tuổi như Oscar Wilde, Marc Allegret... và các người này đã để lại nhiều ảnh hưởng trong các tác phẩm văn chương của ông. Gide viết văn không phải chỉ để công khai hóa cuộc sống tình dục đồng tính luyến ái của ông mà còn để cho thấy là vấn đề tính dục tự nó là một thách thức cho sự phân biệt giữa đời sống tư riêng và đời sống công cộng. Tác phẩm của ông không chỉ đề cập đến vấn đề phân tâm học mà còn thảo luận cả đến các vấn đề từ nền tảng xã hội và chánh trị đến tánh cách khách quan của tính dục tư riêng. Ông cũng tìm hiểu do phương cách nào mà những sự tranh đấu cá nhân, tư riêng có thể dẫn đến sự nhập cuộc của đông đảo quần chúng.

Trong sự tranh đấu với tình trạng tiến thoái lưỡng nan về luân lý do đồng tính luyến ái đặt ra, Gide ngay từ đầu đã chọn hai lập trường có vẻ đối nghịch. Một mặt, giống như Balzac, Gide quan niệm đồng tính luyến ái như là một cội nguồn của con người mang bản thể có khí chất (*idiosyncratic self*), tức là một bản thể mang những chân lý có tánh chất bản thể học là phi xã hội và phi luân lý. Và Gide đã đề nghị

phải bảo vệ sự toàn vẹn của bản thể thân thiết đó chống lại mọi va chạm trong hoàn cảnh xã hội và văn hóa. Hầu hết các tác phẩm của ông được dành cho việc thẩm tra tiến trình trong đó bản thể nội tại được biểu lộ và những phương cách khác nhau mà cá nhân hay môi trường chung quanh cá nhân đã làm sai lạc và bóp méo bản thể. Mặt khác, Gide cũng chủ trương là bản thể có khí chất đó không thể và không nên bị hội nhập vào xã hội, một lập trường mặc nhiên phủ nhận quan điểm cho rằng đồng tính luyến ái không bao giờ có tánh cách hỗn loạn (disruptive) hoàn toàn. Hậu quả là các tác phẩm của ông chứa đầy các thẩm tra tỉ mỉ về những trở ngại phải vượt qua nếu muốn cái bản thể có khí chất đó thực hiện được chức năng một cách có ý nghĩa trong cấu trúc của xã hội.

Ngoài ra, quan niệm cho rằng tính dục là cội nguồn của con người đã được Gide khai thác trong tác phẩm **Les Faux-monnayeurs**. Trong phần truyện ngắn **Le Traité de la fourrure**, nhân vật Walter nghiệm ra rằng ông ta đang đương đầu với hai dạng thái biến đổi của cùng một nguồn năng lượng sống động. Chối bỏ tính dục là tự hủy đi sự sống. Tính dục của nhân vật Walter là một sự thực tiên nghiệm, là một sự huyền bí áp ủ và lớn lên trong mỗi con người không vì một lý do rõ rệt nào cả. Nó tiêu biểu cho sự thôi thúc rất thân thiết và đột khởi mà người ta thường gọi là dục tình của Freud.

Tính dục không những là cội nguồn của con người mà còn là cội nguồn của tánh cách khí chất của mỗi cá thể. Tính dục của nhân vật Walter có tánh cách khí chất không phải do nơi có những hành vi đặc biệt hoặc do nơi đối tượng của ước vọng mà do nơi chánh giá trị của ước vọng trước khi ước vọng

được xếp hạng và xác định bằng những đối tượng và hành vi ước lệ. Vấn đề của nhân vật Walter không do nơi áp dụng sự giao cấu nửa vờ (onanism) tức biểu lộ tính dục bằng hành vi đặc biệt, hoặc cũng không do nơi sự kiềm hãm đồng tính

luyện ái tức tính dục được xác định bằng đối tượng của ước vọng, vấn đề của nhân vật Walter được xác định do nơi giá trị độc đáo về tính dục của ông ta, một giá trị đã thẩm thấu vào nhân cách của ông ta dù cho hành vi tính dục của ông ta có thể hiện hay không và có nhắm đến một đối tượng nào hay không. Theo Gide, mọi hành vi, mọi tư tưởng của con người phô bày ra thế giới hiện thực phản chiếu giá trị nội tại của mỗi cá thể. Và như vậy Gide đã biến đổi vấn đề đồng tính luyện ái thành vấn đề tính dục khí chất và trong tiến trình đó ông đã xác định lại sự hỗn loạn về mặt khách thể hơn là chủ thể của ước vọng

Theo Gide tính dục khí chất là một giá trị của con người. Bản thể nội tại, cội nguồn của mọi giá trị, luôn luôn được xem có giá trị như một vị thần. Và nhận thức rằng nhân cách xã hội phải được hi sinh cho sự biểu tỏ sự thực nội tại, bất kể sự thực ấy có tánh cách hỗn loạn như thế nào đi nữa, đã mau chóng trở thành một cường chế luân lý. Trong *Les Cahiers* Gide đã cho thấy bản thể nội tại được biểu tỏ vượt lên mọi chướng ngại. Trong khi đó qua tác phẩm *Narcisse* Gide chuyên chú trình bày làm thế nào cho bản thể có thể được biểu tỏ với ít bị bóp méo nhất.

Tuy bản thể khí chất có tách cách phi xã hội nhưng lại hiện hữu tương thuộc (interdependent) với hoàn cảnh xã hội và văn hóa. Trong khung cảnh đó những qui ước xã hội âm thầm liên kết với khả năng duy lý hóa của cá nhân để tạo ra sự bất chánh thống đưa đến sự kiềm hãm bản thể khí chất. Tuy nhiên, bản thể nội tại không chịu đi lệch hướng, nhu cầu của nó phải được thỏa mãn cách này hay cách khác. Cá nhân nào không ý thức được rằng phải thỏa mãn các nhu cầu đó để thiết lập sự quan hệ với hoàn cảnh chung quanh, bản thể nội tại kia sẽ trở thành một phản lực có khả năng tàn phá cá nhân đó. Trong khi khai triển quan điểm “W{L O j N C N K i F ’ M H n a y X L H \” Gide đã đồng hóa bản thể khí chất với vừa là quỷ thần vừa là

thánh thần, đặc biệt là trong các tác phẩm / *Ź*, *PPRUDOLVWH* Caves du Vatican, và Les Fauxmonnayeurs

Chủ đề của tác phẩm / *Ź*, *PPRUDOLVWH* là sự C 9 { (mâu thuẫn giữa một bên là trách nhiệm liên hệ đến qui ước xã hội và một bên là nhu cầu sinh tồn đòi hỏi cá nhân phải khám phá bản ngã đích thực của mình bất chấp hậu quả. Nhân vật Michel trong tác phẩm / *Ź*, *PPRUDOLVWH* là sự phục vụ cho một quỷ thần rất mạnh đã sai khiến mọi hành động của anh. Tuy nhiên, anh chỉ bị sai khiến khi anh tránh đương đầu với nó và do đó tạo nên một tình trạng trong đó chánh anh và những người khác đã bị tàn phá một cách phi lý và không kiểm soát được. Sự nổi loạn của anh chống lại các tập quán đã trở thành một mẫu mực qui ước cho sự trốn chạy bản ngã. Sự nguy hiểm của tình trạng bị quỷ thần sai khiến này chỉ rõ ràng và đe dọa cho cá nhân nào, như người đồng tính luyến ái chẳng hạn, muốn thử theo đuổi một cách công khai tình trạng tính dục hỗn loạn (disruptive sexuality). Theo Gide, đồng tính luyến ái không có tánh cách hỗn loạn trong ý nghĩa là nó tội phạm hóa cá nhân và đặt cá nhân ra ngoài lề xã hội. Các nhân vật của Gide thường có những hành động vi phạm luật pháp nhưng tất cả đều là một thành phần bất khả phân của xã hội và không thể thoát khỏi ảnh hưởng của xã hội. Trong một thế giới tất cả con người đều vừa có tội vừa vô tội, đồng tính luyến ái bị xem là hỗn loạn vì nó cho ta thấy sự khả hữu của bản thể khí chất giữa biển đời đầy dối trá. Nhân vật Michel bị xem là vô luân và là một tội phạm vì anh đã vượt quá các luật lệ hạn hẹp đó.

Ngoài ra, Gide cũng thăm tra ảnh hưởng của quan niệm quỷ thần trên các mối tương giao giữa cá nhân với cá nhân. Trong tác phẩm *Les Fauxmonnayeurs*, dưới sự ảnh hưởng của quỷ thần, nhân vật Vincent đã đè nén mọi xúc động tình cảm để chối bỏ mọi động lực vị tha nguyên thủy của anh đối với Laura và giải thích một cách sai lạc là sự thắng lớn tại sòng bạc như là một dấu hiệu cho anh biết là sự bỏ rơi nàng

là đúng. Hành động này đã làm cho Vincent trở nên điên khùng và kích động một loạt biến cố phức tạp khác. Một cách trực tiếp hay gián tiếp, xuyên qua những hình thức không ý thức được của sự sai khiến khác nhau của quỷ thần, mỗi nhân vật trong truyện có những hành động u mê làm cho các nhân vật khác phản ứng lại bằng những hành động cũng không sáng suốt gì. Tất cả họ hợp thành một xã hội giả (counterfeit society) và đó chính là sức mạnh của quỷ thần, chủ đề chính của cốt truyện.

Từ một quan niệm khởi nguyên liên hệ đến đồng tính luyến ái, Gide tạo ra một viễn quan phức tạp về sự tương giao giữa cá nhân với cá nhân, dựa trên quan niệm về quỷ thần, về sự trùng hợp, về các tác động nối tiếp và phản tác, và về động lực đa chiều. Đồng tính luyến ái chỉ là một dấu chỉ của văn hóa, một hình thức biểu tỏ của qui ước xã hội. Con người không phải chỉ được xác định bằng đối tượng của ước vọng mà còn bằng cách thức trong đó tính dục được biểu tỏ hay bị dồn nén. Qua quan niệm về quỷ thần, khởi nguyên có liên hệ đến vấn đề đồng tính luyến ái, Gide đã đặt nặng vấn đề vào sự tranh đấu để hợp nhứt nhân cách và thể hiện sự độc đáo của nó trong các giới hạn của xã hội.

Nói về sự tương quan giữa tội phạm và đồng tính luyến ái không ai là hiện thân rõ rệt như bằng Jean Genet (1910-1986) vì trong đời ông hai hiện tượng này đã đan kết với nhau chặt chẽ đến nỗi rất khó phân biệt được. Vừa ra chào đời Genet đã là một đứa con vô thừa nhận nên từ 10 tuổi ông đã bụi đời, sống cuộc đời lang thang đây đó và phạm đủ thứ tội từ trộm cắp, du thủ du thực, đến buôn lậu và cả tội đồng tính luyến ái. Genet có vào lính Lê dương Pháp một thời gian rồi sau đó đào ngũ vì không thích làm người lính đánh thuê. Trại cải huấn thiếu nhi rồi nhà tù là những nơi Genet rất quen thuộc vì vào ra nhiều lần. Tên tuổi Genet và cuộc đời ông sẽ chôn vùi trong im lặng và khinh bỉ của mọi người nếu ông không bắt đầu viết văn khi ông đang ở tù. Một vài tác phẩm

của ông đã được viết ra ngay trong nhà tù. Genet đã viết đề giải tỏ nỗi cô đơn và sự bất hạnh của đời mình nhưng đồng thời Genet cũng muốn dùng văn chương để đả phá cái xã hội trưởng giả đã ruồng bỏ ông. Trong các tác phẩm của ông, cái thế giới đen trong đó ông đã sống và lớn lên, cái thế giới của các tay anh chị, các người đồng tính luyến ái, những tay ma cô, dĩ điểm, những tên buôn lậu, những tay đầu trộm đuôi cướp... đã được ông vẽ lại một cách sống động. Vì tất cả những hình ảnh đó là những kinh nghiệm sống nên các tác phẩm của ông đã tạo được một tiếng vang đáng kể trong văn giới. Nhờ đó trong một lần phải vào tù vì tội trộm tái phạm lần thứ 10, ông đã được hai nhà văn cự phách đương thời là Jean-Paul Sartre và Jean Coucteau can thiệp với Tổng Thống Pháp cho ông được đặc giảm và hưởng qui chế quản thúc tại gia (parole). Sự giúp đỡ này đã cải biến hoàn toàn cuộc đời của Genet vì từ đó ông giã từ thế giới đen để chuyên chú vào công việc viết tiểu thuyết và kịch bản. Về kịch ông cũng rất thành công vì đã dám ra ngoài những lề lối cũ trong cách thức dựng bối cảnh, dựng nhân vật, cũng như những cách thức mở vở kịch.

Qua tác phẩm *Le Journal du Voleur* (Nhật Ký của Tên Trộm) Genet đã viết lại những ngày sống ở trại cải hóa thiếu nhi Mettray và cuộc đời trộm đạo của ông. Ông xem hành động trộm cắp là một việc làm theo tiếng gọi thiêng liêng (holy vocation) và ông đã thực hành nó với sự tận tụy của một con chiên. Vì cho tội ác là đẹp nên ông tán thành những khát khe và tàn bạo của nhà tù vì nhà tù đã biến những đứa trẻ thành những tên tội phạm đầy bản lĩnh sau này. Ông cũng tìm thấy nơi nhà tù Mettray một niềm an ủi lớn lao. Khi sống trong làng ông bị mọi người xa lánh, xã hội ruồng bỏ vì phạm tội trộm. Nhưng khi bị nhốt vào Mettray lần đầu ông thấy ông được người khác, các bạn đồng tù, thừa nhận và đón chào vào tập thể. Tại Mettray ông không còn là kẻ trộm giữa các người ngay lành, ông không còn là người gây ảnh hưởng xấu trên các trang lứa ngây thơ. Tại

Mettray ông đã trở thành một người bị xã hội ruồng bỏ trong tập thể những người bị xã hội ruồng bỏ. Trong quyển sách này ông cũng đã phơi bày đầy đủ cuộc sống đồng tính luyện ái của ông. Không giống như Gide, ông không mưu tìm một sự cảm thông nào nơi xã hội hay tìm sự hữu lý trong sự chê trách. Ông trình bày đồng tính luyện ái như là một thành tố cùng với sự trộm cắp và sự phản trắc hợp thành một bộ ba điều ác (evils) và các điều ác này là giường mối luân lý của những kẻ sống bên ngoài xã hội.

Tuy nhiên, qua những tác phẩm của ông các nhà phê bình văn học nhận thấy là đồng tính luyện ái đã được ông xem như là một phần bất khả phân của cố gắng tạo cho đồng tính luyện ái một hình thái trong sáng và có ý nghĩa. Nhiều nhân vật trong các truyện của Genet được tác giả dựng lên như là những hình tượng (images) với ý nghĩa là những mô hình nguyên mẫu nằm bên rìa của những mẫu chuẩn (stereotype). Sự liên hệ giữa hình tượng và đạo lý của điều ác (ethics of evil) tiêu biểu cho sự vượt trội của bản thể phi thường qua sự nhận thức được vài hình dạng nguyên mẫu nơi kẻ bị xã hội ruồng bỏ. Trong các truyện kể Genet thường hay dùng đến các nghi lễ (ritual) và ông cố gắng cho thấy là hình tượng không phải chỉ là mẫu chuẩn của xã hội mà còn là những nguyên mẫu đã xuất lộ từ vô thức của tập thể. Các biểu tỏ trầm trọng về tội phạm và đồng tính luyện ái luôn luôn được ông trình bày như là những chức năng có tánh cách nghi lễ. Và chánh các nghi lễ đó là phương tiện để cho các hình tượng vô thức được giải thoát và trở thành có hình dạng. Chẳng hạn, trong khi nhân vật Metayer đang bị hành quyết thì các đứa trẻ ở Mettray biến thành những tội phạm cho ta thấy là qua sự điên cuồng của các động tác nghi lễ sự bạo động và sự tàn ác đã được số lòng.

Ngoài ra, những hành động của các nhân vật của Genet cho thấy năng lượng thoát ra từ các động tác nghi lễ tự bản chất cũng có tánh cách tính dục. Các đứa trẻ tại trại cải huấn thiếu nhi ở Mettray một cách tự nhiên đã coi sự thỏa mãn

dục tính giống như cảm giác khi giết Metayer. Trong khi đó, nhân vật Querelle cảm thấy niềm ước muốn được giết Vic là một hình thái hấp dẫn tính dục và sự thỏa mãn do niềm ước muốn này mang lại giống như niềm hoan lạc mào đầu (foreplay) trước khi làm tình thực sự. Những hành động đồng tính và tội ác đó thường xuất hiện bất chợt và gây ra bởi những chi tiết hết sức vô nghĩa nhưng lại là những nhu yếu bất khả phân của nghi lễ. Đó là những nhu yếu nội tại và bao gồm trong các nhu cầu cấp thiết mà mỗi cá nhân cảm thấy muốn hành sử vai trò đã bị ngủ quên trong mỗi người. Và khi hành sử như vậy con người tái tạo lại sự hiện hữu của mình.

Tóm lại, theo Genet các ý tưởng về tính dục tội ác là cội nguồn của sức sáng tạo. Những hình tượng và những nghi lễ này đến những nghi lễ khác trong các tiểu thuyết của ông đã phản ánh những ước mơ kỳ quặc về tính dục của một người tù đồng tính luyện ái. Các chuyện và nhân vật của ông được sáng tạo từ những hình tượng thật xuyên qua sức mạnh tưởng tượng đầy sáng tạo của tiến trình kỳ quặc hóa. Tiến trình này là một nghi thức qua đó tác giả biến thành một người khác và người này sống một cuộc đời có những hình tượng đã được tác giả

nhào nặn nên. Và bản ngã của con người được tìm thấy nơi sức mạnh sáng tạo cho phép một người có thể biến thành người khác đó. Người đồng tính luyện ái không nổi loạn chống lại xã hội chỉ vì muốn chấp nhận một hệ thống giá trị trái ngược. Sự nổi loạn đó nằm ở sự khám phá ra một hình thái tính dục đầy sáng tạo mà nhờ đó những kẻ sống bên lề xã hội trở thành nghệ sĩ. Hình thái tính dục đó chánh là sự hiện hữu của họ, một phần của bản thể mà xã hội không có khả năng đối kháng và hủy diệt. Theo Genet bản ngã chỉ hiện hữu qua một loạt những hành sử vai trò, ngoài vai trò ra không còn có gì cả. Tuy nhiên, Genet được biết đến không phải vì những hình tượng về tội ác và về đồng tính luyện ái do ông đã tạo dựng lên. Genet được biết đến chánh là nhờ

điều ông đã khẳng định là tính dục không thể dùng làm căn bản để xác định sự hiện hữu chánh thống và làm nguồn cội cho cá tánh được vì tính dục không phải là một sản phẩm của ý chí và của sự tự do lựa chọn.

Một tác giả khác cũng quan trọng không kém trong lãnh vực đồng tính luyến ái là Marcel Proust (1871-1922). Proust viết văn rất sớm nhưng phải trải qua nhiều năm tháng thăng trầm trước khi thành danh. Một trong các tác phẩm nổi tiếng của ông là *A la Recherche du Temps perdue* (Đời đã mất) gồm 9 tập truyện. Đặc biệt trong tập truyện *Sodome et Gomorrhe* (Vấn đề đồng tính luyến ái lần đầu tiên đã được ông đề cập đến bằng cách sửa câu chuyện Sodome trong kinh thánh thành một câu chuyện thần thoại về người đồng tính luyến ái. Theo câu chuyện thần thoại mới của Proust thì một số người của thành Sodome đã thoát được cuộc hỏa thiêu, đến trú ngụ và sinh sống trên trái đất. Các hậu duệ nhiều đời của những người này là những người đồng tính luyến ái của ngày nay.

Nhưng qua các diễn biến thần thoại của câu chuyện người đọc lại nhận thấy là không phải đang đọc một chuyện thần thoại mà là đọc một chuyện có tánh cách khoa học vì tác giả cố thử quan sát người đồng tính luyến ái với một nhãn giới khách quan gần như trị liệu, và hệ thống hóa những điều quan sát thành những luật lệ chung về nhân cách và lối đối xử của họ. Tác giả đã quan sát các nhân vật Charlus và Jupien giống như nhà tự nhiên học nghiên cứu cuộc sống của cây cỏ. Và tác giả nhận thức ra rằng hai nhân vật Charlus và Jupien cũng bị chi phối bởi những luật lệ và nghi thức tương tự như của các sinh vật khác. Theo Proust, phương cách của Jupien dùng để báo hiệu và quyến rũ Charlus cũng chẳng khác gì phương cách của hoa lan dùng để quyến rũ các chàng Ông. Nhưng khác với loài vật và loài hoa là tình yêu của hai người đồng tính không đâm hoa kết trái được. Tuy vậy, theo Proust có một thứ thụ tinh tinh thần (spiritual fecundity) xảy ra trong tình yêu của hai người đồng

tính vì mọi sự hội nhập của hai phân nửa người bị tách đôi theo như chuyện thần thoại Sodome được Proust sửa đổi nhắc ở trên đều làm hàn gắn lại cấu trúc thiên nhiên nguyên thủy của con người. Cho nên, đồng tính luyến ái là một hình thái tình yêu hợp với thiên nhiên và không có gì là tội lỗi như nền luân lý qui ước đã kết án.

Mặt khác, Proust cũng cho người đồng tính luyến ái là người nửa-nam-nửa-nữ (homme-femme, man-woman). Ý niệm này có lẽ Proust đã lấy từ câu chuyện thần thoại của Plato viết trong sách

Symposium nói về nguồn gốc của đồng tính luyến ái nam, đồng tính luyến ái nữ, và dị tính luyến ái. Theo câu chuyện này thì nhân loại đầu tiên có ba phái tính và con người nguyên thủy có dạng hình tròn đầu lưng vào nhau, có hai mặt, bốn tay, bốn chân, bốn tai, và hai bộ phận sinh dục. Một số những người hai mặt này có phái tính nam-nam, một số khác có phái tính nữ-nữ, và nhóm thứ ba có phái tính nam-nữ. Tất cả những người này đều có sức mạnh phi thường và rất kiêu hãnh thường hay thách thức quyền uy của các vị thần linh, nên thần Zeus thấy phải làm suy yếu họ đi bằng cách tách họ ra làm đôi. Những người nam bị tách đôi từ người hai mặt nguyên thủy nam-nam trở thành người đồng tính luyến ái nam (homosexual), những người bị tách đôi từ người hai mặt nguyên thủy nữ-nữ trở thành người đồng tính luyến ái nữ (lesbian), và những người thuộc nhóm thứ ba trở thành người có cuộc sống tính dục nam nữ (heterosexual). Vì sự tách đôi này là một hình phạt làm cho con người trở nên không hoàn mỹ, không trọn vẹn, thiếu hạnh phúc hơn thời vàng son của thời con người có dạng hình tròn nên con người luôn luôn khao khát tìm lại nửa phần người đã bị tách đôi hầu tái tạo lại cấu trúc của con người nguyên thủy. Do đó, tình yêu dưới mọi dạng thức đều có sức mạnh thuyết phục rất lớn bất chấp mọi thử thách khi họ bị chia lìa.

Lý thuyết về con người lưỡng tính này của Proust rất được nhiều người đương thời chấp nhận và Proust dùng nó như là một người mẫu để khảo sát và khai triển nhân cách sáng tạo vì muốn viết về con người hai mặt tác giả phải tìm bắt lại được phía mặt nữ của nhân cách này. Phải tìm bắt lại vì sự tách đôi của nhân cách thành hai phần nam nữ là một hình ảnh tiêu biểu cho sự vỡ ra từng mảnh của bản ngã được tác giả trình bày trong suốt quyển *A la Recherche du Temps perdu*.

Tóm lại, những công trình sáng tạo của các nhà văn đồng tính luyến Pháp là đã rọi ánh sáng và làm nảy sinh một lĩnh vực văn chương mới đồng thời làm thay đổi cách nhìn của xã hội đối với một phong thái tính dục đặc biệt của con người là đồng tính luyến ái. Thành tựu quan trọng của họ có thể nói là đã khám phá ra được những luật lệ của yêu và ghen, khảo sát tỉ mỉ những khác biệt về tính dục, thử thách giá trị của đạo đức và siêu hình, thăm tra sự hiệu lực của các quan niệm phân tâm, vạch trần các huyền thoại xã hội và chánh trị, tái diễn giải các ước lệ văn học, đặt lại vấn đề chánh thống và trung thực cũng như phác họa được sự bí mật của ước vọng. Đó chánh là những lý do giúp văn chương đồng tính luyến ái đạt được một chỗ đứng xứng đáng trong nền văn học Pháp nói riêng và văn học thế giới nói chung.

Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo:

1. Elaine Marks & George Stambolian, editors, *Homosexualities & French Literature*(Ithaca: Cornell University Press, 1979).
2. Winston Leyland, *Gay Sunshine Interview* 1 (San Francisco: Gay Sunshine Press, 1973).
3. Mark Mitchell, *The Penguin Book of International Gay Writings*(New York: Penguin Books, 1995).
4. Jacob Stockinger, "Homosexuality and the French Enlightenment",
5. Gerald H. Storz, "The Homosexual Paradigm in Balzac, Gide, and Genet",
6. J.E. Rivers, "The Myth and Science of Homosexuality in *A la recherche du temps perdu*..



t k bàn vi | W | Ỗ cu YF Ỗi

*song thao
vũ tiến lập
đỗ bình
nguyễn mạnh an dân*

Tin Vaên5



Những bài ca
viết về sự chia ~~phối~~
không phải do
ám ảnh bởi cái
chết nhìn thấy
trước mắt mà do
sự xa cách của
mỗi tình đẹp nhất
đời anh.

với
**LÊ UYÊN
PHƯƠNG**
và
ĐALAT

SQNG THAO

CĂN gác xếp rộng nhưng thấp. Muốn đi phải cúi đầu xuống. Bên ngoài những bông hoa trạng nguyên màu đỏ đúng đưa là lời. Sàn gỗ bóng loáng. Vách và trần được sơn đều màu tím hồng. Một chiếc màn voan trắng mỏng treo giữa hai cây cột. Chiếc nệm đặt ngay trên sàn. Tủ sách gồm những cuốn tiếng Anh, Pháp và Việt. Bàn viết nhỏ bừa bộn những giông nhạc v ết dở dang. Đó là nơi Lê Uyên Phương trở về sau những tháng ngày một mõi ở Saigon. Anh như một con thú trốn chạy ánh đèn màu. Không bao giờ quen được không khí phòng trà mặc dù trước đây đã từng chơi nhạc cho các hộp đêm. Dalat đối với

TN 87

@ Song Thao *Với Lê Uyên Phương và Đà Lạt*

Đoạn viết thêm, 36 năm sau: %jL ³9cL /r 8\rQ 3KñĩQ
j /)W' GñcL ÿk\ ÿm ÿñkF ÿ QJ WUrQ Ei
1D\ VY SKiW KjQK QJj\ WKiQJ
JzQ .KL VLQK WKeL QK)F V- /r 8\rQ 3I
YcL W{L Oj ~~FDKQ~~ KjU-Q\W\KtY3Q QKc WsQJ
EjL YLGW 7{L QJKH DQK QyL Y5\ Pj KG
W{L NK{QJ FzQ QKc PaW FK~W Ju YI Qa
YLGW 0cL ÿk\ FD V- /r 8\rQ ÿm ÿLOQ V
Qj\ ÿK G•QJ WURQJNPaW{EXYmQ KY F{QJ
E9QJ FiFK QKe QKLIX QJñeL W)L 9LOW
QJR)L 9j W{L KGW VqF YXL PsQJ NKL
1JUF WqF QKj Y Q 1JUF KLOQ VYQJ
JL+ QKLOW WKjQK FoD 7KeL 1D\Y+VDX I

ÿm WuP UD ÿñkF EjL Qj\ Yj JuL QJX\rQ
SK] ELGQ EjL EiR [ñD Qj\ W)L K+L QJR
Y Q 1JUf YI WKS06/2006 uQK FoD F{

Căn gác xép rộng nhưng thấp. Muốn đi phải cúi đầu xuống. Bên ngoài, những bông hoa trạng nguyên màu đỏ đung đưa lá loi. Sàn gỗ bóng loáng. Vách và trần được sơn đều màu tím hồng. Một chiếc màn voan trắng mỏng treo giữa hai cây cột. Chiếc nệm đặt ngay trên sàn. Tủ sách gồm những cuốn tiếng Anh, Pháp và Việt. Bàn viết nhỏ bừa bộn những giòng nhạc viết dở dang. Đó là nơi Lê Uyên Phương trở về sau những tháng ngày mệt mỏi ở Sài-gòn. Anh như một con thú trốn chạy ánh đèn màu. . K{QJ EDR JLe T; ÿñkF NK{QJ NKt SKzQJ WUj P?F G• WU QK)F FKR FiĐà Lạt đối với anh như một chốn nghỉ ngơi. Đứng hơn như một thánh địa. Cái xứ sở có một khí hậu kỳ quái mang mang làm khăng khít tình yêu và làm xót xa những tâm hồn đơn lẻ. Trời cuối tháng mười lạnh lạnh. Phi cảnh Liên Khương âm u trong bóng chiều tà. Lê Uyên Phương, với cây đàn trong tay, như muốn ôm lấy Đà Lạt sau vài tháng cách xa. Anh ngửa mặt suýt soa. 'M FKSX TXi Đang hát mỗi đêm tại Queen Bee và Ritz, mỗi nơi bốn ngàn đồng một đêm trình diễn, anh đã bỏ hết để trở lại Đà Lạt thần bí. 6YQJ g 6jL *zQ W{L FK\$XJNKl QW ÿñki PaW GzQJ QK)F QjR F+ 7{L J/Q ÿLrQ O YI VYQJ YjL WKiQJ ÿm

Chuyến này anh về Đà Lạt một mình để hoàn tất tập nhạc 7Kg +iL 'mNgũK nữ của anh ở lại Sài Gòn. Một giờ trước đây hai vợ chồng đã bịn rịn chia tay nhau như không muốn rời tại cửa ra phi đạo Tân Sơn Nhất. Tình yêu của họ chất ngất ngút ngàn. Họ chia nhau cả cái tên. Lê Uyên Phương là biệt hiệu của Lê Văn Lộc. Nay anh chia bớt cho người yêu một nửa. Nàng nhận hai chữ đầu Lê Uyên. Chàng dùng chữ cuối Phương. Tôi hỏi đùa anh cho mượn hay cho đứt. &KR ÿqW FKq &XaF ÿeL PuQKLêFzQ F|

Trước hai ly trà nóng, người thanh niên có mái tóc chải ép sát xuống trán, chiếc miệng rộng hơi nhô ra, hàng râu mép thưa, ngồi kể lại chuyện đời mình. Sinh trưởng tại Đà Lạt, năm nay anh đã 29 tuổi. Năm 20 tuổi anh bắt đầu đặt nhạc. Những ngày lưu lạc từ Pleiku, Ban Mê Thuộc, Quy Nhơn tới Nha Trang, anh đã sống một đời cực nhọc thiếu thốn. Dạy học, làm dinh điền, đi hát để kiếm sống. Năm 1965 anh mới thực sự trở lại sống luôn ở Đà Lạt. Một năm sau, chuyện tình của họ bắt đầu. Phương có trí nhớ thật ngắn ngủi.

Và đến câu chuyện tình của chính mình cũng chỉ nhớ loáng thoáng. Anh với tôi phải tìm những cái mốc thời gian một hồi mới xác định được là họ đã chính thức thành hôn vào tháng 11 năm 1968.

0aW FKLIX [XkQ ыр Pr JYL FK Q F
 ыkX DQK iL ыqW GaWKOW/QJYKxL FK
 PX{Q NLGS JYL ы/X WUrQ(NgèLayYEn
 Đồi).

38 Tin Vaên

Tiếng Lê Uyên và Phương từ chiếc máy cassette quán
lấy nhau vọng ra.

Anh khẽ bảo tôi chính vì bài này mà người ta đồn là anh sắp chết. Bệnh tật của anh đã trở thành huyền thoại. Người ta bảo là anh chỉ còn sống được một năm nữa. Người ta đồn là vào năm 1972 anh sẽ chết. Tôi đã định hỏi về những chuyện này từ lâu nhưng thật khó bắt đầu. Lợi dụng cơ hội này tôi hỏi kỹ càng. Anh đưa bàn tay trái cho tôi coi. Trên lưng ngón tay

Tin Vaên39

trở nổi lên một cục bằng trái cà chua nhỏ đỏ au và mòng
 mòng. Những đường gân máu chạy nổi thấy rõ. %iF V- FÊ QJ
 FKñD WKK ÿSQK Oj EOQK Ju %k\ JLe (QJyQ NKiF Yj PaW YjL FK_ WURQJ QJñ
 FKQ Fy WKK F7W QJyQ WĐ\ Qj\AnĐKñQJ
 xác nhận là những bài ca viết về sự chia phôi không phảo là
 do bị ám ảnh bởi cái chết nhìn thấy trước mà do sự rắc rối và
 xa cách của mối tình đẹp nhất đời anh và khi được hạnh phúc
 anh luôn luôn sợ ngày nó sẽ hết. Người nghệ sĩ không những
 sống cho mình mà còn thông cảm được với cuộc sống của
 những người khác. Anh đã nhìn thấy cái chết và đã nghĩ
 nhiều về cái chết. Dân Đà Lạt vẫn chưa quên vụ án mạng vì
 tình ở quán Tình Nhớ. Người con gái duyên dáng đã nằm
 xuống với những viên đạn trên người. Phương đã nhìn thấy
 đám tang, nghĩ về cái chết.

CXaF ÿeL ÿy TXD QKñ QJj\ ÿ{QJ 3KzQJ
 K{Q 1JñeL Q9P ÿy [LQ FKR ÿñkF \rQ W
 WKDQK [XkQ -S KĩL Q[QJ WURQ GD WK
 WK7P ÿr Pr FzQ Ju ÿkX 7uQK WuQK iL
 ErQ QJRjL QKñ TXDQKPaQJ K&X YY NLG
 ÿkX FzQ O)L ÿk\ N(ĐYLNgWUƯWVQK V/X
 Người con gái khiến anh sáng tác bản Tình Khúc Cho Em
 là mối tình mê đắm của cô nàng với bạn anh mà anh chỉ
 tham dự như một vai trò bất đắc dĩ.

&KR HP P{L Kđ.Chợ em Lợm tình sâu. Dù em
 NK{QJ PRQJ GjL OkX ;LQ F-W O-\ ñcF F
 Q[QJ QjQ G• WKiQJ Q P EX[Q YXL EjQJ
 SK[Q KRD QKñ iR J-P ViQJ OyQJ OiQK
 WkP OLQK {P WLGQJ KiW NK{QJ 7uQKĩL U
 FKL KRD QJj\ [DQK KpR KRQ Yu PRQJ F
 VDX QJi QJjQJ 7KñĩQJ HP NKL \rX O/Q
 WuQK VDX G• JñĩQJ [ñD NK{QJ ÿñkF (

G X \ r Q V / X & K R W { L \ r X H P Q [Q J Q j Q
P X a Q R j Q k Khúc Cho Em).

Bệnh tật đối với anh phải là một nỗi ám ảnh không rời nhưng chính cái ngón tay tội nghiệp đó đã cản trở nhiều cho nghề nghiệp của anh. Năm 11 tuổi anh đã học vĩ cầm với Giáo sư Francois Régor, người Ý, lúc đó đã 80 tuổi. Anh chơi vĩ cầm rất khá nhưng nay đã phải bỏ hoàn toàn. Tôi nhìn hộp vĩ cầm đóng bụi nằm trên giá sách. Anh ngồi cúi mặt trầm ngâm. Tôi phá vỡ sự im lặng nặng nề bằng cách hỏi về số lợi tức kiếm được khi cho thuê cuộn băng 12 Tình

. K ~ F / r 8 \ r Q 3 K ñ i Q J 7 { L W i l k E O k e l l D 7 c L
J L e ÿ m W K X ÿ ñ k F Tôi với tay lấy quyển sách hình trẻ con nhỏ xíu và ngạc nhiên khi thấy nhiều cuốn sách loại này trên chiếc giá bằng sắt xinh xắn. 7 { L F y P a W F K i X
K D L W X] L Q K ñ Q J V i F K K u Q K Q j i c y K F K F
F R L K u Q K ñ i P a sĩ 20 tuổi nhưng có khuôn mặt từng trải lại mang một tâm hồn hết sức trẻ thơ. Nghe cái giọng khàn khàn khắc khoải của Lê Uyên không ai nghĩ tới cái sở thích vô tội như vậy. % j [m P u Q K K i W Q K) F I
K k S J K r K + " . ä N h 5 c u a F a n h q u e n trong đầu anh thật bất ngờ. Anh cố gắng tả cho tôi thấy là có những lúc tự nhiên anh nghe thấy rõ ràng cả một câu nhạc trong đầu. Như lần anh đi hội chợ Domaine de Marie. Mỗi năm hội chợ này được tổ chức trên một ngọn đồi đẹp dễ sợ. Khi anh đang đứng trong hội chợ vào một đêm mùa đông thì anh nghe được điệu nhạc và vội chạy về ghi lại. Tới hai giờ sáng, nghĩa là 5 tiếng đồng hồ sau, anh hoàn thành bản r P & K k
3 K L r Q 0 • D { Q J

Tập nhạc 7 K g + i L ' m a 7 i k đ i n h hoàn tất trong chuyến trở về Đà Lạt lần này sẽ bắt đầu bằng bài 9 Ê Q J // \
& o D & K ~ Q a y l a W h o n nhạc anh đã thai nghén trong nhiều năm trời. Anh nghĩ về trách nhiệm khi đón nhận hôn nhân. Anh tự hứa là phải viết nhưng nhiều năm trôi qua bản nhạc mới được ghi những dòng cuối cùng.

7KHR HP [XYQJ SKY WUñD QD\ ÿDQJ I
 7KHR HP EñcF [XYQJ FĩQ ÿDX ErQ QJF
 &KR QKDX KGW F+ Pr VD\ &KR QKDX
 QKDX FK7W KGW WKĩ QJk\ WUrQ FiQK
 WD\ WUrQ QJyQI FKkQKEñX FQ WuQK EX
 TXD ÿL GqW FĩQ Pr WuQK EX[Q FK[QJ
 ÿL GqW FĩQ VD\ WuQK Qj\ WuQK U[L W
 PaW QJj\ Y•L G/Q FzQ Y•L VkX FzQ Y•
 NK{QJ GqW KGW FĩQ r FKl\ 7D aWY QJjW
 Y•L G/Q FzQ Y•L VkX FzQ Y•L VkX WU
 KGW PaW O/Q ÿDX

Đà Lạt hoang sơ quyến rũ đã đưa anh trở về những rung
 cảm nguyên thủy của buổi hồng hoang. Không có Đà Lạt
 chắc khó có một thứ nhạc độc đáo Lê Uyên Phương. Mỗi
 ngày anh thức dậy từ sớm đi lang thang khắp núi đồi Đà Lạt
 tới khoảng nắng lên thì trở về nhà nghỉ. Khi mặt trời đi ngủ
 anh lại đi cho tới tối trở về ngồi vào viết tới sáng. Anh sẽ trở
 lại Sài Gòn khi 7 Kg + ĩL 'moà7 tĩt~

Trời cuối tháng mười lành lạnh. Tôi nhìn màu xanh Đà
 Lạt trong cơn mê ngủ quái dị. (P \rX G-X DQK PaW F
 O)L WKjQK SKY N} QLOP Qj\ ÿK ODQJ V
 ÿ[L Q~L ES FK?Q O)L E9QJ Ws Qññh YF F|
 YrQK WURQJ QLIP K)QK SK~UFĩLY 3UQ FF 2C
 WUrQ QKwQJ QJTUQ Fw QRO Q c W

@ 9 x 7 | n L j p
Đêm nhớ Phương Triều



Nhà thơ Phương Triều đã lên đường miên viễn, những gấn bó của cuộc đời giống như những chuyến tàu đến rồi đi theo nhịp sống ảo diệu. Sân ga buồn tênh còn bỏ lại, chốn nào đó trong cõi thơ mệnh mông, những nhận thực từ đáy tim vùng thoát vào không gian nhờ gió ngàn xa ngất tận. Phương Triều đã hiện diện ở nhiều khoảng không gian, nơi những trang thơ còn đọng lại dấu tích của một thời chiêm ngự, lấy lòng đôi bàn chân lẫm lẫm. Đến với thi ca, với cuộc đời, và bằng hữu. Phương Triều chỉ có tấm lòng đậm bạc. Nhiều khi gánh đời anh đổ vãi thì chính là lúc tấm lòng kia trở thành thơ lộng lẫy. Phương Triều đã trải rộng đời mình qua hơn bốn thập niên nhà báo, viết văn, khởi sự từ năm 1959. Sau biến cố 30 tháng 4/75, anh bị tù đầy và làm thơ trở lại, đều đặn hơn vào những năm cuối trước khi bước qua thiên niên kỷ mới.

Phương Triều là một con người đa dạng, có lần anh tâm sự: Một người làm báo phải viết được nhiều loại, nếu không chủ báo sẽ không mướn. Vì ~~Em~~hi lu lo ì ri ~~Gr~~ [i không bị ~~G~~mình sg W ~~h~~g lo)L Q j R 7 ~~g~~g nó ~~W~~tô không ph O j Q K j W K i P j O j Q K j E i R ~~K~~ai P báo. Kĩ 7 { L bây gietôi v 3 ã còn lằng lằng cái em giác c/m te báo và mùi myc mcL L Q G R F K t Q K P u Q K) ~~D~~ j ~~P~~ai 7 K ã I đam mê đó đã sống với Phương Triều cho đến giờ phút cuối, và nó cũng là niềm hạnh phúc trân quý nhất anh đem về thế giới an bình.

Và dường như có lần Phương Triều đã nhắn nhủ:

Tin Vaên43

1 J ã không vì ỹrP T ã Đ này
 1 J ãL F ã Q J Nh k ã Q J ỹrP VDX Qj\
 1 J ãL ỹ ln ã Ot sly cách
 1 K ã E y Q ã trong ã ãn 7ng phai..*

Đêm nay không mưa trắng lạnh Tiền giang, nhưng hương lài
 Nha Mân còn phảng phất.

B ã không thuy Q kỹ
 Lãng khách chng tr gv l
 ỹkay mlm vớ g ãgi -F P ã W D Q

Và SÀI-GÒN với Phương Triều

*Sài-JzQ EDR O ã kW WLMQ ỹ ã Đ
 Sài-JzQ WK ã ã QJ P-\ FKR YsD Q_L)
 Sài-JzQ WURQJ WLGQJ QJKAQ QJj
 '• WKkQ FiW EmL WD QjR OmQJ 1

Sài-JzQ ỹm WKqF EDR ỹrP
 Sài-JzQ ỹm QJo P-\ QLIP F{ ỹ ã Q
 Sài-JzQ [D O7P WuQK WK ã ã QJ
 7D WURQJ WK-W O)F V/X F ã Q E)F

Sài-JzQ QJKLrQJ QJuD ELKQ GkX
 Sài-JzQ PDQJ WUiL WLP V/X ỹL [D
 Sài-JzQ Og WKSW ERQJ GD
 7KHR F ã Q EOQK Gw Wj PD O5P ã
 Sài-JzQ ;XkQ ỹm Oi P•D
 Sài-JzQ Fk\ UmQJ WUiL FKXD ỹeL
 Sài-gòn QJj\ TXD OkX K ã Q
 Sài-JzQ ỹDX TXi Q_L EX[Q V ã VLQk

Vũ Tiến Lập. Tháng chng M 5 ã Tý 200 ã

*ChwQJKLrQJ 7K ã 3 ã K

@ ĐỖ BÌNH
PHƯƠNG TRIỀU:
Những vần thơ thân phận

Lời giới thiệu:*"Xòe W K r P Q J y Q F m W Y j R N L P F I
0 j Y i ÿ e L F K X Q J U , i F K U ñ c L U L

hai câu thơ của Phương Triều nói lên đầy đủ tâm trạng cùng ý chí người Việt Nam yêu nước đang phải 'lưu vong' nơi xứ người, phần nào giống bức hình cô gái ngồi vá lá cờ VN của họa sĩ hay nhiếp ảnh gia mà người viết rất tiếc không nhớ tên. Chúng ta bị bắt buộc phải rời bỏ quê hương với tâm thân tàn tạ, với hai bàn tay trắng, tất cả đều phải được xây dựng lại từ đầu. Mỗi chúng ta như một kẻ khuyết tật nhưng tinh thần cùng ý chí yêu nước đã giúp chúng ta thắng vượt và sử dụng những phần 'khuyết tật' đó xây dựng lại đời ta, chẳng khác kẻ cụt tay cụt chân đã vận dụng mọi khả năng để chơi bóng tròn, quần vợt, lái xe, sử dụng computer,... Trong lúc nơi quốc nội, bọn ngợm người đao to búa lớn, tay vung miệng hét đang bầm giập quê hương, đồng bào, thật ra chúng chỉ là loài hoa giấy tàn rã nay mai trong lúc chúng ta, những kẻ bị dồn thúc vào ngõ cụt đường cùng, dù có lao lung đến mây cũng không bao giờ tàn rụi bởi gian tà. Phương Triều đã nói lên điều này. Và tất cả, trong nước cùng ở hải ngoại, *'Em áo W U 7 Q J N K Q V F K Q J F K 5 S

Tin Vaen45

F{L F~W EX[Q NK{QJ ELGW WKU WDOQJ
hay '(P PñeL WiPKXKQKWU QJ WiL
FKñD PaW O/Q Vg KñrPai'QJUW PLGQ
và \$QK VñĩQJ JLy ODF, ORjL WKkQ iR E)|
chúng ta gặp nhau trong cảnh đời bi thảm đó đây:

* 1Kñ Uis QñKwFQJ ÿñeQJ EXİP UiFK FÊ
+)QK SK~F ÿ/\ÿ QñKñ KKD(BVWY D\

Phượng triều tên thật là Lê Huỳnh Hoàng, quê quán Sa Đéc. Ông làm thơ từ lúc còn trẻ, gia nhập làng báo rất sớm năm 1959 và trở thành nhà báo chuyên nghiệp viết cho nhiều tờ báo ở Sài Gòn trước năm 1975. Khi vào quân đội ông là sĩ quan báo chí Bộ Quốc Phòng Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1967 đến 1975, ngoài ra ông còn giữ nhiệm vụ tổng thư ký tuần báo Hoa Tinh Thương. Do nghiệp vụ báo chí, sau đó lại bị nhiều năm tù nên cảm hứng thơ phú trong ông đã thu về một góc nhỏ trong đáy hồn. Mãi đến khi qua định cư ở Hoa Kỳ bằng hữu văn nghệ xa gần đã réo gọi ông trở lại cầm bút. Năm 1994 ông làm thơ trở lại hay nói đúng hơn nguồn thơ trong ông từ đáy tim thức dậy, dâng trào và viết rất khỏe.

Những tác phẩm đã xuất bản:

CÒN NHỚ CÒN THƯƠNG W 5 S OMU X{QJ + 5 X [E
Gòn 1966)

Tiếng HÁT HOÀNG HÔN W 5 S OMU X{QJ + 5 X [E
Gòn 1969) SẦU HƯƠNG PHẤN W 5 S WUXOQ 6{QJ
Sài Gòn 1972)

THƠ PHƯỢNG TRIỀU 7Kĩ 7uQK 7KñĩQJ [E & [E
1995)

TRĂM BÀI THƠ XUÂN 7Kĩ /r +XăQK [E 0LC
2000)

XÓM MỘ 7Kĩ /r +XăQK [E 0LQHVRWD

GIỌT SỮA ĐẤT 7Kĩ /r +XăQK [E002) LQHVRWD

XUÔNG RỒNG ĐEN 7 Kĩ /r + Xă QK [E 0 L Q H V I
2004)

Thời gian Phương Triều ở Mỹ chúng tôi hay phone thăm nhau và trao đổi những câu chuyện về văn học nghệ thuật. Sau ngày anh bị bệnh thỉnh thoảng tôi nhận được thư anh, đến khi anh xử dụng điện thư không bao lâu thì anh mất ! Bằng hữu văn nghệ khắp nơi vô cùng thương tiếc anh. Trước đó, các bạn trong giới văn nghệ đã viết những dòng cảm nghĩ về anh: Con Người và Tác Phẩm như một món quà tinh thần vinh danh một người miệt mài sáng tác dù trong lúc bệnh. Cuốn sách được xuất bản có tựa: Các Tác Giả Viết Về Phương Triều, gồm 43 người. Anh đã gói thật kỹ, bọc nhiều lớp giấy vì sợ ướt và gửi tặng tôi trước khi anh mất ! Hôm nay ngồi đọc lại những tập thơ của anh lòng tôi cảm thấy bồi ngùi nhớ bạn, nên viết thêm về những vần thơ của anh:

“3 KñĩQJ 7ULIX WKHR NKX\QK KñcQJ WK
WKĩ WKHR QKLIX WKK WKĩ NKiF QKDX
{QJ U-W YwQJ YjQJ Ws FiFK JLHR Y/Q
OYL G•QJ 1Q Gm K RiQ Gm QKñQ EyoYl
QLrP OX5W 7KL V- ÿm ÿK K[Q WKĩ ODL
QJK-D WKHR QKSS FRQ WLP NKpR Op
FKw QKñ QKwQJ WLGQJ WKu WK/P YUQ
FiL FKLIX V kX FoD E jL WKĩ ĐQJ NK{QJ
FKXEWQJ E1\ OjP ÿAS QJ{Q Ws QKñQ.
FKUQ QJK-D QJw Yj V7S [GS FkX WKĩ
ULrQJ FoD WLGQJ OzQJ Jg L W?QJ ÿeL
JLcL ULrQJ ELOW 1Kj WKĩ NKpR Vu G
E9QJ PaW OYL JLHRpS/QVQJ7XD QKñQJ
OjP JLDL ÿLOX WKrP SKRQJ SK~ 1J{Q
QKwQJ KuQK +QK WK7P PjX V7F TXr K
ÿDX WKñĩQJ O3Q P5W QJUW FoD TXi N
FKI 7iF JL+ ÿm YE OrQ FKkQ GXQJ Fo
YmQ

TronJ FiL QKuQ FoD W{L 3KñĩQJ 7ULIX O
WKeL JLDQ YLGW Y Q OjP EiR FoD {QJ

OjP WKİ &y DL g OqD WX]L KUF WUz P.
 QKkQ Pİ PaQJ" 3KñİQJ WULIX FÊQJ W
 QKkQ QrQ WkP K[Pİ PaQJ PİQK FKR WKy
 Fy ELGQ ŷ]L 1KñQJ FXaFŷeL ŷkX FKQ (YjR
 OjQJ EiR TXi VcP QrQ WtQK K[Q Qŷm QKñeQJ
 O)L FKR WtQK KLOQ WKyF QKj EiR ŷzL
 KWL Vy TXDQ ViW Yj ŷa F WKİ WURQJ {QJ
 ES QJKEQ OYL 3Kñİ PaW WKeL JLDQ
 U-W GjL VİFF F+ QKwQJ UM FRQ
 WKLGX QñcF NK{QJ ŷo G• QKwQJ
 Q P W• ŷj\ KD\ QKwQJ Q P V SK+L
 VYQJ WURQJ N Rŷ WKKQj Q F+ QKQKw
 OLOX ŷDX WKñİQJ ŷK PaW QKj WKİ Fy V
 WKYQJ WKLGW QK-W .KL PaW QKj Y Q
 E~W QJñeL Y Q V- NKt SKiFK VE F7Q
 JKL O)L FKR ŷeL 3KñİQJ 7UHaycho QKGFİ
 WLGQJ KpW ŷK WU~W QKwQJ SK3Q Q
 PLOQJ QJñeL^a 9u FzQ WuQK F+P JLD ŷ
 WuQKñeŷjQK QtQ O?QJ 6y FKSX ŷyQJ
 E5W PiX P{L WKX Q)S W-W F+ QKwQJ
 GzQJ F+P [~F WURQJ WKP WKjQK QKw
 FKe NKL Fy GSS JL+L Ej\ 0mL ŷGQ NKİ
 QJX[Q WKİ PcL WX{Q WUjR 3KñİQJ 7U
 QK9Q ŷcQ ŷDX FoD GkQ WaF YñİQ OrQ
 Y~W FDR QKñ QKwQJ QKDP WK)F WKKQK
 QKwQJ FK•P SKiR E{QJ KsQJ KyF OuD
 QJñeL ŷ/\ KjR NKt QKñQJ NK{QJ V7W P

Ai xa xứ lâu ngày, có về thăm quê hương nhìn thấy
 bao đổi thay: Những nhà cao tầng ngất ngưởng, những
 đường phố khang trang, những xe hơi lộng lẫy..vv.. Đó là
 lớp sơn khỏa lấp những vết tích một thời cơ cực ! Sự đổi mới
 đã phải trả giá quá đắt bao hy sinh xương máu của dân tộc.
 Hôm qua và hôm nay vẫn còn những giọt mồ hôi của những
 người lao động xa xứ, những giọt nước mắt của những thiếu
 nữ bán thân cơ cực nơi xứ người, và nó còn là sự đánh đổi to

lớn hơn, cao cả hơn mang ý nghĩa: Tự Do của bao sinh mạng trên biển cả, mát xác trong rừng sâu. Hôm nay đất nước vẫn chưa thực sự thay đổi tư duy, nhưng những người sống bỏ đi năm xưa đã vội mau quên ?! Nhà thơ Phương Triều cảm nhận được điều này nên đã lục tung ký ức, ghi lại những dấu tích một thời khốn khổ trên quê hương, viết về từng ngõ hẻm, hang cùng nơi chui rúc của lớp người dân đen lầy lất sống trong những ổ chuột qua ngày! Có lẽ trong số những tập thơ bi ca viết về nỗi thống khổ của quê hương, tập thơ Xóm Mộ và Trăm Bài Thơ Xuân của Phương Triều là tập thơ đầy xúc cảm nhất đã lột tả toàn cảnh những mảnh đời lầy lất, sống trong một nghĩa trang sau ngày «giải phóng ». Cái phồn hoa hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam ấy đã để lại bao nước mắt, cho dù những người hôm nay muốn quên, hay định xóa nhòa và nhà thơ Phương Triều cũng đã ra người thiên cổ, nhưng những mảnh đời ấy đã đi vào thơ văn âm nhạc, như những chứng tích không phai. Nếu người đời sau có dịp đọc lại sẽ nghĩ gì về một VN có thời khốn khổ ?! Mời các bạn bước vào vườn thơ của Phương Triều để nghe ông tâm sự qua bài Nghĩa Trang, trích trong Xóm Mộ. Nhà thơ đã diễn tả cảnh khốn cùng, nỗi cơ cực. Ông dùng lối ẩn dụ, rất nhiều loài động vật được dùng để ẩn dấu, hoán vị nhiều cảnh đời khác nhau. : Mưa ở đây là mong một sự thay đổi. Ở nghĩa trang làm sao đào giếng ? Như thế là thiếu Nước! Nhưng cơn mưa không đến trong mùa nắng hạn theo nghĩa mong chờ, mà mưa gió làm ướt sũng những thân phận nghèo, những căn lều rách giăng bằng bao cát, làm tái tê, buốt phận nghèo ! Mưa ở đây làm mát tâm hồn. Chuỗi từ: Ngầu mắt đỏ, diễn tả bạo lực chỉ muốn cắn những kẻ khổ rách!:

* © 1uD ÿrP E-W FKkW PñD TXD [yP
 *Ly G3Q E/\ Pk\ ÿqQJ V7S KjQJ
 6yL JLUW QñcF EX[Q WUrQ ÿ-W E)F
 LùD WKrP 1P O)QK JyF ÿLrX WjQ

+) Q[QJ FKR WyF NK{ QKñ U)
 &KLGf Y}QJ ỹX ỹñD V/X QJK-D WUD
 0ñD ïL OIX E)W G• WdQ QiW
 /zQJ Y3Q WKqP PñD JLwD QiW WdQ
 &RQ Fky QKj DL QJ/X P7W ỹW
 &7Q ỹHQ WKL WKK EX]L KRDQJ WjC
 iP WdQJ NK{QJ Fy QJñeL DL ỹLGX
 1JñeL FKGWQK! KU KjqJ
 1JñeL FKGW K{P TXD FzQ KiW G)R
 5X ỹeL PñD JLy JLwD ODQJ WKDQJ
 1JñeL ỹy ỹrP TXD VD\ QJ-W QJñgQJ
 9XQJ WD\ ỹ-P QJyF U[L FñeL NKDQ
 1JñeL ỹy K{P QD\ NK{QJ KiW QwD
 7UkQ WUsQJ P7W ỹkL FK~W KñĩQJ (
 1q HP ỹjR JL~S WD SK/Q Pa
 7D G3X LQ ãQJ FÊQJ KU KjqJ
 1GX FK;QJ FRQ +[QJ WKu FKix /)F
 /IX UiFK F•QJ QKDX [yP QJK-D WUD
 ĐQJ JLj Yp VY F{ FKq ỹ5X
 &KLD FK~W WuQK ULrQJ FK~ OM WI
 (1JK-D 7UDQJ

Nhà thơ ngậm ngùi thân phận, chua xót cảnh đời và chiêm
 biếm thói đời qua bài Hồi Xuân:

* © 8YQJ ỹL {QJ {QJ OmR ỹjQ Fz
 8YQJ ỹL E)Q E)Q JLj PyF EUF
 Q ỹL HP Oĩ FĩP [H ỹz
 1Kj [yP Pa FDQ Ju Pj OR
 7Ku O)L WGW ỹGP QJñeL FKñD FK
 rP JLDR WKsD ỹñkF PLGQJ [ñĩQJ N
 &K~W OM PeL WLrQ QKĩQ P[W]
 9I ỹkKĩL Q PLGQJ JL+ ỹz
 ;yP Pa KRDQJ NK{QJ QJñeL W+R Pa
 .C VYQJ QKe SKyQJ XG Y{ Wñ
 7cL PaW O~F FRQ QJñeL TXrQ KGW

&}L SK• VLQK QjR FKYQ WKyF Kñ
(P E7S F+L WñgQJ PuQK KRD F~F
\$QK Fz PD WñgQJ FiQK FKLP E9QJ
7Ku Fq P?F PñD E•Q Q7QJ OuD
KhyF KD\ FñeL QKQJ !UñQJ
+[L ;XkQ

Trong văn chương VN ngày xưa, hình ảnh cảnh
nghèo được gắn liền với tính thanh cao. Kẻ sĩ chọn cuộc
sống thanh bạch để tâm hồn trong sáng hướng về chân thiện
mỹ. Trong thời đại Xã Hội Chủ Nghĩa cái nghèo làm con
người co rúm lại vì lo miếng ăn, phải vị kỷ, bần tiện để tự
tồn thì miếng kẹo gừng sẽ không cay mà đắng, vị đắng ở đây
là nỗi khốn khổ cuộc đời ! Nhà thơ dùng cặp từ : Mèn ơi !
Ngôn ngữ đặc chất miệt vườn, hay quá, vừa là lời than vừa
và nhạc thơ mang âm điệu buồn tạo cho câu thơ mang tính
đột ngột :

* © 7D\ SK1\ TX)W UiW Pj\ UiW P?W
0LGQJ NAR JsQJ ÿ7QJ QJ7W ÿrP [XI
(P QJ[L P7W QJy UñQJ UñQJ
.KyL KñiQJ GL +QK Fy PsQJ VDQJ G
&q WK5P WKmW OXL QJj\ WKiQJ FK
7KG N} EX[Q JLj KiS PñiL Q P
0qQ iL DL QyL ÿC O/P
7UC FKñD cñS ÿm O P OH JLj
%GS WKLGX OuD Q P Qj\ Q P QU
0LGQJ EUW EqR ÿm EW EmQJ OX{Q
7iR {QJ FK7F ÿm TXHQ EX[Q
+ P ED WKiQJ FK)S WLMQ VX{QJ {Q
6iQJ P[QJ PaW NK{QJ KI Q P PcL
17QJ [XkQ YI FKñD WcL ÿm ÿL
0LGQJ FiP FKUP GñcL NKRD L Pu
0LOQJ PRyF KñD Ju ÿmL QKDX " a
0LOQJ 0R

Như đã trình bày ở đoạn trên. Biến cố năm 1975 xảy ra chung cho Miền nam, nhưng hoàn cảnh gia đình mỗi người khác nhau. Nhà thơ đành giữ một thái độ im lặng trong một thời gian dài, vì nặng nợ gia đình. Cái nợ tình nghĩa ấy rất thâm sâu. Bài thơ Mất Mèo không những giải bày nỗi khổ tâm của nhà thơ, mà còn giải hộ cho một số những người từng bị tù vì thời cuộc :

* © 7K ñ ĩ QJ HP UXaW KGQ FDQK E/X
 Húp WKrP PXYL P?Q OjP GkX QKj QJk
 &K[QJ W• Yk OmQK iQ WUHR
 7KG QKkQ ỹ/\ QKwQJ P7W PqR QJy
 07W -06qB -W

Những bà mẹ, những người vợ sau ngày đổi đời thật đáng vinh danh, ca ngợi. Bút mực nào diễn tả hết những nỗi nhọc nhằn, những hy sinh của những tấm lòng cao cả đó. Từ khi làm vợ của một nhà báo, một nhà văn, một sĩ quan, một người tù, và một phó thường dân. Người trong mộng của nhà thơ Phương Triều vẫn luôn sắt son chung thủy, vượt qua bao nhiêu thử thách, và nhà thơ nợ ân tình là phải. Bài thơ Rượu Mồi là một khúc bi ca đẹp cho đời:

© «
 * * LDR WKsD FzQ NKqD Fi NKR
 7D P~W [ñ ĩ QJ Fi JL+ ỹz QJRQ FİP
 9k FK[QJ QKñ KDL FUQJ UİP
 * Ly PñD E5W JYF Y3Q {P QKDX Fñe
 5ñkX ØeL

Được thả tù, về khu xóm mộ Phương Triều bỗng ngỡ ngàng !
 Tâm trạng ngỡ ngàng không phải ở sự lạ thành phố ; mà
 bàng hoàng về sự đổi thay tình người ! Bài Bóng Quế, nói
 lên sự ám ảnh bởi những bóng ma sống!:

* © rP WD YI PD Y3Q JL+ KuQK
 &}L VYQJ FK5S FKeQ EyQJ TXG OX(
 1KLIXPHW JL+ Yj WrQ JL+

& ñ e L Q y L U k Q U D Q F K X \ O Q E - W E u (
 * y F S K Y { Q J J L j V D \ Q J - W Q J ñ g Q J
 % r Q K q E j F m Q J [L W K - W N L Q K
 & c V D R W D W ñ g Q J W D ÿ R j Q W m
 0 j E y Q J ÿ u X K L X F Ê Q J E y Q J P u Q K "
 % y Q J 4 X G

Trước những đột biến của quê hương và sự đổi thay về giá trị đạo đức ở mảnh đất tạm dung, nhà thơ băn khoăn nghiệm lại về ý nghĩa sự mất còn. Dù ôm những nỗi đớn đau chung làm hao mòn tâm thức, nhà thơ không vì thế mà trở nên yếm thế, bi quan để hồn thơ chìm lắng trong hệ lụy áo cơm, rồi tan loãng. Phải chăng ngàn năm trước và ngàn năm sau những tấm lòng son sắt đối với quê hương nào khác nhau ? nếu có khác chẳng là khác sự biểu lộ, cách diễn đạt. Có lẽ thế thi sĩ Phương Triều đã từ những nỗi nhọc nhằn đớn đau của dân tộc vươn lên, hồn thơ cũng chấp cánh vút cao như những nhام thạch phún ra từ lòng núi tạo thành những chùm pháo bông hừng hực lửa, nhưng ấm áp tình người, đầy hào khí nhưng không sát máu. Nhà thơ đã thay bạn bè, chiến hữu cất cao tiếng than vọng từ trong lòng quê hương, nơi đáy vực sâu tích tụ những lời uất nghẹn.

Đọc thơ anh tôi cảm thấy bồi ngùi :

* 1 u D ÿ r P Q J y D K t E X [Q W U R Q J J L y
 ; X k Q U m Q J ÿ u X K L X Q J U Q Q 7 Q J ÿ j R

bỗng thấy mình được trở về với quê hương bằng tâm tưởng sau bao năm xa cách. Trở về để tìm lại những mất còn trong cuộc bể dâu đầy xót xa. Bài thơ Bạc Mầu của Phương Triều tôi mượn thay lời kết về một giấc mơ hư trong đó có cả hồn tôi !

³ 0 • D [X k Q F z Q U m Q J ÿ / \ K R D W X \ G V
 & z Q O) Q K E D R Q K L r X T X i Q G U F ÿ ñ e

Tin Vaên53

% - P WD\ ỹ GP WXđ QJKSFK WKñe
1JKH FKkQ JL y QKA WuP SKñĩQJ F{
+[Q WU+L PrQK PDQJ YjR FKcP PaQ
{L WD\ QJj\ ỹy P+L Pr QKDX
6DR NK{QJ -P ỹñkF WUzQ FKXQJ Wl
0j Um UeL WKHR POQK VY ỹDX "
1JñeL TXD WsQJ YGW K9Q ELQK Ou
eL FKİ\ E•QJ WKHR Y)W FKLGGQ EjF
1uD ỹrP QJyD KtgiEX[Q WURQJ
;XkQ UmQJ ỹuX KLX QJUQ Q7QJ ỹjR
&y DL YI JUL O/P WKñĩQJ WñgQJ
07W WUkQ WUsQJ NK{QJ NSS WK-\
.KyL Y3Q UXQ WKrP FKLIX UÊ UñkL
1Kj DL WKIP O)QK OYL UD YjR
1J1QJ P?W Pk\ V/X WU{L ỹLOS ỹLO:
7KkQ Fz ỹĩQ O)QK JLwD Ee ODX
m EDR O/Q EGQỹN{QJ WKX\IQ
*kQ QpW EX[Q [D QK)W EyQJ VDR
&zQ NKyL KñĩQJ NK{QJ QJj\ YUQJ E
.qQ [X{L WUYQJ QJñkF GaL YjR QKI
(P SKñĩQJ WUeL Fy OjQK WKñĩQJ W
\$QK ỹ-W WU/P OXkQ Fq E)F PjX
%)F 0jX

Gởi hương hồn bạn nhân ngày lễ Các Thánh.

Paris 30 10 2012

Đỗ Bình

* &Kw QJLrQJ 7Kĩ 3KñĩQJ 7ULIX



Lưu Thái Dzo
Trái Tim
Không Có Tuổi

@ 1 J X \ , Q 0 ^ Q K \$ Q ' k Q

Lẽ ra, một người nào khác sẽ làm công việc tôi đang làm, bởi vì tuổi tác, thời gian cầm bút và đóng góp văn nghệ của tôi đều có vẻ như không mấy thích hợp để giới thiệu tác phẩm của một người có lẽ đã gắn bó với chữ nghĩa từ những ngày tôi còn là một học sinh trung học. Tuy nhiên, niềm đam mê không mệt mỏi với thi ca và tấm lòng đầy ắp yêu thương trải ra với đời, với người của nhà thơ Lưu Thái Dzo như có một hấp lực khiến chúng ta cảm thấy thân thiết, gần gũi, và với riêng tôi, nó giúp tôi bớt áy náy và thật sự hạnh phúc, thật sự hân diện nhận lãnh vai trò ông dành cho để có cơ hội được chia sẻ về một công trình tim óc của ông.

Xin bắt đầu bằng một câu chuyện nhỏ, nhỏ nhưng cảm động và nhiều ý nghĩa: Không lâu trước đây, trong một buổi họp mặt thường niên của mình, hội cựu SVSQ Thủ Đức Houston có bán đấu giá một bức tranh để gây quỹ sinh hoạt. Mức giá ngừng lại ở một ngàn mỹ kim và một đôi vợ chồng đứng tuổi hân hoan bước lên sân khấu để nhận món hàng vừa đấu giá

Tin Vaen55

được. Thật sự, cả hai vợ chồng này chắc đều biết bức tranh không phải là một tác phẩm nghệ thuật đúng nghĩa - nó chỉ là bức hình vẽ lại từ một tác phẩm nhiếp ảnh của nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh - và một ngàn mỹ kim thật ra không phải là số tiền nhỏ đối với những người đang hưởng trợ cấp của người cao niên. Tuy nhiên, bất kể bức tranh đẹp hay xấu, giá đắt hay rẻ, niềm hân hoan của hai tấm lòng Việt Nam này không xuất phát từ giá trị vật chất của bức tranh, nó đến từ ý nghĩa tinh thần mà bức tranh chuyên chở: Hình ảnh người thiếu nữ đang ngồi cặm cùi vá lại lá quốc kỳ thân yêu của tổ quốc. Thấp thoáng đâu đây là cả một tổ quốc hào hùng nhưng bất hạnh, một quân đội anh dũng mà oan khiên, là máu xương của anh em, đồng đội, trên chiến địa, trong lao tù. Tất cả những điều đó đã làm muộn phiền trên mắt, ứa lệ trong tim đôi vợ chồng nhận tranh; bởi vì ông là cựu chiến binh Trung Tá, cựu tù cải tạo 13 năm Hoàng Huy Năng và cũng là nhà thơ Lưu Thái Dzo.

Tôi mượn câu chuyện về bức tranh để nói đến trái tim của nhà thơ Lưu Thái Dzo trước khi nói đến thơ của ông.

7URQJ SKiL ỹRjQ HP JiL K5X SKñĩQ
 7K P DQK WLIQ WX\rQ ViW ELrQ Fñ
 Em tUDR iQK P7W K[WKX VyQJ
 7uQK QKW YñĩQJ YñĩQJ Q7QJ EmL
 (P KiW QKwQJ EjL WuQK Wy WKX
 &y QDL YjQJ ỹ)S Oi YjQJ NK{
 &y KiL VñĩQJ O)QK K[Q WULQK Qw
 &y QKc WKñĩQJ 0RQJ QKwQJ KAQ
 (Nỗi Niềm Thu)

Nỗi Niềm Thu được viết mới đây, mùa hạ năm 2005. Hình ảnh người em gái hậu phương nơi tuyến đầu biên giới Miên Việt năm 1970 đã sống trong tim người thơ ba mươi lăm năm dài, bất kể những gian nguy chiến địa, bất kể những cực nhục tội tù, bất kể những u uẩn lưu lạc và nó đã được viết lên bằng những lời thơ đẹp, về những ngày tháng đẹp, không chỉ của nhà thơ mà của chính mỗi chúng ta. Trái tim “lì lợm” với

thời gian của Lưu Thái Dzo không chỉ để ôm giữ những
mượt mà của quá khứ, nó mãi tươi nồng và vẫn luôn lỗi nhịp
bất kể thời gian, từng lúc, từng nơi:

« 7DPsD GM ỹGQ NKy ỹL
3K+L FK QJ WUeL NKpR GX GL KLO
&KR DL J?S Ji QJñeL WKñĩQJ
&KR DL WuP ỹñkF WKLrQJ ỹñeQJ Ws
(P QKñ FKLP g SKñĩQJ Wk\
\$QK WuP G-X YGW YzQJ ED\ SKñĩQ.
1GX Pj Fy PaW Yu VDR
/jP QKkQ FKqQJ WjP WjP ỹñeQ WKDL «
(Tỉnh Tampa)

Trái tim Lưu Thái Dzo luôn thấp thoáng những bóng sắc,
nhưng nó không ngập tràn bởi bóng sắc, nó đủ rộng để đau
nỗi đau của Tổ Quốc mình, đủ nồng để buồn nỗi buồn của
đồng bào mình và đủ cứng để hiên ngang trước bạo lực:

« 7iP PñĩL WULOX PLOQJ SK+L LP
1GX NK{QJ Y{ VY [j OLP ỹyQ FKjR
*LiR ỹñeQJ WKiS FKUF WUeL FDR
1KñQJ K[Q ỹyL &K~D PXYQ YjR SK+
3K5W ỹñeQJ WWD iQK ỹ)R YjQJ
1KñQJ We Oê OSFK WUtFK QJDQJ ỹ
*YF QJX[Q FRQ ỹñeQJ K5W P-\
3K+L ỹHP SKiS OOQK [pW FRL JYF
(Đi Tìm Thiên Đường)

« 7D Fy KĩQ Q P QJjQ ỹrP FKē ViQJ
1 P QJjQ ỹrP ỹSQK POQK ỹm WU{L 1
.KL WU)L W• WRjQ 1DP %7F Pg UD
1KwQJ FiQK QK)Q ED\ YjR WUeL ỹ-V
(Vẫn chờ sáng)

Người tù có trên năm ngàn đêm khắc khoải và tiếp nỗi năm
ngàn đêm lưu lạc. Sự thương, chừng ấy tai ương, chừng ấy
muộn phiền có thể du người ta vào cùng đường, tuyệt lộ của
chán chường, thất chí, nhưng người thơ Lưu Thái Dzo của

chúng ta không giống như vậy, ông luôn yêu người, yêu đời
và vẫn luôn hy vọng một bình minh mới cho quê hương:

1KwQJ WKiQJ Wñ EX[Q WLGS WKiQ
4XD ÿL ÿK O)L ê PRQJ FKe
1Jj\ YI -W 0A ÿsQJ TXrQ QKp
,S o WURQJ K[Q PaW ñcF Pĩ«
'yQJ [k\ JL\$X PÿQK TXr KñĩQJ
7s [yP WK{Q [D ÿGQ SKY SKñeQJ
7UDL JiL WKjQK TXr YXL FñcL J+
'-X ³JLj\ VDXW WUC' QJ5S FKXQJ ÿ

(Ra đi với cụm Từ S.O.S)

« %D PñeL Q P PaW EjL WKĩ
LOX Y/Q FK-S FiQK TXD Ee ÿ)L Gñ
93Q WñĩQX WKc ÿW ñĩQJ
*gL 6jL *zQ +XG TXr KñĩQJ PLOW
*gL +j 1aL QJK-D WuQK WKkP
'• WD FKñD Fy PaW O/Q WK-\ HP
%D PLIQ QJX[Q FaL PaW PLIQ
%D HP ED iR 0aW WrQ /)F +[QJ«

(Thôi “Lưu vong” chào Mi!)

Người thơ trẻ Hoàng Huy Năng với những vần điệu hùng
tráng và lãng mạn của chúng ta ngày nào trên các báo Chiến
Sĩ Cộng Hoà, Tiền Tuyến, Quân Đội đã không còn trẻ nữa,
và đời đã dành cho ông những đọa đầy, trôi nổi cùng với
những trôi nổi đọa đầy của Tổ Quốc ông, đồng bào ông. Thể
chất của nhà thơ có thể ít nhiều đã hao mòn vì tội tù và năm
tháng, nhưng trái tim của ông luôn nồng nàn và vững chãi
với sức sáng tạo bền bỉ phi thường. Năm năm với ba tập thơ
và một tập truyện là một đóng góp không phải ai cũng có thể
làm được trong cái tất bật áo cơm nơi xứ tạm dung xa lạ này.
Chúng ta trân trọng tấm lòng và những nỗ lực tuyệt vời của
nhà thơ và hân hoan đón chờ tác phẩm mới của ông. Thi tập
Mong Manh.

Nguyễn Mạnh An Đà

@ tr ch th ^dã qu '

Đêm và nỗi nhớ

Tiến người trở gót quay lưng
Trái tim trần trở rung rung nhịp buồn
Trăng nghiêng sầu thất dáng cong
Giọt mưa giăng mắc bên song lạnh lòng
Người đi như nước xa nguồn
Cuộn câu nhung nhớ giữa mộng mênh chiều
Ta về gom nhặt chất chiu
Vần thơ ngày cũ dấu yêu nhạt nhòa

Sóng tình vời vợi dạt xa
Trong nhung nhúc gọi vỗ òa tim đau
Về đâu, lại hỏi về đâu
Xoáy từng ống máu nát nhàu buông tim
Đêm qua đêm lại từng đêm
Bóng soi vách trắng hắt đèn chông chênh
Môi khô bất chợt gọi tên
Dối đôi tâm mắt bên thêm lặng tênh

Dối lòng tim chút bình yên
Dìm trong khắc khoải muộn phiền ngủ quên
Gió lùa giá lạnh... giạt mình
Đêm tàn rơi rớt mộng tình riêng ta....
Anh đi để lại nỗi buồn
Em từ hoang vắng nghe hồn xanh xao
Tình xưa chỉ chút chiêm bao
khung trời kỷ niệm tím màu nhớ nhung.....

Và anh ạ tháng năm qua mòn mỏi
em vẫn chờ cho dấu đá tro tro
Trái tim xanh đau đau khắc một lời
tình hoài đợi bên sông dài sóng vỗ....
dq

@ Kim Oanh
Tưởng bóng...

Ai ráng nắng chiều dịu hiu sắc
Hoàng hôn vùng se sắt tâm mê
Mây xám trôi hồn lẩn cán vè
Buông hay nú trắng thề đêm cũ

Luyến tiếc chi lỡ làng sương phủ
Bóng vờn quanh tự nhủ phôi pha
Gió nú hoàng hôn, Ta nú trắng tà
Hồn mơ mộng nguyệt sa tưởng bóng.

Gió nú hoàng hôn

Gió nú hoàng hôn tóc ngủ vai
Lòng reo suốt nhớ mộng trang đài
Xin nắng đừng phai màu kỷ niệm
Sợi vắn vương tình quán bóng say

Gió nú hoàng hôn hoa môi cười
Bóng chiều băng lãng mây ngừng trôi
Xin em đừng bước soi mắt ngọc
Hương mùi áo lụa đáng tình khôi

Kim Oanh

@ Song thy
Chiếc lá tình xa

Lá cô đơn lá bay theo gió
Người cô đơn tựa cửa trông ai
Tâm sự buồn theo tháng năm dài
Như chiếc lá nhớ hoài cành cũ

Lá thu phai rắc đầy phủ lối
Sắc óng vàng rũ cánh rời xa
Lạc loài thương chiếc lá không nhà
Tâm sự đó sao nhòa nhưng nhớ

Lá vô tình bay không trở lại
Người vô tình bỏ bến sang ngang
Để lòng ai lưu luyến vương mang
Nhớ dòng nước đã mang bên cũ

Lá mùa đông lẻ loi hiu quạnh
Mong manh đời gió lạnh vây quanh
Nín thở chờ gian cho khỏi lìa cành
Thân run rẩy tình đời lạnh lẽo

Tình yêu xưa sắc vàng úa héo
Nghe tiếng lòng gọi réo con tim
Anh giờ đâu em mãi đi tìm
Như chiếc lá cuối cùng theo gió

Gió đi hoang từ Thu bỏ ngõ
Cho tình theo xác lá vòn bay
Ngày chưa tận mà đêm đã tới
Thu muộn màng níu lại mê say

Chút tâm sự rất riêng e khó giữ
Cũng chạnh lòng khép lại cánh tâm tư
Nỗi nhớ biếc hóa màu hoa tím
Vẫn thương hoài đời lá vàng hư

Vàng thu gần tình xa vời vợi
Sóng ngược dòng gió lạc ngàn khơi...
Thế nhân đau đời riêng của lá
Chỉ mình em tím biếc một khung trời.

Songthy

@ 1J{ 7KX +SQJ



Yêu Anh Một Đời

Thơ : Ngô Thu Hồng

Nhớ Anh nhớ suốt đêm dài.
Nhớ Anh nhớ cả tình say đắm tình.
Nhớ Anh gió cũng lặng thinh.
Để nghe tiếng bước chân mình...Mình ơi!

Đêm về lòng nhớ khôn nguôi.
Thấy trong hương khói bóng người ngày xưa.
Bây giờ hai buổi sớm trưa.
Đâu còn ai để Em đưa mắt nhìn.

Quạnh hiu đêm vắng một mình.
Anh ơi! Nghe được tiếng kinh Em cầu.
Anh đi để lại thương đau.
Phần Em xin trọn kiếp sầu đắng cay.

Dắt Con đi, quãng đường này.
Dạy con sao được những ngày còn Cha.
Dòng đời bão táp phong ba.
Em thân quả phụ, biết là cậy ai?

Tóc Em màu cũng nhạt phai.
Tim Em thì vẫn mãi hoài yêu Anh ...



@ Tr ch Yên Th ey
Mộng Hoài Hương

Giữa cơn chênh choáng
hồn lang lang
ru ta về cố quận
Thỏa kiếp phiêu bồng
khuây khỏa
mộng hoài hương
Nhấp chén quan san
ấm lòng bao lữ khách
Chén rượu vui đây...
say, chìm đắm
kiếp tha hương
Quê Hương nơi đâu
bao nỗi đau nhức nhối
Phố xá năm xưa
mờ lối mịt mù xa
Khắc khoải trông mong
trở về thăm đất Mẹ
Một góc quê nhà
thương quá,
ngộ cố tri...
Bừng tỉnh cơn say
chỉ còn là hư ảo
Mộng chút quê nhà
âu chỉ một niềm đau.
Đêm sâu ngày cạn
Nhớ nôn nao
Đường về có thật
Như không thật
Cố hương hai tiếng
Vẫn còn nhau.

@ Thu Nga

Thư gửi mẹ tháng 4

Mẹ,

Mới đó mà đã 38 năm trôi qua - từ ngày con bỏ nước, bỏ xóm làng, bỏ ba mẹ, bỏ anh chị và các cháu lưu lạc xứ người! Đứa con út của con ngày 30 tháng 4 mới có hơn hai tháng, giờ đây cháu đã 38. Thời giờ thấm thoát như thoi đưa, như bóng câu qua cửa sổ con của mẹ chừ đã hai ba thứ tóc trên đầu mà mỗi lần nhớ mẹ con lại rung rức khóc như đứa trẻ lên 3!

Mẹ ơi! 38 năm biết bao giông tố, đổi thay mà sao ngoảnh lại con vẫn tưởng chừng như chuyện mới vừa xảy ra hôm qua! Đôi khi nằm thao thức giữa đêm khuya, con tự hỏi lòng chừng nào con sẽ được trở về thăm làng xưa, xóm cũ, thăm mộ mẹ, mộ cha, thăm bà con thân thuộc, thăm ngôi trường lớp học thuở nào...Chắc có người sẽ bảo rằng, con muốn về thì về, ai cấm được mà ước với ao! Nhưng mẹ ơi! con chỉ muốn về khi hoa tự do được nở rộ, khi không còn bóng dáng Cộng thù, kẻ tội đồ của đất nước. Con chỉ trở về khi có thể ngẩng cao mặt bước đi và trên bầu trời, trên đầu con là bóng cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tung bay ngạo nghễ.

Tin Vaen65

Con nhớ làm sao những đêm trăng sáng, con ngồi bên mẹ trên chiếc ghế bố ở ngoài sân, nghe tiếng ca cải lương từ chiếc radio đặt ở ngưỡng cửa. Hàng xóm cũng quây quần chăm chú lắng nghe từng câu ca, tiếng đàn một cách say mê, nhiều khi con rơi vào giấc ngủ khi đoạn cuối của tuồng tới hồi gay cấn. Mẹ bỗng con vô giường, mặc dù lúc đó con đã lớn tòng ngồng. Hoặc những đêm rồi rảnh, cả nhà ngồi nghe ba đọc Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Đông Châu Liệt Quốc... dưới ánh đèn "măng sông" toả một màu xanh nhạt nhạt. Tới năm 15, 16 tuổi, biết làm thơ, biết mơ mộng, nhiều đêm con bắt ghế ngồi một mình dưới dàn hoa thiên lý ngát mùi hương quện với hoa lài dưới ánh trăng vàng vạc chiếu sáng cả khu vườn nhỏ của ba.

Nhưng rồi chiến tranh sôi động. Cộng Sản phá rồi khắp nơi. Xe GMC chạy ầm ỉ khắp nơi. Lính được đưa đi, xác được mang về không ngớt. Những giây phút êm đềm đó cũng đã bị xáo trộn vì những tiếng pháo kích xé màn đêm. Cả xóm phải đắp hầm, đào hố để tránh đạn. Hễ nghe tiếng súng, cả nhà vội vàng chun xuống dưới cái hầm làm bằng bao cát. Mùi ẩm thấp của căn hầm làm con rùng mình. Mẹ lấy vạt áo che đầu con như thể mẹ có thể ngăn được đạn bom cho con. Anh Quang làm ra vẻ con trai ngang tàng vẫn còn đứng nửa trên, nửa dưới, mẹ nạt một tiếng, anh mới bò hẳn vô. Anh nói "tụi Việt Cộng ác ôn, con lớn lên sẽ đi lính bắn hết tụi nó". Má nạt "nói bá láp! mi coi như con một, ai cho đi lính mà đi". Anh cãi "răng không được! con một thì có khác chi mô! con trai thì phải đi lính mới oai chứ mẹ!"....

Mất con chợt cay. Anh Quang đi lính. Rày đây mai đó, bỏ ba mẹ thui thủi một mình. Anh may mắn không bỏ thầy nơi chiến địa như nhiều người bạn của anh. Nhưng cuối cùng anh cũng đi tù, ra về với một tấm thân tàn tạ, không thuốc men và cuối cùng anh nhắm mắt xuôi tay đi theo ba mẹ, để lại trên đời chỉ còn có con cô độc!

Con bỏ xứ sở, lưu lạc xứ người đã 38 năm vẫn mơ một ngày lau khô giòng lệ trở về quê xưa dựng lại ngọn cờ Vàng như bao nhiêu người cùng chung chí hướng. Ở đây có những người ngày đêm miệt mài, làm việc hăng say, tranh đấu không ngừng nghỉ. Có những người tuổi đời đã hơn 80, nhưng vẫn không quên dân thân cho đại cuộc. Lại có những em, những cháu, khi sinh ra thì đất nước đã rơi vào tay Cộng Sản, họ lớn lên cùng với chế độ CS, tới lúc đôi mươi mới may mắn qua được xứ tự do. Có những em khi cha mẹ bỗng bẻ nhau vượt biển, vượt biên, lúc mới vừa ra đời hay lên năm lên ba tuổi... nhưng các em đã được sự dạy dỗ tận tình, được nuôi dưỡng bằng nhiệt huyết của cha ông, nay đã trưởng thành, công danh sáng chói, các em đã không quên nguồn gốc của mình, cả hai thế hệ cùng hỗ trợ cho nhau, xây dựng một cộng đồng vững chắc, cùng chung lưng, đấu cật, đem tiếng nói, kiến thức, tấm lòng đấu tranh cho một nước Việt Nam bên kia trái đất, hầu mong giải thoát quê hương khỏi gông cùm, xiềng xích của bọn Cộng nô. Lòng yêu nước của những người này, lúc nào cũng dâng cao như triền sóng, cả con tim, khối óc đều hướng về nước non, xứ sở đồng thời luôn luôn muốn xây dựng một cộng đồng vững mạnh để hỗ trợ cho một lý tưởng chung.

Nhưng cũng đau buồn thay! lại cũng có nhiều kẻ đón gió, trở cờ, ăn cơm Quốc Gia, thờ ma Cộng Sản. Ngoài miệng họ rêu rao chống Cộng nhưng bên trong, họ toa rập với Cộng Sản, họ lân la, rỉ tai, cổ vũ cho chiến lược hòa hợp, hòa giải. Họ quên đi ý nghĩa của sự ra đi của hơn 3 triệu người. Những người liêu thân ra đi tìm hai chữ tự do đã làm mồ cho sóng dữ, thú rừng, hải tặc, bệnh hoạn, đói khát....những người còn ở lại bị đọa đày, hành hạ trong lao tù Cộng Sản. Họ đã quên ơn của các chiến sĩ trong QLVNCH, những người đã giữ từng bụi cây, con suối, từng tấc đất, nhánh sông, từng ngọn đồi, từng con đảo, đã nằm gai nếm mật, hành quân giết giặc khắp cả mọi miền đất nước, trải qua những cơn nóng nung người đến những cơn gió bắc, rét buốt

thịt da, để giữ an bờ cõi từ Bắc chí Nam, để chúng ta, người dân thành thị được cơm no, áo ấm, để có những trận cười thâu đêm, suốt sáng. Họ đã quên đi những chiến sĩ này một số lớn đã tự sát trong những ngày dầu sôi lửa bỏng 30-4, thà chết không hàng giặc. Những bậc danh tướng như: Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Trần Văn Hai, Phạm Văn Phú....đã làm cho hậu thế thán phục, “sinh vi tướng, tử vi thần”.

μ ¶ \$ Q K Qm QK ñ Q J 3Wsyg D Q K Y
SYQ J P X Qclý -yV Qsũ [D Q K ¶¶ Hll d)X \

Và những chiến sĩ vô danh đã hàng hàng lớp lớp ngã xuống trong ngày 30-4:

μ ¶ 7 Dcl QKngày 30 ta khóc
6 ~ Q ¶Qy ÿ L r[Q F X P ¶XW ¶ k \ S K ï L
Gan ruaW QJũ Q J O ï W U Q Q G k \ ÿ L
Đ / X O k Xé tQsgĩmgĩ cQ F R Q Q J ñ ï L ¶¶ ¶g)1 J { 0 L

Những kẻ phản bội này đã quên đi những người bạn đã từng chung lưng đấu cật với ý chí tiêu diệt quân thù từ phương Bắc, lúc nào cũng chực chờ xâm lấn miền nam, những chiến hữu đã hy sinh một phần thân thể mình cho non sông, xứ sở và bây giờ vẫn sống đọa đầy, lây lất trên chính quê hương họ đã hy sinh đó. Đó chính là những thương bệnh binh mà khi CS vào họ đã xua đuổi họ ra khỏi nhà thương không cho chữa trị, và khi nằm xuống, mồ mả của họ bọn CS cũng đã không tha.

Họ đã quên những người mẹ, những người vợ một đời thương khó, lo cho con, cho chồng từ lúc tóc họ còn xanh, mắt họ còn trong. Đêm đêm bên ngọn đèn dầu, lòng của những người đàn bà này như xé đi theo tiếng đại bác ì ầm từ chiến trường vọng lại. Con đã đi thăm rất nhiều người góa phụ thật trẻ, quần vôi lên đầu tấm khăn sô khi người yêu vừa tử trận. Con đã nghe những tiếng khóc than thảm thiết của người mẹ đã mất đứa con duy nhất trong cuộc chiến đang leo thang. Hàng xóm đã mũi lòng ôm những đứa trẻ ốm o, đang khóc hỏi chừng nào cha mới thức dậy từ cổ áo quan

bên ngọn nến lung linh mờ ảo. Họ quên đi những lăm than khổ cực của những bậc nữ nhi phải lội suối, băng ngàn thăm người thân đang ở tù “cải tạo”. Họ đã quên những tiếng khóc xé lòng của những đứa con mất cả cha, trong chốn lao tù, và mất cả mẹ trên đường thăm nuôi! Những cảnh người chôn người thê thảm giữa đêm khuya. Nơi đó, các chiến sĩ miền Nam đã bị đối xử tàn ác nhất trên thế giới. Cộng Sản lừa bịp nói chỉ đi “học tập” 10 ngày, nhưng đã giam họ hơn 10 năm, 20 năm!

Mạ ơi! mạ có thể hình dung ra những gương mặt hãi hùng của đoàn người chất chồng trên những chiếc thuyền nan nhỏ bé, thí sinh mạng cho đất trời, tìm hai chữ tự do trong cơn gào của sóng dữ. Những xác người chết hàng hà, sa số tấp vào bờ. Những cơn đói khát làm cho đàn con thơ vật vữa. Hải tặc tấn công đoàn người vô tội. Tiếng khóc la, rên xiết làm động quỷ thần, vang vọng tận thủy cung, rúng tận chín tầng mây. Những cái chết tức tưởi của những sinh mạng làm mồ cho thú dữ trong chốn rừng sâu gai góc. Kiệt sức, vẫn cố lết qua những vùng lau sậy, bùn lầy qua biên giới với ánh sáng le lói ở cuối chân trời.

38 năm trôi qua con của mạ vẫn không bao giờ quên được mối hờn vong quốc. Nước mắt vào tay Cộng Sản thì nhà nhà cũng tan theo bước chân người di tản. Nhưng có một điều an ủi là lá Quốc Kỳ thân thương đã được chấp nhận ở nhiều tiểu bang, thành phố quận hạt tại xứ tự do này. Đó là do công sức của nhiều tấm lòng, nhiều bàn tay trong Cộng Đồng Người Việt tạo dựng nên. Mỗi lần lá cờ được chấp nhận nơi nào, thì người Việt đâu ở nơi đâu đều thấy lòng vui và ấm lại. Những lần đi dự lễ “Vinh danh Cờ Vàng” lúc nào lòng con cũng rung rung và mắt con mờ những lệ vì cảm động. Nhất là khi con nhìn thấy những người bạn Mỹ, trên tay cũng cầm lá cờ vàng của chúng ta, đưa lên vẫy. Nhưng con lại đau lòng vì thấy người Mỹ mà còn ủng hộ sự đấu tranh, cũng chia xẻ niềm quý mến lá cờ thân yêu của mình thì tại sao có những người cùng chung huyết thống, máu đỏ,

da vàng lại không biết quý lá cờ chính nghĩa! họ đã làm những việc “đâm sau lưng chiến sĩ”, làm ô nhục lá cờ thân thương mà biết bao anh hùng liệt nữ đã xả thân bảo vệ chỉ vì một chút lợi danh vì những đồng tiền nhơ nhớp.

Con nhớ ngày diễn hành lễ cựu chiến binh tại Austin, cách đây không lâu, con đi cùng đoàn người Việt từ Dallas, đến đây chào mừng ngày chiến thắng cờ Vàng, chân con bước trên con đường lộng gió của buổi sáng chớm đông, dưới một rừng cờ bay phất phới, trước mặt con là thủ phủ của Texas, mắt con chợt nhòa tưởng như mình đang đi trên thành phố Sài Gòn với hoa cờ rực rỡ.

Chiều nay con ngồi đây, gió mùa xuân đang rạt rào qua mái ngói. Con nhớ mẹ, nhớ ba, nhớ anh Quang. Nếu Cộng Sản không cưỡng chiếm miền Nam, làm cho nhà tan, cửa nát, con không phải xa mẹ, xa ba, ít ra trước khi ba mẹ lìa đời con cũng còn vuốt được mắt của hai kẻ sinh thành. Nếu Cộng Sản không phản bội những hiệp ước chúng đã ký kết, con không phải nuối tiếc vì không được ở bên cạnh anh Quang trước giờ anh vĩnh viễn ra đi về lòng đất. Con vẫn nhớ như in cây đào trước ngõ, cây mận ở góc vườn, cây dừa sau chái bếp, tiếng đọc Tam Quốc Chí của ba, tiếng hát ru hời của mẹ, tiếng đánh bi, đánh đáo của anh Quang...đã xa rồi Tại sao? tại sao con tự hỏi như bài thơ của một kẻ vô danh:

³ E D R Q P F G H I J K L

Sao thu thanh bình li bi O W O \ " ¶ ¶

Ngày mà Cộng Sản gọi là “hòa bình” là ngày mà mồ mả của các anh bị lãng nhục, ngày Cộng sản gọi là thống nhất đất nước là ngày họ lừa các anh vào các trại “tù cải tạo” và cũng chính ngày họ gọi là đại thắng mùa Xuân là ngày mà toàn dân bỗng bề nhau chạy loạn.

Sau 38 năm biết bao nhiêu máu xương đã đổ cho chính nghĩa. Nhiều người đã nằm xuống không còn cơ hội nhìn được ánh bình minh thật sự sẽ trở lại trên quê hương. Còn con, sau 38 năm con không còn người thân kẻ thuộc, ba

mạ ra đi, người anh duy nhất cũng đã ra đi, chỉ còn một đơn vị gia đình là chồng con mà thôi.

Tưởng niệm 38 năm, xin thắp một nén nhang sám hối. Sám hối vì con chưa đền đáp được công lao sinh thành dưỡng dục, con ra đi bỏ ba mẹ đơn lẻ một mình, con bất nghĩa không giúp đỡ được người anh đau ốm và nhất là con chưa làm được gì cho quê hương. Quê hương đó đã nuôi dưỡng con khôn lớn, nơi có tiếng ru dịu dàng của mẹ hiền, nơi có tiếng cười sang sảng của ba, nơi có sự dạy dỗ nghiêm khắc của anh Quang “Quyền huynh thế phụ”. Nhưng mẹ ơi! dẫu núi có mòn, sông có cạn, nhưng lòng thương yêu tổ quốc không bao giờ phai nhạt trong lòng con, trong lòng những kẻ tha hương

38 năm nhìn lại, tuy đất nước chưa được giải thoát khỏi bàn tay độc tài, tàn ác của Cộng Sản, nhưng sau 38 năm miệt mài tranh đấu, tiếng nói tự do đã được nhiều nước trên thế giới biết đến vì từ Úc Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, ngay trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, nơi địa đầu giới tuyến Irag, chỗ nào có bước chân của người Việt là chỗ đó có bóng dáng của lá cờ vàng ba sọc đỏ tung bay. Niềm tin sẽ lớn mãi, chính nghĩa sẽ thắng, độc lập, tự do dân chủ sẽ được phục hồi nơi chốn quê hương

4 X r K ñ ĩ Q J ĩ L ĩ W ĩ S ĩ Q ĩ C ĩ L
Đàn con vì mang lị ánh bình minh
T] Qu Ỡ m sng vui hai ch w Thái Bình
Hy v U Q J ỹ y Q ĩ r P ĩ b ỹ ng sáng

Thu Nga viết nhân mùa 30-4

@ ' I G Q J 7 K I c Q J 7 U ~ F

Mẹ kể chuyện quê hương...

7 ñ g Q J 1 K c Q U X P W 2 4 8 / 2 0 1 1 .
. } Q L O P Q J j \ P A ÿ L E L K Q P [F { L
W K i Q J Q P [ñ D

Mẹ kể chuyện quê hương mình ngày ấy...
nhiều tang thương và lắm nỗi nhọc nhằn.
bao khổ đau đổ lên đầu lên cổ người dân.
nào nô dịch nào sưu cao thuế nặng.

Một ách hai tròng, trăm cay ngàn đắng.
đạn lạc bom rơi, súng nổ bốn bề.
khi ở chiến khu, lúc phải dinh tề.
tìm đất sống giữa muôn ngàn nỗi chết.

Một đêm mưa trời cuối Thu giá rét.
bên ổ rơm cạnh ao nhỏ nhà ai.
mẹ cắn răng sinh hạ một hình hài.
sau bao tháng ngày cưu mang khó nhọc.

Mẹ gửi gắm vào trong con hồn nước.
khi lớn lên sẽ tiếp bước cha ông.
đem cả cuộc đời dâng hiến non sông.
mang no ấm an bình cho dân tộc.

Nhưng mẹ ơi! Lòng con buồn muốn khóc.
thân làm trai chí cả vẫn chưa tròn.
quên cả lời thề vì nước vì non.
đời lưu lạc như cánh chim lìa tổ.

Mẹ ra đi, chẳng được quỳ trước mộ.
đốt nén trầm hương tỏ chút lòng thành.
tạ ơn người đã khó nhọc dưỡng sanh.
tạo hình hài một thằng con bất hiếu.

Đêm cuối Thu, quê người con chột hiệu.
mất mẹ rồi, như mất cả quê hương.
bởi còn ai đâu để nhớ để thương.
ai kể chuyện đêm cuối Thu, năm ấy...

Tình Yêu Vô Cánh...

Mai này nếu lỡ gặp nhau.
Xin em đừng chỉ cúi đầu lặng thinh.
Không yêu cũng nghĩ chút tình.
Không trăm năm cũng đã mình với ta.
Đường đời đôi ngã chia xa.
Kỷ niệm xưa sẽ như là khói mây.
Bên song lá úa rơi đầy.
Vui chôn ký ức những ngày mộng mơ.
Khi nào đọc lại vần thơ.
Tim đừng xao xuyến...đôi bờ môi rung.
Những đêm mưa gió lạnh lùng.
Đừng nhớ hơi ấm một vòng tay ôm.
Biệt ly tan tác tâm hồn.
Tình yêu vô cánh chỉ còn nỗi đau.

Dương Thượng Trúc

7 K o \ * L D 7 U D Q J
0 ñ D 1 J k X 7 K-2013 % 1 \

@ Minh Xuân
Sơn Trà Biển Đêm

Tôi nay đi dạo biển
Màn đêm phủ tứ bề
Chỉ nghe tiếng sóng vỗ
Nhấp nhô đèn rồi đi..
Những đợt sóng vô tình
Phá tan lâu đài cát
Bầy dã tràng đã xây
Trong suốt cả cuộc đời..
Nhìn qua bên kia biển
Tượng Phật Bà Quan Âm
Sừng sững lưng chừng trời
Hào quang tỏa khắp nơi..
Cảnh trí thật huyền bí
Nơi oai nghiêm Bà ngự
Từ khi tượng Bà dựng
Bà bảo vệ dân lành
Xua đi cơn sóng dữ !
Tan biến giữa trùng khơi
Bà linh thiêng lan truyền
Niềm vui tràn khắp nơi
Đà Nẵng quê hương tôi
Nơi tôi khóc chào đời
Thành con dân xứ Quảng
Đất Ngũ Phụng Tề Phi
Suốt cuộc đời niên thiếu
Đến lúc tuổi xế chiều
Dù xa xôi cách trở
Vẫn mong một ngày về....

MinhXuân

j Q ; Q J 0 DthU20K

@ < r Q 6 G Q
Cho quê hương thống khổ

Từ xa vạn dặm nhìn về quê hương
Nỗi buồn vời vợi, một trời đau thương
Một lũ vô luân, một bầy quỷ đỏ
Một bọn vô thần chối bỏ Tổ Tông

Nào cho thuê rừng, di dời cột mốc
Một dải Tây Nguyên mai một chẳng còn
Cắt nhượng Nam Quan, chia đôi Bản Giốc
Lao động xứ người, gả bán cháu con

Có nỗi nhục nào hơn nỗi nhục này không (*)
Bắc phương ngang nhiên chiếm dần biển đảo
Giặc Tàu hung bạo, lấn chiếm quê hương

Có nỗi hận nào hơn nỗi hận này không
Thái thú đời nay ươn hèn với giặc
Tàn bạo, côn đồ ức hiếp lương dân

Có mỗi nhục nào hơn mỗi nhục này không
Chiến hạm xâm lăng gọi rằng tàu lạ
Giặc giết dân lành... gục mặt làm ngơ

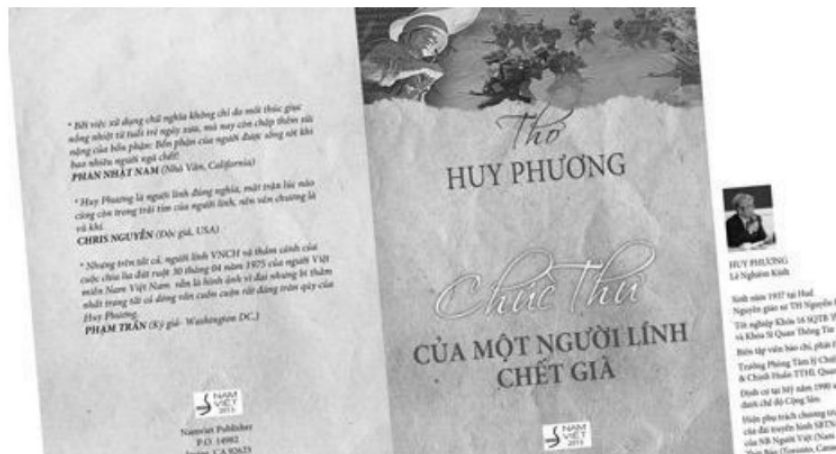
Có mỗi hận nào hơn mỗi hận này không
Dùng luật ngoại bang giam cầm người yêu nước
Đánh đập dã man người chống đối, biểu tình

Ta muốn gào to trả lại ta sông núi
Trả lại phố phường tên lạ hoắc lạ hươ
Hỡi đồng bào ơi đứng lên tranh đấu
Thanh niên sao đành cúi mặt vong thân

Ta muốn hét lên thay người bé miệng
Lực tận hơi tàn chẳng biết làm sao
Nuốt hận vào trong, máu trào bạc tóc
Hỏi quê hương mình rồi sẽ về đâu

Mùa tháng 4/2013

% L K Q { Q J ' k Q J 6 y Q J 7 y ' R F o D



@ + X \ 3 K I G Q J

Chức thư

Tôi người lính già ở xa tổ quốc
 Xa chiến trường lưu lạc tới đây
 Nơi quê người sương pha tuyết đổ
 Mang nỗi đau con ngựa lạc bầy.

Ngày tôi bỏ đi, bạn bè đồng đội
 Vẫn hiên ngang cho đến phút sau cùng
 Đã tự hiến thân mình cho tổ quốc
 Thắng hay thua thì cũng vẫn can trường.

Không phải chỉ chịu ơn người đã chết
 Tôi như còn mang món nợ nước non.
 Chết không nghĩa là đã tắt hơi thở
 Sống đôi khi cũng có nghĩa chết mòn.

Khi tôi chết ván hòm xin đừng nắp
 Có vui chỉ nhìn người lính chết già
 Hở thẹn đã không tròn ơn nước
 Tiễn tôi chi, thêm phí một vòng hoa.

Tin Vaen77

@ Lê Thị Hoài Ni „m
NHỚ

Trong giấc mơ tôi qua, tôi lại thấy má tôi về, một ao ước mong chờ trong mấy năm liền, mà những chị em khác trong nhà, chưa bao giờ có duyên may hạnh ngộ.

Người má tôi hơi ốm, bà mặc chiếc áo dài màu lam. Má tôi đứng giữa những dãy nhà, có cái đã cất xong, cái đang lợp tranh dang dở, trên một khoảng đất rộng nhưng mờ mờ ẩn hiện như giữa vùng đồi núi cây cối xanh tươi. Má tôi đứng giống như người “cai” đang coi thợ làm việc, nhưng tôi chỉ thấy một mình má tôi và bốn bề thật yên tĩnh, thình lạng. Tôi mừng lắm, muốn chạy đến ôm lấy má, nhưng như có một bức màn vô hình ngăn cản nên vẫn đứng xa Người, chỉ cất tiếng hỏi: -Má có khỏe không? Sao má cất nhà để làm gì? má tôi cười vui vẻ trả lời: -Ừ, thì má cất nhà sẵn để mai một cô Năm, thêm Hai, thêm Thông đến có mà ở ...

Giật mình, giấc mơ tan biến, nhưng lời nói của má tôi như còn văng vẳng đâu đây. Má cất nhà! Mà cất nhà sẵn để những người bà con, hàng xóm, bạn bè của má tôi đến có chỗ để ở ? Tự nhiên tôi bật khóc, những giọt nước mắt nhớ má và thương má vô cùng.

Má tôi mất lâu rồi, được chôn cất trên một ngọn đồi ở Suối Cát, Cam Lâm, mặt quay nhìn về hướng biển, và chung quanh là trùng trùng cây cối, dốc đồi còn hoang vu chưa khai phá. Má tôi nằm yên nghỉ nơi đó mấy năm rồi, vậy mà vẫn còn lo cho nhiều người khác như những ngày Bà còn ở thế gian sao? Dòng hồi ức tôi bỗng chạy ngược về những ngày tháng cũ..

Nhà Ngoại tôi có đến chín người con, vì dì Út được gọi dì Mười. Khi chúng tôi góp mặt với đời thì không bao giờ thấy ông bà Ngoại nữa. Má tôi kể quãng đời niên thiếu của bà sao vô cùng khổ sở, dù ông Ngoại hồi sinh tiền cũng có làm chức làng xã gì đó. Ông bà tôi mất sớm, nên có bao nhiêu đất ruộng những người con trai trong nhà thừa hưởng hết. “Nam nhi vi gia, thê tử vi gia” – Y tứ tưởng phong kiến trọng nam-khinh nữ đâm chồi nảy lộc ăn sâu bám rễ vào đầu óc những người dân quê không có bao nhiêu chữ nghĩa. Má tôi là chị lớn, nên phải bưng chải kiếm ăn và phụ nuôi mấy người em. Những lá trầu xanh, trầu vàng đem nguồn vui đến cho người già mỗi chiều mỗi sáng, hay trong những dịp hỏi cưới, đình đám trong làng, mà mỗi lần đi về xa hơn mười cây số đường quê cũng là nghề nuôi sống má và các dì trong tuổi ấu thơ, mãi đến khi các dì có gia đình riêng má tôi mới gặp được ba lớn tôi, khi đó vợ lớn đã mất khá lâu rồi. Và một thời gian sau thì ba lớn tôi mất, má tôi đã đi thêm bước dài với ba tôi, cũng đã mất vợ vì cơn bạo bệnh. Tôi có được hai người chị từ hai nguồn khác nhau.

Khi tôi chập chững đi vào mẫu giáo là những năm vừa đình chiến ở miền Trung.

Trong chiến tranh chống Pháp, người dân quê là những người luôn luôn phải hứng chịu nhiều tai ương, thảm họa, dù là những người dân lương thiện chí thú làm ăn. Một khi có giặc Tây đi lòng, nhất là những tên “Tây mặt gạch”. Chúng thường bắt đàn bà hãm hiếp, đàn ông thì chúng giết không nương tay, người dân quê phải gồng gánh dắt díu nhau chạy vào tận hang cùng núi hiểm để trốn. Vẫn lời má tôi kể, ngày đó khổ sở vô cùng tận, đi họp chợ phải họp ban đêm, lúc này má tôi đổi qua nghề bán vải, gánh vải kéo kẹt trên vai với ngọn đèn dầu leo lét phải băng đồng đi trong đêm tối để đến chợ, tờ mờ sáng phải dọn cho nhanh để về nhà coi sóc con cái và chuẩn bị chạy giặc.

Lần đó, trước ngày “đình chiến” không bao lâu, nghe tin giặc Tây sắp đi lòng, dân làng bèn rủ nhau chạy vào núi

trốn, nhưng má tôi thân bụng mang dạ chứa sắp đến ngày sinh đứa em trai áp út, ba tôi sợ đường rừng má tôi không cách nào đi nổi, bèn chạy đại đến bến sông Ba, may ra sang được bên kia bờ giặc sẽ không đi lòng tới kịp. Nhưng bến sông ngày thường vắng vẻ bao nhiêu, thì lúc này, màn đêm đã buông xuống từ lâu, ấy vậy mà người với người đen nghệt, tìm được một chiếc ghe con để sang sông thiếu điều muốn đánh nhau, nhưng cuối cùng cả nhà tôi cũng được ngồi trên ghe như ý, nhưng khi vừa đẩy ghe rời bến thì trời hời, ba tôi kể lại là chiếc ghe như sắp muốn chìm. Ba tôi và người cậu họ đã nhảy xuống ghe, hai người ra sức bơi để kéo chiếc ghe con trở lại bờ, tránh được những cái chết oan khiên vì có nhiều chuyến ghe bị chìm bởi đêm đen mà dòng sông nước chảy xiết.

Khi đã vào bờ, ba má tôi bèn gồng gánh bồng bế lũ con và cùng một nhóm dân làng chạy ngược vào núi, nhờ cậu họ tôi bỏ hai đứa cháu nhỏ vào hai đầu thúng mà gánh, nên bọn trẻ tôi không bị thất lạc. Xóm nhà gần dốc núi cũng che chở cho chúng tôi một thời gian ngắn chờ má tôi sinh nở, những người dân nghèo nhưng rất có tình người, lo lắng, giúp đỡ cho các gia đình chạy loạn trong khả năng cơm gạo, mắm kho và bắp hạt rang, đem giã nhuyễn thành món ăn gọi là “lớ”. Nhưng khi nghe giặc Tây lên sát quá cũng phải bỏ nhà cửa chạy vô núi sâu mà trốn (có lần tôi đã về tìm được một người ơn của gia đình tôi, chị sống trong một hoàn cảnh vô cùng cơ cực dưới mái tranh xiêu, dù trước đó gia đình chị cũng “có công với cách mạng”, chị nói nhiều lần muốn ra nằm ngoài sân rồi uống thuốc độc cho chết, nhưng số phận nghiệt ngã cứ bắt phải sống lầm than, tôi giúp cho chị một số tiền, chị cầm trên tay mà nước mắt chảy ròng, nói lần đầu trong đời cầm số tiền quá lớn.)

Đêm đó má tôi suýt bị cộp vô vì treo cái võng nằm ru em nhỏ mới sanh cạnh bờ suối, gặp lúc con cộp mò ra uống nước. Nhìn hai con mắt đỏ ngầu của nó, má tôi điếng hồn, cứng họng không la nổi tiếng nào, may nhờ có người bà con đi cùng nhìn thấy, họ bèn la lên và bao nhiêu thứ vật dụng có

thể gây nên tiếng động là họ đánh ầm ĩ lên. Cọp bỏ chạy vô rừng sâu biệt dạng. Má tôi thoát nạn và luôn nhớ ơn những người cứu mạng.

Người dân quê mừng vui khi nghe tin đã đình chiến (1954). họ chạy ra bờ suối rồi chờ nhau để về nhà, cũng lời ba tôi kể lại, trong lúc dân làng tụ lại thì máy bay Đầm già của Tây xẹt ngang thả một tràng bom, cô gái mới mười bảy tuổi con bác Ba Sâm trúng đạn chết ngay tại chỗ, ngày vui trở thành một ngày buồn, không riêng gì nhà Bác Ba, mà mọi người phải cùng góp sức đóng hòm gỗ, rồi đi đào huyệt để chôn cô gái nội trong ngày, sợ “máy bay đầm già Tây” trở lại thả bom lần nữa.

Đến vài ngày sau Ba Má tôi mới lần mò trở lại nhà, lúc ấy gọi là “hồi cư”. Vì nhà tôi rộng rãi, nên ba má tôi đã cho một gia đình người quen ở nhờ, họ cũng là những người đi tản cư, lánh giặc từ thôn ngoài. Nhưng không ai ngờ, “máy bay đầm già Tây” bay trở lại làng quê tôi để ném bom lần cuối trước khi rút đi. Khi còi báo động có máy bay đến, mấy người nhà này ỷ lại không chịu chạy ra hầm trú ẩn ở xa theo lời gọi của ba tôi, họ chui trú ngay căn hầm dưới nhà, nơi, theo lời ba tôi nói là chỉ để trú đạn ...một ché của lính Pháp từ đồn bắn lên. Nên khi nhà bị trúng bom cháy, cả vợ chồng và ba người con bị nhũn ra như những con bún vừa mới bắt ra khay còn nóng hổi, người chồng bị nóng quá, chạy thoát ra khỏi hầm, chạy băng ra cổng và chạy chui vào cái ống mương nước (dân quê gọi là “lù”) bằng xi măng ở cạnh nhà để trốn, nhưng khi máy bay đi xa rồi, thì không thể nào chui ra được, vì thân thể đã đàn hồi trở lại dạng bình thường, mà ống mương nước thì quá nhỏ, đám dân làng phải hè nhau kéo ông ta ra nên cả người bị tróc da, may mà không bị thiêu sống như bà vú già nhà tôi chậm chân, vì tiếc dở bữa ăn. Người Bà đã cháy đen, nứt nẻ, cong lên như con heo quay già lửa, lời ba tôi kể lại, chứ đám con nít chẳng có đứa nào được phép về nhà để nhìn. Và đó là bữa ăn cuối cùng của bà. Má tôi khóc quá trời đất, vừa thương người vú già thân tín bao nhiêu năm, đã bị chết

một cách thăm thương, vừa tiếc của, vì tất cả tiền bạc (hằng mấy bao bố tiền “cụ Hồ”), tài sản gầy dựng cực khổ sau mấy lần bị máy bay của Pháp thả bom, cuối cùng cũng lại bay lả tả trong gió, bay tấp đến tận cánh đồng làng.

Nhưng nhờ bà con giúp đỡ, ba má tôi dựng lại căn nhà, dù bằng vách đất sét và lợp tranh, nhưng rộng rãi, thoáng mát. Sập vải ngoài chợ là nguồn sinh kế để má nuôi cả gia đình phụ với ba tôi coi ngó mấy mảnh ruộng của ông nội tôi chia cho. Nhưng không bao lâu sau đó, trong thời gian tranh tối tranh sáng chưa có chính phủ rõ ràng, trong lúc có một số người theo Việt cộng đi tập kết ra Bắc, một số người ngoài Bắc lánh nạn Cộng sản đi vào Nam, thì ông tôi đã bị bọn chúng bắt đi vì bị liệt vào thành phần “địa chủ, phú nông” và chết mất xác trên đường đi ra Bắc trong chiến dịch “cải cách ruộng đất” của Việt Minh...

Vừa nuôi bầy con sáu đứa, vừa cuu mang cả một gia đình bạn đang trong tình trạng dưỡng thương. Má tôi luôn lo lắng cho người khác trong nhiều tháng liền sau đó.

Những tháng ngày có vẻ bình yên đến với người dân quê sau khi có chính phủ mới.

Bọn trẻ tôi lớn lên trong khung cảnh thanh bình của làng quê. Buổi sáng, má tôi gánh hàng lên chợ lúc mặt trời chưa mọc ở hướng đông, bà phải đi hết một cánh đồng, qua vài ngôi nhà sống cheo leo giữa đồng, mà nhà nào cũng trồng đầy cây cao, bóng rậm, khiến người yếu bóng vía nhìn vào những cành lá đong đưa với những hình thù quái gở, cứ tưởng đám ma trời đang đánh đu trên cành cây nhát mình, nên có bữa má chạy trời chết, tới chợ rồi má vẫn không thở ra hơi. Chỉ nghe má tôi kể lại mà mấy lần theo má đi chợ khuya, nhất là mùa tết, có thêm mấy người phụ má gánh hàng lên chợ, tôi cứ vừa chạy mà sống lưng lạnh thót, như có..ma đang chạy sau mình nên cứ chen chạy giữa.

Ba tôi coi sóc ruộng vườn và cái máy xay lúa, dù đã có thợ chuyên môn đứng máy. Chúng tôi lại chuẩn bị cấp sách vào trường làng. Thời đó, làng quê tôi còn thừa thớt người, đi đâu cũng thấy vườn tược rộng thênh thang và ruộng lúa ngút ngàn, nên đi trên đường cứ thấy xa mùt mắt, nhất là những cánh rừng hoang, nhiều khi có cọp về trốn để sanh nở, dù làng quê tôi không có gần núi, khiến dân làng phải tụ tập nhau đi đánh đuổi cọp.

Có năm được mùa, hương chức làng tôi mượn nguyên một gánh hát bội về làng, người ta cất một cái rạp thật to trên những mảnh đất ruộng đã gặt xong, rồi họ đi cùng làng khắp xóm gõ mõ đánh trống, kêu gọi bà con về xem hát. Những lúc đó, làng tôi vui không tưởng, nhứt là đám con nít tụi tôi, được đi xem hát bội tự do, được nhìn Lữ Bố phóng ngựa như bay bằng cái ...chổi lông gà trên sân khấu, để kịp giờ đến nhà Điều Thuyền đẹp lộng lẫy đang bị Đồng Trác cha bụng bự đòi cưới làm vợ. Bọn con nít cứ thấy chỗ nào trống là len vào xem thả cửa, vỗ tay, la hét inh ỏi, không cần phải chờ gần mãn tuồng mới được vào coi cọp như mấy lần đoàn về hát lấy tiền..

Thỉnh thoảng mấy anh chị lớn trong làng, cũng được Má tôi “bảo trợ” để tập tành làm những đêm văn nghệ có thi-ca-múa-hát cũng hay đáo để. Tôi vẫn nhớ chị Năm Kiểng, người có vóc dáng thanh tú nhất làng, đã đóng vai Kim Liên trong một vở kịch gì đó mà tôi không nhớ tên, và anh Hai Lỡ, chắc hồi đó anh đẹp trai lắm, đóng vai Đinh Lăng. Tuy còn nhỏ, nhưng không hiểu sao tôi lại nhớ mấy câu chị Kim Liên than thở khi không tìm thấy anh Đinh Lăng : \$ Q K L Q K / Q J gi e ÿ k \ ÿ k Q A Q K ca em yêu quý nhW e l y \$ Q K y S P • P [D N K i L S L K M P X Q J U F i Q K e L S R m i L Q F i Q K i một anh nữa đóng vai Kỳ Lân, người có quyền thế bắt chị về làm thiếp, mà anh đóng vai ác làm bọn trẻ chúng tôi rất ghét, đến nỗi gặp anh chỗ nào là chúng tôi la lên “ K ä l a n t h j i l a c u D ÿ u Q K F K R u a [L Q s i n h K i L P F O P ’

Ngôi trường làng của chúng tôi chỉ có một gian và một ông Thầy giáo già dạy dỗ, nên lớn bé gì cũng được sắp vào cùng một chỗ, tùy trình độ Thầy Tư cho bài khác nhau, vậy mà con bé tôi lại vượt qua được người anh lẫn chị lớn, để nghiêm nhiên vào trường tiểu học của xã có chia năm phòng cho năm lớp học đằng hoàng. Trường học rất xa nhà, phải băng qua một cánh đồng rộng, một cái “gò mả” với những cây đa to đến ba người ôm cũng không xuể, rễ cây leo chằng chịt, và ở nơi đó, con bé tôi nhiều lần chạy trốn chết, vì nghĩ là có ma. Nhưng về sau mới biết là bọn trẻ chặn bò “ghét” mấy đứa học trò được cấp sách đến trường, nên lấy vải trắng quấn quanh gốc cây nhát ma để phá chơi. Và cũng trên con đường này, anh em tôi cũng nhiều phen chạy thực mạng, vì mấy người “Chiêm thành” bán thuốc dạo, họ đi thoăn thoắt nhanh vô cùng, với bộ quần áo nhiều màu sắc sỡ, đeo dây nhợ chằng chịt, trên đầu lại đội cái rổ chẳng có cột cài gì hết, cứ hai tay đánh đằng xa tiến tới, mà chúng tôi ngỡ là họ rượt theo bắt mình, nên nhiều lần về nhà khóc với ba má tôi, xin cho nghỉ học vì sợ quá. May thay, ba má tôi chẳng chịu con vì chuyện không đâu.

Má tôi lại bắt bọn trẻ chúng tôi phải đến chùa cúng bái mỗi rằm hay mùng một. Ban đầu thì đi chùa của Thầy Bốn. Ngôi chùa ở xóm trên, nơi có con mương dẫn thủy nhập điền chảy qua làm hai lối rẽ gọi là “ga”. Nơi đó, “Thầy Bốn trụ trì” đã có vợ con hảnh hoi, đứa lớn nhất cỡ tuổi của tôi, Thầy ở chung với mẹ vợ và cô em vợ rất xinh, má tôi nói thế. Nhưng khi vợ Thầy mất bị bạo bệnh, thì mẹ vợ của Thầy lại...gả cô em vợ cho Thầy luôn, nên má tôi không còn đi chùa đó nữa, và cũng không còn cho chúng tôi đến để Thầy dạy kèm học chữ nữa.

Thế là đôi Chùa. Ngôi chùa xóm dưới rộng thênh thang, do Thầy Mười coi sóc, bọn trẻ tôi thích nhất là trước chùa có cây thị thật lớn, tán cây che mát cả sân chùa, trái thị lủng lẳng trên cây vàng hươm trông thật đẹp mắt lại thơm nức mũi, nên mỗi trưa, bọn trẻ hay ngồi dưới gốc và “hú thị rớt bị

bà già” mỗi khi có cơn gió nhẹ thổi qua, rồi cả bọn ù chạy đi lượm trái chín, nâng nui mơn trớn đem về cứ lâu lâu lấy ra vuốt ve rồi hít lấy hít để, rồi tưởng tượng đến chuyện nàng Tấm trong trái thị bước ra để ...nấu cơm cho Hoàng Tử ăn, như trong chuyện Tấm Cám được má tôi vẫn kể cho nghe. Dù má tôi không biết nhiều về chữ Việt, nhưng không biết từ đâu, bà lại thuộc rất nhiều chuyện dân gian như Thoại Khanh Châu Tuấn, Trần Minh khổ chuối, Chàng Nhái kiếng tiên, Con chó đá, Tấm Cám, Thạch Sanh-Lý Thông, Ngưu lang Chức Nữ, Lưu Bình Dương Lễ, Phạm Công Cúc Hoa v...vv....mà mỗi buổi trưa, khi chúng tôi ngồi nhổ tóc ngứa cho ông bà, thì bà kể chuyện. Lớn lên một chút, khi đã biết đọc, thì ngược lại, tôi phải đọc cho ba má tôi nghe những chuyện đăng trên nhật trình thời bấy giờ như chuyện Tam quốc Chí, Phong thần, Thủy Hử, Tây du ký hay chuyện trinh thám như Bàn Tay máu, Con tàu ma,, chuyện cổ tích Ba-Tư như Hoàng tử Alibaba và công chúa Bạch Mai, Cây đèn thần,..., chuyện dã sử như Lửa cháy thành Phiên Ngung, Loạn đảng Đại La thành v..v.., Thời gian tuổi nhỏ sao mà đẹp quá!

Từ lúc đến chùa này, má tôi thành “Mạnh thường quân”- từ ngữ bây giờ họ thường dùng để chỉ những người bỏ tiền của giúp đỡ một việc làm có ích nào đó, chứ hồi đó má tôi chỉ thường đem gạo, nếp hay nhang đèn đến chùa để cúng. Khi có lễ lạc gì thì bà đem bánh cóm nếp, bánh in, bánh ú, bánh tro hay bánh ít lá gai do chính bà chỉ cho mấy chị tôi làm, để nhà Chùa phát cho con nít trong làng. Bởi đó, mỗi mùa Trung thu đến, dưới ánh trăng ngà, nhà chùa hay tập trung con nít lại, xếp thành nhiều hàng dọc để nhận quà bánh, thường là bánh ít lá gai, bánh in đậu xanh, v..vv.. thì con bé chanh tôi, vừa nhận xong ở hàng này, đã chui vào hàng khác đứng tiếp, mà mấy chị lớn chẳng có ...la rầy như mấy đứa bé kia. Có sự “thiên vị”?

Căn nhà lợp tranh nhưng rất rộng rãi của gia đình tôi lúc ấy, nằm ở một vị trí rất thuận tiện, trên một mẫu đất rộng, phía trước mặt là con hương lộ, phía Bắc là con mương dẫn

thủy nhập điền, nơi bọn trẻ chúng tôi vẫn nhào xuống bơi lội mùa nước nổi, đứa nào chưa biết bơi thì ôm nguyên một khúc cây chuối cho nổi trên mặt nước, chứ không dại nghe lời xúi bẩy cho chuồn chuồn cắn rún sẽ biết bơi, nơi có cây cầu lớn bắc ngang qua, để tối tối vào những đêm trăng sáng, trai thanh gái lịch tập trung lại, ngồi trên thành cầu chuyện vãn, hát ca. Bên hông nhà là con mương nhỏ, chỉ nhánh từ 5 “cái lù” chảy qua, với dòng nước quanh năm suốt tháng đó, Ba tôi đã đào hai cái ao cá thật to trong vườn nhà, cá lội vào không biết cơ man nào là cá, nơi chúng tôi vẫn làm ...ngư ông thả cần câu mà không cần chờ đợi, cá vẫn cắn câu ào ào, nơi mà Ba tôi trồng rất nhiều cây ăn trái, nào mận, nào mít, nào ổi, những trái ổi no tròn, chín mọng, mà có đêm, mấy tên con trai phá phách trong làng, muốn trèo mương vào hái trộm ổi, bị chúng tôi rình liệng đá ra, khiến chúng bỏ chạy nên lọt ồm xuống mương ướt như chuột lột. Nơi mà có lần người sĩ quan Chỉ huy đơn vị Lính qua làng, nhìn những trái ổi no tròn, trắng mọng, rồi nhìn con mương Ba tôi đào dẫn nước chạy quanh trong vườn, đã hỏi con bé chưa hết bậc trung học có biết “dòng sông Thanh Thủy” không? Người Lính đó về sau vẫn lui tới nhà tôi ở thành phố...

Có nhiều đêm sân nhà tôi là chỗ tập trung con nít và bà con lớn bé, trai tráng trong làng, thường thì ba tôi thắp ngọn đèn “măng xông”, sáng cả một khoảng sân rộng, và trên nền sân xi măng, má tôi trải chiếu cho bọn con nít nằm nghe những người lớn kể chuyện đời xưa, nhưng hấp dẫn nhất vẫn là những chuyện ma, chuyện ma kéo gổ qua làng, chuyện ngựa rung lục lạc nửa đêm với hàng ngàn quân di chuyển, chuyện ma da kéo người thay thế khi lội qua suối và cả chuyện ma cà rồng hút máu người...., dù sợ, nhưng không hiểu sao mấy đứa con nít vẫn cứ thích nghe kể, đến nỗi khi nghe xong không dám về nhà.

Những người Lính dân vệ, sau gọi là Nghĩa quân, cũng chọn nhà tôi làm “bản doanh” vì có sự lo lắng của má tôi. Bà thường “tiếp tế” cho họ nay cái áo thun, mai vài ký gạo đem

về nhà phụ giúp gia đình vì lương lính quá ít ỏi, nhiều lúc với đàn vịt cả ngàn con, được cậu họ tôi chăn ngoài ruộng, cũng được chiếu cố thường xuyên, Nhiều lần những người Lính địa phương quân về làng công tác, cây đèn ghi-ta và cái sân rộng của nhà tôi cũng là nơi thu hút bọn con nít, ngay cả những anh chị lớn gần có gia đình, họ đến để nghe những người Lính hát và tập cho họ những bài ca như Tình lúa duyên trăng, Trăng rụng xuống cầu, Chuyến đò vĩ tuyến, Trăng thanh bình, Tình tự tin v..v. và những bài hát có những lời hát đơn sơ mộc mạc nhưng gói ghém tình cảm của người dân quê mà đến mãi bây giờ tôi vẫn còn nhớ: “Chiều hôm nay có bàn tay mẹ nắn bàn tay, họ cùng nhau chung tay gầy, bên luống cày chàng ca em -\ «”(tôi không nhớ tựa đề và của nhạc sĩ nào) hay “...quê em có sông [H Q J W K u T X r D Q K F Ê Q J F \$ Q S K ~ ý { Q J { L \$ Q S K ~ dòng sông miền Q K P { Q J \ r X Q K D X Q K c h [F J K X hoặc “\$ Q K ý L Y ý k X P j l K L j Q J Y ñ i Q J W U r Q P ý k X W r j F Q D Q F ã v 3 n th 7 n trên môi...” Ngay cả lính trung đoàn khi về làng, nhà tôi cũng thành một phần trạm tiếp liên của họ, lúc nào cũng “Bắc bình, anh dũng, đồng đa, tư tưởng, lê lai, non nước, ...” những mật mã truyền tin kêu vang trong máy PRC10, thời gian chúng tôi chưa đủ lớn để biết sợ khi “Mặt trận giải phóng miền Nam” đã xuất hiện ở làng trong.

Một buổi sáng má tôi đi chợ sớm đã phải hốt hoảng trở về và cấm mọi đứa nhỏ không được đến trường tiểu học vì có “lính giải phóng” đi bắt người, nghe nói họ tập trung trong trường. Những người đi chợ sau ngang qua con lộ chính nhà tôi nghe tin dữ đều ngưng lại, má tôi lại phải trả lời những thắc mắc của họ. “Lính giải phóng” chỉ là những “thằng Chín”, “con Mận”, “chú Năm An”, “chị Bảy”, họ cũng là những ...người làng, nhưng vì “bất mãn chế độ”(?), hay có cha mẹ, anh em bị bắt vì ngày trước đi KHÁNG CHIẾN CHỐNG TÂY rồi theo Việt minh. Ngay cả ba tôi cũng từng là “tù nhân” của chế độ mới sau khi có Thủ tướng NĐD. Lúc đó má tôi vừa lo buôn bán, vừa nuôi em nhỏ, lại lo lắng cơm

nước cho ba tôi ở trong tù, vì nhiều khi nhà tù xã đông quá, nên người nhà phải “tiếp tế” thức ăn, và thuốc men để chữa trị khi bệnh hoạn. Và tôi, đứa con nít thường được má giao công tác “chòi” xe đạp (chưa đủ lớn để ngồi lên yên xe, nên phải luồn chân qua đòn ngang mà đạp) đem cơm vào nhà tù cho ba. Nhưng một thời gian sau ba tôi được thả ra, vì không có tham gia với Việt minh Cộng sản. Trong khi những người khác có liên hệ với những người đi tập kết, lại bị những người của chính phủ có danh hiệu “cần lao nhân vị” gài đó lùm sục bắt bớ nên tạo thêm lần ranh quốc cộng ở miền quê, từ đó(?).

Ba tôi rời khỏi làng quê vào thành phố rất sớm, sau khi bị “quân giải phóng” bắt vào rừng vì tội “nuôi dưỡng lính quốc gia”, và được thả một tháng sau đó. Dù biết rằng ba tôi đi, má tôi phải vất vả nhiều lắm, nhưng bà không cam lòng để ba tôi chịu khổ có khi chết oan uổng vì đám giặc nằm vùng, vì ba tôi đã bị bắt vào núi “học tập” cả tháng rồi.. Ba tôi đi là làng tôi mất đi một người đắc lực giúp làng, nhất là mỗi lúc có đám ma chay, thì má tôi lo vải, ba tôi may áo tang, lo tắm liệm cho người chết. Có lần bảy người Lính cùng hy sinh trong một trận đánh lớn, họ đem xác về làng, và ba má tôi cùng dân làng đã lo tắm liệm thật chu đáo để những người Lính có trách nhiệm đưa những quan tài trở về nguyên quán, một an ủi cho gia đình có con hy sinh ngoài trận mạc (ở làng quê lúc đó làm gì có Ban Chung sự).

Những đêm đen hãi hùng mà bọn trẻ nhỏ chúng tôi phải chứng kiến, khi mà những người mệnh danh “Mặt trận giải phóng miền Nam” xuất hiện. Hằng đêm, khi họ về làng, kéo theo những tiếng chó sủa vang rân, tiếng mõ, phèng la đánh inh trời, rồi tiếng loa rợn người trong đêm vắng “ ỹ[ng bào thạc d 5, mngc ua, th7S ỹ q Q Cómững đêm họ đi lùng bắt những người mà họ cho là “có tội với nhân dân”, và đem đi xử bắn với một “bản cáo trạng” thật dài. Lần đó, cả nhà chúng tôi gần như chết điếng hết, khi họ đem “phạm nhân” đến “xử tử” ngay cây cầu trước nhà tôi, cây cầu đúc mà một thời gian trước đó, là chỗ hội họp của nhiều người từ già

đến trẻ, chỗ có tiếng cười đùa vui, có tiếng đờn, giọng hát, và nay trở thành “pháp trường” cho họ xử tử người dân..

Đó là ông Năm thợ rèn, người dân làng độc nhất theo đạo Thiên chúa, nên mỗi chúa nhật ông phải đạp xe xuống nhà thờ lớn dưới thành phố đi lễ. Thế là họ ghép tội ông đi làm Việt gian báo cáo tình hình cho “địch”. Chẳng may đêm đó ông chưa kịp đi trốn thì bị bắt và bị đem “xử tử”. Khi họ đọc xong bản cáo trạng thật dài, mà chúng tôi ở trong nhà nghe tiếng được tiếng mất, là một tràng tiếng súng nổ lạnh người, tiếng hét ông Năm chỉ thoáng nghe rồi im bật. Thời gian ngắn sau đó họ đến gõ cửa nhà tôi, và má tôi là người đi mở cửa, má tôi luôn “đứng mũi chịu sào” che chở đám con như con gà mẹ sẵn sàng giương đôi cánh để che cho lũ gà con, vì anh chị em chúng tôi sợ quá rúc lại với nhau. Khi không tìm thấy người họ muốn bắt là ba tôi, họ thẳng thắn đòi tiền “ủng hộ”, một hình thức đóng thuế thân cho ba tôi. Và sáng hôm sau, những người dân đi chợ ngang qua cầu, đã hãi hùng khi nhìn thấy một xác người đã bị mất nhiều phần thân thể (bị chó ăn) cạnh vũng máu thâm khô.

Và trước đó không lâu, nhờ ba tôi “say rượu” nên cả nhà tôi thoát chết. Chẳng qua là ngày giỗ của ông tôi, nên ba má tôi đã mời bà con trong xóm, đơn vị lính và có nhiều vị chức sắc trong làng đến ăn giỗ. Đêm đến họ muốn ở lại chơi, nhưng má tôi từ chối, vì toán lính nghĩa quân đã đưa lính đi “kích” từ chập tối, và vì ba tôi đã uống rượu nhiều nên say quá không thể tiếp khách được nữa, thế là nhóm người kéo qua nhà cậu Bảy bên cạnh.

Đêm tối trời, trong không gian tĩnh lặng của khoảng thời gian ngắn sau đó, một tiếng nổ thật lớn, kèm theo những tiếng súng và tiếng la khóc đến rợn người. Thì ra bọn du kích nằm vùng đã theo dõi và biết các chức sắc làng đang ở trong nhà cậu, nên quăng lựu đạn và nổ súng để giết những người trong căn nhà đó. Những người khách chạy thoát được ra phía sau vườn, nhưng em Bình con cậu Bảy đã chết một cách tức

tuổi, oan khiên. Sự sống và cái chết đến liền trong tích tắc, mà người chết chưa kịp biết vì sao mình phải chết.

Có những đêm hai bên đánh nhau ở làng trong, nhà tôi cũng bị dính vào trong cuộc, khi mà dụng cụ, quần áo của các anh lính nghĩa quân luôn có trong nhà. Má tôi đã phải cùng mấy đứa tôi dấu vào lùm lúa cho thật nhanh. Lúc những người lính nghĩa quân thất thế chạy về qua nhà, ghé vào giếng lấy nước uống, vì hấp tấp nên bỏ rơi vài vật dụng trong sân nhà tôi, và chính con bé tôi, vì mùa hè nghỉ học về nhà, đã phải “cầm đèn bão” đi trước, đằng sau là họng súng dí vào gáy với con người mặc bộ bà ba đen, đằng đằng sát khí, bắt tôi dẫn ra vườn để tìm kiếm những người NQ vừa bị thương chắc đang lẩn trốn đâu đây. Lúc đó hồn vía tôi lên chín từng mây, sau lưng là họng súng lạnh băng, đằng trước là khu vườn cây lá sum suê, bóng tối dày đặc, không biết có người Lính nào lờ núp trong đó, bị phát hiện rồi họ bắn nhau, chắc tôi là người phải hứng trọn những băng đạn nghiệt ngã. Tội nghiệp má tôi khóc lóc, năn nỉ họ để má tôi đi thế, nhìn bà thiếu điều quì lạy van xin họ tha cho tôi, tôi muốn nhào tới ôm lấy bà, ôm thật chặt má tôi, rồi ra sao thì ra, nhưng họ cứ dí súng vào lưng tôi bắt dẫn đi, may quá họ tìm không ra người Lính nào núp lại.

Lũy tre làng, con đường quê, bờ ruộng, con mương, con bò hay gánh lúa là những hình ảnh gắn chặt với đời sống người dân quê, nhưng cũng là chỗ tựa của những người mệnh danh “mặt trận giải phóng”. Họ cứ ẩn nấp làng này, hay đào hầm dưới đất, hễ có lính đi tuần thì họ chui xuống trốn, lính qua làng khác thì họ trồi lên, ban đêm đi phá rối, ngay vách tường nhà cô Ba Vân, người có căn lầu hai từng mới cất, vách dựng màu xanh đẹp mắt, thế mà ban đêm mấy ông mặt trận nhào ra viết nguyệt ch ngoạc: “M • thua M • rút v I M •, anh em E L Q K V - ~~W W J K X D~~! Họ có ~~W~~ học tập chính trị”, có chính sách đi tuyên truyền rõ ràng, trong khi vài chú Lính quốc gia thì cứ khơi khơi trước mặt bọn con nít viết lên bậy bạ: “ L I Y

F K Ì L W t N + K I Q lắm sao mà thu phục được hết lòng dân, nhất là những người có dây mơ rễ má với cộng sản?

Và cuối cùng tôi phải xa hẳn ngôi nhà thân yêu lên ở luôn thành phố, cũng để tránh luôn cái cảnh chiều chiều, lúc toán Lính vừa đi kích đầu đó, là mấy chị “giao liên” lẫn “nằm vùng” xuất hiện, đi khắp xóm lừa mấy đứa con nít tui lại, rồi dạy mấy bài hát “cách mạng” nào là “chi 6 th 7 ng v sa qua & W D ÿ a W K y đ 6 n tan xác tan h Q ừ những lời hát nghe đầy ắp căm thù, giết chóc, chứ không giống những bài hát “Tía em Má em” được Thầy dạy trong trường học hằng ngày. Nhưng khi nghe có ai đó la lên: có Lính tới! thế là mấy người đó phóng như sóc, biệt dạng, để những đứa nhỏ chúng tôi ngơ ngác vừa chạy về nhà, vừa khóc.

Những ngày ba tôi xa nhà và đám con ở thành phố vào bậc trung học ở tỉnh là những ngày má tôi phải sống trong kinh hoàng hằng đêm, dù có hay không còn áp chiến lược, áp tân sinh. Cứ tối trời, phía “bên kia” về tụ họp dân làng bắt phải đi đào đường, lập giao thông hào là má tôi phải đi. Sáng ngày lính quốc gia lên kêu dân đi ...lấp lại đường rồi mới ra ruộng hay chợ búa, thì má tôi cũng vác cuốc đi lấp. Má tôi là người đàn bà thật can đảm, tình thương dành cho chồng con quá bao la, mệnh mông như trời biển, nên cứ gồng mình sống bám làng vì ruộng vườn còn đó, thóc lúa cần có để nuôi sống chồng con trong những ngày lánh nạn CS mà chưa có việc làm, chưa tự túc được cái ăn. Gánh hàng má không còn lo nổi, vì bị “sưu cao thuế nặng” từ những người mệnh danh “giải phóng”, dù ...con nợ của má tôi còn quá nhiều, nhưng cũng đành buông bỏ.

Rồi vẫn theo lời má tôi kể lại, thêm một buổi tối hãi hùng kinh khiếp, khi đám người mệnh danh “giải phóng” đó lập nên “toà án nhân dân” để xử bắn đến ba người một lúc. Họ kết tội những người dân làng tôi đã “kêu” máy bay đến bắn phá sào huyệt của họ, và thông thường thì họ ở chen lẫn với dân, dùng nhà những người có thân nhân đi tập kết hoặc lên núi làm bản doanh, và cũng chính những người này, ban

ngày là nông dân bình thường, làm ruộng làm rẫy, buổi tối thành những “du kích” đi đặt mìn, chỉ huy dân phá đường đắp mô, và cũng chính họ, đã đào những hầm trú ẩn, để dấu những cán bộ nòng cốt của “Mặt trận giải phóng miền Nam”, mà nếu Lính Quốc gia có đi hành quân lùng sục, hạ sát một vài người, thì chúng la làng lên là giết dân lành, mà thực chất, là những người có “dây mơ rễ má” với bọn giặc cộng như anh Bốn A, anh Bảy K, cậu Ba M.....

Má tôi kể đêm đó thật tối trời, họ bắt loa kêu gọi tất cả dân làng phải tập trung ở giữa một đám ruộng thật to của ông Ch. trước đồng trống, và ở đó có sẵn một mớ đèn dầu leo lét, vài cây đuốc ánh sáng lập lờ trông thật ma quái, trên một “khán đài” có 3 cây cột, họ cột 3 người dân làng là ông Bảy T, anh Ba H, cậu Chín, là những người “có tội với nhân dân”! Một bản cáo trạng dài đọc hoài không thấy hết, với nhiều từ ngữ lạ hoắc má tôi không tài nào hiểu và nhớ, chỉ biết họ qui tội 3 người này đã dám “ngoắc” máy bay địch đến bắn phá, tiêu diệt “cơ sở cách mạng”. Và sau đó là những tiếng cắc bùm chia vào đầu từng người một, từng cái đầu ngoẹo xuống với tiếng la hét đón đau ngăn ngùn ớn lạnh giữa đêm trường, dù chung quanh người là người, nhưng má tôi nói giống như cảnh âm hồn địa phủ với một lũ quỷ âm binh đầu trâu mặt ngựa đang vờn tới vờn lui phun ra mùi tử khí làm lạnh dọc sống lưng, tứ chi người bị tê liệt. Họ “xử tử” người mà chẳng cần bịt mắt, người xem cũng chẳng dám hé môi, có hải hùng kinh khiếp thì cũng ráng mà bùm miệng lại và khóc thầm, má tôi cũng trong số những người đó.

Cuối cùng thì má tôi cũng đã bỏ làng trốn đi trong đêm tối, khi mà ở làng ngoài có tổ chức một đêm văn nghệ với đám “văn công “ của “Bộ đội”. Má tôi lấy cớ đi xem Văn nghệ và trốn luôn vào thành phố ở, bỏ lại ruộng vườn, nhà cửa, thóc lúa và cái máy xay gạo nằm trơ vơ không ai coi sóc. Một lần “lánh nạn Cộng sản” không thua gì những người miền Bắc di cư năm 54. Gần mười năm sau đó, một lần nữa, ba má tôi không còn nước mắt để khóc khi thằng con trai

Lính vào tù, thằng con mà má tôi thương nhất, bà không những nuôi con là Lính trong những ngày tháng trước 75, mà còn nuôi cả đám bạn Lính của con bằng những bữa cơm đầy khi đám Lính có những ngày nghỉ phép từ Trung tâm Huấn luyện Lam Sơn-Dục Mỹ. Chỉ hai tháng sau tháng 4/75, thằng cháu gọi má bằng Dì, đã bị giặc bắt đem chém đầu làm gương vì tội “chống phá cách mạng” dù trước đó anh chỉ là một người cán bộ “Xây dựng nông thôn”. Để rồi cuối cùng, những đứa con lần lượt xuống thuyền vượt biển, mặc cho gió to sóng cả, sống chết chưa biết ra sao. Má tôi cắn răng nuốt ngược nước mắt vào lòng đưa từng đứa con ra chỗ hẹn, thế cho ba tôi đang bị đám cán bộ khóm phường cứ dòm ngó, theo dõi. May mà phước đức nhà tôi còn đây, nên đám con của má đã đến được bến tự do an toàn.

Bây giờ, mỗi lần con tôi ở xa về thăm nhà, khi chúng rời đi, tôi buồn khóc nhớ con đến quận lòng, mặc dù biết rõ con đi về đâu, có điện thoại gọi từng giờ. Càng thương nhớ con, tôi lại nhớ và thương má tôi quay quắt, thắt ruột. Tôi cứ nghĩ đến cảnh bà phải chịu đựng sự xa các con, cứ từng đứa con lần lượt rời nhà ra đi mà chưa biết trôi giạt về đâu, có khi chết mất xác ngoài biển khơi không chừng, những ngày ấy má tôi buồn biết chừng nào, nhưng vẫn cam tâm chịu đựng.

Tiếc rằng chúng tôi, những đứa con của má, chẳng có ai hưởng được hết những đức tính của bà. Má tôi, một người đàn bà bình thường, ít chữ nghĩa, nhưng sao lại có quá nhiều từ tâm, sự hy sinh tận tụy và lòng can đảm cũng như sức chịu đựng vô biên.

Lê Thị Hoài Niệm



@ Mây Ngàn
Thu buồn

Mắt nâu buồn thấm đậm vào thu
Sóng trào ôm cát mây giăng mù
Thu đem thương nhớ tình ngàn dặm
Nhẹ bước chân mềm theo gió ru

Cát vàng xen nắng chiều liều rữ
Môi ướt hoàng hôn đọng giọt sầu
Vết tình đan rối suối tóc ngà
Xa người thương nhớ trời vào thu

Triều dâng biển động thuyền neo bến
Lạc lỏng hoàng hôn cánh én bay
Ốc chồng đảo nổi sầu hiu quạnh
Mây nước giao tình nhớ thương ai.

@ 1 K j W 1 J X \ , Q

Trong ký ức xanh

Đà Lạt
Mùa hè Dã quỳ vàng rực
Em. Mắt tròn xoe
(sao lá xanh đến ngộ)
Căn nhà gỗ trên đồi
Lần anh đưa em đến
Bờ đá xanh
Lao xao bông cuội nhỏ
Anh và em
Nhìn xuống
Đà Lạt. Lượn như sóng thuyền
Bập bênh nương cánh khói
Nhón chân. Em. Vịn tay anh
Kéo ngả
Đầu dốc Hòa Bình
Bước thấp bước cao
Em
Khóe môi xinh
Xuýt xoa dấu đôi tay lạnh
Cóng
Trong túi áo anh rộng
Thùng thình
Đầu mũi ửng hồng hồng
(sao mà xinh đến ngộ)
Dừng chân em. Vịn tay anh
Cho ấm
Đà Lạt mù sương
Thành phố bơi không nổi
Trong biển hồ mênh mông
Không bờ chắn
Và anh / Và anh
Ao ước được một lần
hoặc nhiều hơn, không rõ)
Bơi trong đôi mắt nhỏ
tròn xoe ...

@ + X ' Q K & { Q J È Q K

Tự phạt

Phạt ta một ly rượu đầy
Giọt sầu đậm thũng dạ dày nhân gian

Phạt ta một ly café'
Cái đen, cái đắng khô tê môi tình

Phạt ta ôm mộng bình sinh
Nửa chừng gãy cánh kiếm cung rã rời

Phạt ta trong mỗi chiếc giày
Hòn sạn lún cán tháng ngày ngược xuôi

Phạt ta mê chơi bài cào
Đặt ra thua mãi, thắng vào thì không

Phạt ta một điều thuốc rê
Khói xuyên lung phổi cơn mê ho dài

Đợi chờ

Em đứng bên thềm mùa Hạ ấy
Tóc mai long lánh giọt mồ hôi
Bao lâu như gót chân rã mối
Thêm hoang rêu phủ dáng em ngồi

Từ bình minh đến hoàng hôn khuất
Gió mơn man chiều mát bờ mi
Tiếng con chim Cuốc kêu rờ rạc
Xiêu xiêu từng bước mệt mề đi.

@ Túy hà
Kinh bắc về đâu

(P Fy PaW NKR+QJ WUeL ULrQJ NK{QJ
0aW JyF QKW kP WK/P
ÿrP ÿrP Q9P QJKH OeL UX FoD JLy
7uQK QJj\ [ñD Oj QuD Y/QJ WU QJ Yi
;LQ WKrP PaWj O/-QK KE ROW QKDX WK{L

Từ góc nhỏ

và khoảng trời riêng không tuổi

thì hãy nghe lời gió hát ru,

nhắc làm gì nửa vầng trăng vỡ

vì thật ra Kinh bắc vẫn trong ta.

Kinh bắc xưa là tiếng reo nhạc ngựa

là áo thêu sắc sở những hoa văn

là vòng bạc sáng ngời trên cổ

là làn da trắng muốt hoa Ban

là môi đỏ Đào Xuân ngày họp chợ

là rượu nồng men

say khướt một đời.

Bên cửa gió đâu còn người đứng đợi

những chiều đông hoa tuyết nhẹ bay

tiếng vó ngựa đã xa trong ký ức

nhắc làm gì em gái hái mơ ơi!

Giữa lưng đèo ngựa tay vờn sương lạnh

gió đại ngàn lửa sóng ghẹo mây

cây lã ngọn nghe lời rên của đá

những giọt buồn rơi xuống lá hoa bay.

Người Kinh bắc, còn ta Kẽ chợ

gặp tình cờ rồi lại đi nhanh

chưa kịp chạm bờ môi màu hạt lựu

và cũng chưa đôi ẩm giao tình.

Vậy thì sao gọi tình xưa trăng vỡ

đã biệt đâu mà vĩnh Kinh bắc ơi!

chưa chạm ngõ làm sao vào được cửa

có chăng là chút ảo mộng tình xa.

Túy hà

WKĩ 0K KRjLOLQKSKñĩQJ

Tin Vaên97

hoa g ^ R yO

Tháng ba hoa gạo nở
trên đường di tản lui binh
lính vẫn mơ và làm thơ tặng bạn
mặc pháo dồn, đạn nổ địch vây
tháng tư
hoa gạo đỏ bầm
đỏ như màu máu chiến binh trúng mìn
tháng tư
đạn thiếu súng thừa
giáp y bỏ lại
dọc đường
tàn quân
đường ra biển nghệt
đường rừng địch ngăn.

Lệnh tan hàng
bàng hoàng hoảng loạn
chưa đánh sao tan,
tan tác bàn cờ.
tướng chạy quân đeo
neo đơn ở lại
cũng tại, bị, vì, nhưng, bởi thế thôi.
ngàn ngàn lý do
cũng từ nhân nghĩa
của trái tim người lính miền nam
người ra biển, vào rừng vô vọng
người ở lại nhà nặng gánh tù gông
một tháng, mười ngày
hóa thành vô tận
lính ở tù không án vẫn chung thân.

Tháng năm hoa gạo rụng
máu bầm hoại huyết tím ruột gan

ba chục năm hơn
một lần nhìn lại
thấy được gì ngoài rỗng mục gian san
thấy được gì ngoài sâu bọt tràn lan
và đồng ruộng cháy khô, người tử tận.
Phải làm gì hồi anh em lặn đạn
một lửa bên trời
nồi lửa tiếp quê hương
không súng, mất dao
ta còn cây bút
vạch lương tri cho thế giới nhìn vào
và chữ nghĩa là tự hào dân tộc
viết triệu, triệu lần
khẩu hiệu tự do

Đòi cho được chén cơm dân chủ
khiến ruộng đồng lúa trở đầy hoa
đòi cho được nhân quyền phải có
để người người thoát kiếp nông nô
đòi cho được biển rừng từng tấc
rừng vàng biển bạc nước nam ta
tiền nhân đã ngàn năm dựng nước
giữ nước là nhiệm vụ lương tri.

Bạn lính bạn tù
một thời binh lửa
một thời cày ruộng thay trâu
một thời lang thang
xứ người mạt vận
nhìn lại một lần
còn nguyên bị hận
nghe râm ran
lời hoa gạo đỏ
đỏ như màu máu ứ trong ta.

túy hà

Tin Vaên 99

1 K ^ S 7 K _ 7 K] L * L D Q
@ 7 X ' % ~ W F g D 1 J X \ r Q 1 K X Q J

Bình Minh

Mỗi buổi sáng như một cái đồng hồ đúng giờ, tôi lóc dậy lúc 7 giờ. Việc đầu tiên ăn sáng xong là ra vườn tưới cây. Mùa hè trời nóng lắm, hôm nào cũng khoảng ngoài 90 độ F, nhưng cái nóng của ngoài trời lúc ban trưa cho người ta cảm tưởng nhiệt độ lên tới cả trăm độ.

Chị bạn thân cũng thích trồng hoa kiểng, hôm đầu Xuân tặng cho tôi một cây đào, giống đào này hiếm vì là đào Nhật Tân Hà Nội, có màu hoa đỏ thắm chứ không phải đào hồng như ở đây. Nhìn hoa nở thắm trong vườn nhà chị hôm đầu Xuân, tôi cũng mơ ước ở sân sau nhà, mình sẽ trồng được một cây đào xum xuê, mùa hè che bóng mát cho mảnh sân nhỏ và sau những ngày Đông buốt giá, sẽ tìm được mùa Xuân rực rỡ trong mảnh vườn nhỏ của mình.

Nhưng tôi lại hay bị dị ứng với ánh nắng mặt trời, nên khi ra vườn tưới cây vẫn phải đội mũ và đứng dưới bóng một cây cao để tránh nắng. Buổi sáng nắng chưa gay gắt, gió thổi hiu hiu nên mát rượi, nhìn cây đào lớn lên phơi phới tôi ngửa mặt lên trời, bầu trời xanh điểm xuyết những bóng mây trắng. Tôi thầm nghĩ đến chuyện phải cảm ơn trời đã cho tôi hưởng không khí trong lành của một bình minh êm ả, đã cho tôi chút gió mát để tâm hồn yêu đời phơi phới, và phải cảm ơn cô bạn nữa vì đã tặng cho tôi cây hoa quý, như đã cho tôi một mùa Xuân giữa những ngày đầu hạ.

Nhỏ Cỏ

Mỗi buổi sáng đẹp trời như thế, nhỏ cỏ cũng là một cách tập thể dục cho tay chân hoạt động và đổ mồ hôi, thải bớt những chất độc trong người.

Cỏ đối với tôi không phải là kẻ thù nếu như nó được mọc thành bãi, một bãi cỏ xanh trong một ngày đẹp trời, để mình nằm thả dài trên sân cỏ mà nhìn trời xanh, chẳng thú lắm sao!

Nhưng cỏ mọc lẫn lộn trong hoa, sự phát triển của nó nhanh cấp kỳ vì được tưới tắm mỗi ngày. Tôi cũng đâu ích kỷ với Cỏ, nhưng muốn cho hoa tăng trưởng được thì phải nhổ cỏ. Thôi đừng lười biếng nữa, nhổ những cây cỏ non sống nhờ dưới thân hoa, là một việc dễ dàng hơn là cứ để nó tự do lớn mạnh, khi ấy rễ của Cỏ đã bám sâu vào đất, tôi sẽ mất công lắm!

Vừa nhổ cỏ tôi vừa nghĩ. Ừ nhỉ, chất chồng trong tâm tôi cũng bao nhiêu cỏ dại, hãy dùng một chút thời gian để nhổ bớt đi những cây cỏ mọc không đúng chỗ trong tâm hồn mình, đời sẽ đẹp như mảnh đất trồng hoa đã quang đãng hơn vì không còn cỏ dại, hay chỉ còn rất ít.

Đói ăn rau, đau uống thuốc!

Thời gian sống ở miền Tây, tôi được làm quen với các loại rau hoang như rau càng cua mọc lan tràn trong vườn, trong sân như cỏ dại, chỗ nào có bụi cây thấp, bên bờ giếng, ven hàng rào có cây to bóng mát, đất ẩm chỉ cần vài cơn mưa là rau càng cua mọc lên từng mảng xanh rờn. Không ngờ loại rau có lá hình trái tim hơi tròn trĩnh như một đồng xu, màu xanh non ngọc thạch mượt mà dễ thương, lại là một món rau bổ ích mà mãi sau này khi tìm hiểu tôi mới biết công dụng được thảo của nó, tốt hơn nhiều thứ rau nhà được vun trồng tưới tắm.

Trên mâm cơm của người miền Tây thuở ấy, từ Trà Vinh cho đến Cần Thơ thường có rau sống ăn kèm với thịt, cá kho,

mắm kho, vì vậy mà chất tươi mát này đã thấm đẫm trong xương tủy cũng như tâm hồn của người miền Nam. Một rổ rau tươi đủ loại để ăn mắm bao giờ cũng có sự hiện diện của nắm rau càng cua, hương vị nồng nồng nhưng giúp những gia đình nghèo đưa chén cơm vào miệng thật ngon lành. Mảnh đất ẩm nằm cạnh cái giếng nước sau nhà, giúp cho rau càng cua tăng trưởng tươi xanh, mọc lên trong cỏ nằm cạnh vách tường, miễn có đất ẩm là có rau, nên cả nhà tha hồ hái rau ăn quanh năm.

Bà chị dâu người miền Nam thường làm món rau càng cua trộn dầu giấm thịt bò, ngon hết biết. Nhưng sau này khó khăn, đâu phải lúc nào cũng có thịt bò, nên mẹ tôi chế biến thành món rau trộn chay giản dị mà cũng rất ngon. Vài trái cà chua chín thái ngang, mấy củ hành khô ngâm dấm và chừng hai cái hột vịt bầy xung quanh đĩa rau, trộn dầu giấm chấm nước mắm chua ngọt là cả nhà đã được một bữa ngon cơm rồi. Bây giờ ở quê người, cuối xuân sang hè tôi chỉ mong trời mưa, tiếng sấm động ì ì với những cụm mây đen ùn ùn kéo đến, vài trận mưa lụt đầu ngọn cỏ là lúc đó rau càng cua cũng chuẩn bị mọc lên chen nhau dưới những bụi cây thấp và ẩm. Một sớm mai ra vườn, nhìn thấy những cụm rau mát như ngọc thạch vươn lên chen lẫn trong lá cỏ, người xa quê mới cảm thấy nỗi ao ước hưởng lại hương vị “cây nhà lá vườn” của món rau hoang dại này, giờ đây cũng lạc loài nơi xứ lạ.

Cây Cam

Cây cối trong mảnh vườn nho nhỏ của tôi, đến rồi đi cũng nhiều, cũng chịu chung số phận sinh tử như con người vậy. Lũ cây non be bé được nâng niu như trẻ thơ, thì với mấy cây già cỗi sắp tiêu diêu về bên kia thế giới, mình vẫn có cái trân trọng như trân trọng người có tuổi.

Có lẽ cũng từ sự tương quan tuổi tác mà có sự săn sóc ấy chăng? Suy bụng ta ra bụng người, cây mười tuổi như

người trăm tuổi, nhất là với những cây có đời sống ngắn ngủi, sự hiện diện của chúng trong khu vườn với một khoảnh khắc nào đó, vẫn cống hiến cho con người niềm vui thật nhỏ bé, khi nhìn những lộc non đơm đầy trên cành nhánh khẳng khiu.

Thế nhưng cảnh chia biệt giữa cây và người vẫn làm tôi nao nao một nỗi buồn thâm thía, như hai người bạn đã tới lúc chia xa, không hẹn ngày tái ngộ. Cây cam già đã cỗi, mua từ một vườn ương cây được chiết từ một thân cây mẹ, nên tuy thấp mà lại già, trông nhỏ nhắn mà đã có trái.

Vài năm sau cây không đơm hoa kết trái, đến lúc phải ra đi đã để lại trong mảnh sân nhỏ, hay trong lòng tôi một nỗi trống trải đến nhiều ngày mới quên được. Đành lòng là phải tiễn đưa nhau, nhưng trước khi hóa kiếp cho nó thành tro bụi, tôi cũng cảm khái được mấy vần ai điệu:

"Càng ngày cây càng nhỏ lại
Càng lúc trái càng bé đi
Mùa Xuân chờ hoài không tới
Mùa Đông đợi hoài chẳng đi."
(Thơ N.N.)

Vẫn Còn Xuân Chán!

Tôi có một người bạn vong niên, tuy gọi bằng “Chị” nhưng hơn tôi đến hai mươi mấy tuổi. Quen rồi, hồi mới sang Mỹ chúng tôi ở chung một xóm, cùng học chung một lớp ESL dành cho những người mới tới. Chị là vợ một nhà văn, ông viết cho một số tạp chí ở hải ngoại, hình như người đàn ông ấy có những đam mê khác bà vợ, sống yên lặng trong nhà ít giao du với hàng xóm. Chị hay cười và suốt ngày lúi húi với những cây hoa hồng lúc nào cũng đơm hoa.

Quanh năm, người phụ nữ gầy gò, mảnh dẻ ấy chỉ lúi húi ở nhà bếp và mảnh vườn sau, không thấy chị xen vào việc sáng tác của chồng. Từ trên lầu của khu chung cư ngó xuống, lúc nào tôi cũng thấy chị bung , xách từng chậu hay

sô nước để tưới hoa. Nước ấy là nước vo gạo, nước rửa rau, nước lau nhà, khuôn mặt chị dấu kín dưới vành nón rộng, nhưng tôi biết chị rất thích và đam mê với hoa lá của mình.

Những bông hồng cứ nở hoa, dọc theo đường đi, ai khen hay thích xin chị cũng sẵn lòng cho một cây nhỏ ương sẵn về trồng, hai mắt chị cười tít lại, hạnh phúc như tỏa ra trên khuôn mặt đã nhiều vết chân chim.

Băng đi nhiều năm từ khi tôi rời xa chốn cũ, hình như tôi vẫn nhớ nơi này nhiều nhất vì nó đã chuyên chở giùm tôi biết bao kỷ niệm. Căn nhà có khung cửa kính mở rộng nhìn xuyên suốt ra ngoài, ven đường có hàng sồi lặng lẽ xanh biếc với thời gian. Đi quá vào trong là một con suối có nhiều cây dâu dại, những chiếc lá khô rơi xuống và thả mình trên mặt nước như những chiếc thuyền con.

Tình cờ tôi gặp lại chị trong chợ, vẫn nụ cười tít mắt trên khuôn mặt đã nhăn nheo với thời gian. Chị mừng nắm tay tôi rồi bảo:

“ Vẫn Còn Xuân Chán!”

Tôi bật cười:

“ Hơn 10 năm rồi mới gặp lại. Chị khoẻ không?”

Chị cười, giọng nói vẫn sáng khoái và vui tươi như ngày tôi dọn nhà đi, chị ân cần bưng luôn một bụi hồng lớn màu hồng nhạt để tặng tôi, thêm cây dạ lý hương cũng đang nở hoa:

“ Vẫn Còn Xuân Chán! Mỗi ngày tôi uống một vốc thuốc cho đủ thứ bệnh già, nhưng hễ còn đi lại được thì tôi “vẫn còn xuân chán”.

Ha ha, từ đấy tôi và chị hay liên lạc lại với nhau, chị khoe khi dọn về nhà mới chị cũng có một mảnh vườn trồng đầy hoa hồng, nhưng bây giờ tuổi đời chồng chất đã 87 cái xuân già, con chị không cho chị bưng nước tưới hoa nữa, chị dùng vòi nước tưới cây trong vườn, hoa cỏ lên phơi phới.

Mỗi lần nói chuyện với chị qua đường dây điện thoại, tôi hình dung ra người phụ nữ cao tuổi ấy là một bóng cây cao

tỏa bóng mát cho khu vườn của chị, và cả tâm hồn người khác nữa khi tôi nhớ tiếng cười ha ha của chị:
“ Vẫn Còn Xuân Chán!”

Rác

Câu chuyện nhỏ này ghi lại khi ngày thứ Năm trong tuần là ngày đổ rác, tôi mượn nhân vật trong truyện “Những Cánh Chim Cô Đơn” để diễn tả giùm cảm nghĩ của mình:

³+ [L -\ O~F YsD TXD 0• W{L VKDUH
QJñeL Ej FRQ g PaW NKX SKY NKi NKI
P_L WX/Q FKQ ỹ] UiF Fy PaW O/Q Yjf
WX/Q 7K{L WKu K{P -\ Fy EDR QKLrX
SK+L FY WKX QK?W Pj ỹHP UD WK•QJ l
G5\ ỹK [HP Fy FzQ FK~W UiF UñgL QjR
PaW WX/Q VDXiP WcEy &H QKwQJ WKq E
KiP ỹK WcL PaW WX/Q VDX WKu FK7F
WcL QJj\ ỹ] UiF Oj FiL QKj -\ [Q jR OrC
O)L SK+L W-W E5W ỹL WKX GUQ Yj OD
PuQK FÊQJ SK+L NKy FK~~SK~~-V~FyFy/~~RuQ~~
QK-W QJj\ WKq Q P WURQJ WX/Q QKñC
FÊQJ Wy QKLrQ QKñ ES DL QK7F QKg F
VE QKj FuD 6DX Ws FKX\OQ -\ W{L OI
NKiF ỹ{L NKL PuQK Y3Q SK+L WKX GU
không F/Q WKu YqW ỹL FKR V)FK VE F+ C
SKLIQ FÊQJ Oj PaW WKq UiF UñgL {P
{P PaW Pc UiF E1Q 1KwQJ WKq UiF U
FoD QJñeL PDQJ WcL FKR PuQK Fy NK
FoD E+Q WKkQ Pj ~~PaLYQXFKQJFyXmaC~~ WI
Y3Q SK+L YqW Qy ỹL ỹsQJ QXYL WLGF

Bên Bờ Sinh Tử

Tính tôi thích đùa, ngay cả trong gia đình khi trao đổi quan niệm sống với đứa con đã trưởng thành, tôi đã kể cho con tôi nghe một câu chuyện:

³ &y PaW O/Q WU URECSJ YrP LQ? QJ O~F QjF
UHQ UpW EOQK FK;QJ UD EOQK Ju Q!
WUeL 7U5Q -\ PD\ Oj W{L WKRIW FKGV
JñĩQJ WK-\ P?W PÊL YrX YDR KYF KiF
Wy QKo SK+L W5Q GmTQJê QKw QX+J lyleL SQ
Pj OjP ÿLIX Ju KwX tFK FKR FXaF VYQ.
VLQK Wu Oĩ Pĩ QKuQ Q7QJ FKLIX VH V
P+QJ WUeL [DQK NK{QJ PaW JkQ Pk\ V
F•QJ 7s ÿ-\ W{L Wy KWL VDR NK{QJ O
KDL WD\ EX{QJ [X{L VE NK{QJ kQ K5Q
K)QK SK~F NKL ÿñkF OjP QJñeL FÊQJ
QKLIX NLGS WUñcF Pj WKjQK /i QKñ
QGX PuQK Q g FK;QJ UD FKL WUeL F
TX)F TX)F OjLQFRYi QLY ÿly PuQK Ws NLGS
OjP EwD WLGW FDQK WKu FzQ Ju Oj ÿe

Có lẽ từ ý tưởng ấy mà tôi viết văn, chẳng có gì ghê gớm cả khi ai cũng có thể ghi lại những cảm nghĩ của mình trong từng khoảnh khắc của đời sống, và bạn hãy cứ vui vẻ đi nếu có ai ưu ái tặng cho mình hai chữ “nhà văn”, đừng mắc cỡ bạn nhé!

Nghỉ ngơi

Anh” Còm” của tôi cũng thuộc hạng lão làng như tôi vậy, nhưng tôi quý anh lắm, bởi đã quen hơi nhau như người bạn thân thiết lâu năm, tri âm tri kỷ tri bỉ là thế! Tính không thích thay đổi khiến tôi hụt hẫng hay khó chịu khi phải sử dụng một cái máy mới, có lẽ tôi không đuổi kịp sự văn minh

của khoa học, như một người già khó thích nghi với cách sống tân tiến của đám trẻ bây giờ.

Những khi ở nhà, tôi miệt mài bỏ nhiều giờ với “người tình mặt vuông”. Khi thì viết, lúc làm thơ, lúc làm PPS, khi lại loay hoay với mấy tấm hình, thú làm PPS khiến tôi cũng say sưa chụp ảnh nghệ thuật và sưu tầm, ráp nối nhiều tấm ảnh đẹp. Gọi là thú vui tao nhã của tuổi già cũng được, vì tôi không phải cô đơn trống trải một ngày dài, lại không tốn tiền ảnh hưởng kinh tế gia đình.

Thế nhưng anh “còm” của tôi đã cũ nên anh cũng hay đau yếu vặt vãnh, và khi nào phải làm việc nhiều quá với cái đam mê của tôi thì người anh nóng ran, muốn xì khói. Những lúc ấy tôi cũng linh cảm nổi mệt mỏi của anh, và của tôi nữa. Sờ vào anh đã thấy hâm hấp như lên cơn sốt, anh như muốn bảo tôi:

“ Thôi đứng lên đi, tôi mệt rồi, bạn không biết mệt hả? Coi chừng cái lưng của bạn đấy!”

Thấy tôi vẫn còn nấn ná, anh nóng tiết lên (nóng thật tình vì có mùi khen khét):

“Đứng lên đi, tôi mà cháy máy thì bạn cũng hết đường tương chao. Làm gì thì cũng phải nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi chứ!”

Lần này thì tôi đứng lên thật, dù muốn hay không tôi vẫn phải nghĩ đến sự Nghỉ Ngơi cho anh, và cả cho tôi nữa.

Thân chào bạn nhé, vì bây giờ “ người tình mặt vuông” của tôi đã mệt , và tôi cũng mệt rồi, phải nghỉ ngơi để còn tận hưởng niềm vui của mỗi ngày đang có.

Nguyễn Nhung

(mùa hè 2013)



&KR W{L F•YcL DYQKJFK~W UñkX
 &KLD YcL DQK FK~W JLy O)QK WKi(
 +iL EgnR X +iL JtR PñD NLD
 +DL O\ UñkX PaW Q_L EX[Q [D [q
Nttđ

@ +X' QK 7kP +RjL
Rượu lẻ

Trời tháng ba sao còn nghe lành lạnh
 Bão miền Đông làm gió rét Cali
 Mây xuống thấp, trời chợt mưa lất phất
 Làm nổi buồn vương xám một màu chì

Kéo cổ áo...gió vừa lùa lạnh giá
 Cơn ho khan làm lòng ngực hơi ran,
 Buổi sáng mơ hồ trong đáy vọng
 Ngồi nhìn mưa...uống một hớp rượu vang

Như hừng chí muốn uống thêm ly nữa,
 Rượu một mình ...ta ngồi uống khơi khơi
 Ai bầu bạn...? xứ người vui bầu bạn
 Riết cũng quen...rượu chỉ uống lẻ loi



@ 9 x 7 | ln L j p
tiếng động kín

ngát xanh đang vươn cao
mái xuân lợp khăn khít
tay nhét cô đơn trong túi vải
ta bỏ về em ở lại cuối đông
đã chết đi mọi ngày qua
mà tư tưởng là thời gian ả nấu
tìm một chỗ bắt đầu
đôi môi đầy ắp nhớ
những ngón tay thược được
cần mẫn dựng mùa xuân
núi đá gặt tan ngày băng lạnh
hư ảo chập chùng thoát cánh bay
buồn hoang treo cánh cũ
tâm lặng kín thỉnh không
gió thét gào biển vọng
chiều rơi vàng vọt cả chân trời
sự tàn hủy là môi năng cho sinh khởi
chỗ khởi đầu tự không có khởi đầu
có hay chẳng những bến bờ hữu hạn
mà nghe chừng khởi động chốn trần lao



@ 3 K ^ P 7 K X / L , X
Kể Chuyện

Bọn chúng tôi ngồi làm chung đồ án
Cả nhóm người, chỉ một mình tôi dân Á Đông
Vừa làm việc vừa chuyện vãn lòng vòng
Có cô bé hiền lành nhìn tôi hỏi

Bạn của tôi ơi, bạn từ đâu tới ?
Tôi trả lời, từ mảnh đất thương yêu
Cong cong chữ S dáng vẻ mỹ miều
Nước nghèo lắm vì chiến tranh, chính thể

Các bạn tôi nhao nhao đòi nghe kể
Cảnh thiên nhiên, đời sống của người dân
Họ chỉ được xem cuộc đời tả chân

Trong phim ảnh dựng dàn theo đạo diễn

Họ hỏi tôi về tháng Tư biến chuyển
Những đổi thay từ Cộng Sản lẫn Nam
Tôi nhói lòng khi nghĩ đến tối tăm
Đau khổ tang thương đang trùm lên xứ sở

Kể bạn nghe nỗi lòng còn trần trở
Biết làm sao cho hết những thương đau
Nói làm sao cho hiểu được nỗi sầu
Buồn thất dạ đưa con xa tổ quốc

Kể sao xiết bao hàm oan uất ức
Chuyện người dân bị chèn ép, cùm gông
Làm cả đời vãn tay trắng hoàn không
Bị cướp đất, cướp nhà, còn bị giết

Bốn nghìn năm sử Việt hùng, hào kiệt!
Lụn tàn dần theo tham nhũng, gian manh!
Đảng với “Bác”: bọn vuốt nhọn, răng nanh!
Xâu xé của bao dân lành, nuốt trọn!
Chức tước bạc tiền, chúng đều thâu gọn
Nắm hết trong tay, phè phỡn ăn chơi
Mặc cho dân nghèo đời sống tả tơi
Mặc đất nước hoang tàn, nghiêng ngả

Kể bạn nghe những điều thật nhục nhã
Lũ quan quyền-lãnh đạo bán quê hương
Bán phụ nữ như trao đổi thị trường
Chúng bắt kẻ, miễn ăn trên ngai trước
Chúng bắt bớ tù đầy người yêu nước
Nhưng cúi luôn bạc nhược dưới ngoại bang
Để giặc Tàu Cộng xác xược ngang tàng
Cướp đất đai, giành tài nguyên, biển, đảo

Hơn ba mươi năm, toàn điều áo nào
Hơn ba mươi năm chấm dứt chiến tranh
Bọn cầm quyền mãi ca ngợi: đất nước an bình
Mà dân tôi vẫn thịt rơi máu đổ

Người dân kêu gào
Việt Nam thống khổ!
Đầy lầm than, chịu vô lý, bất công
Bị tù ngục bởi tội chống ngoại xâm
Bị xiềng xích dưới độc tài Đảng trị

Chắc bạn hiểu rồi sự bạo tàn của quý
Lũ cầm cờ liềm với búa, hung hăng
Chắc bạn hiểu rồi hình ảnh thực chân
Xã Hội Chủ Nghĩa: côn đồ nhà nước

Biết bao giờ Việt Nam được như mơ ước
Người dân lành được thở dưới bầu trời tự do
Được đời sống không căng thẳng âu lo
Thoát ách thống trị của chính quyền Cộng Sản!

Phạm Thu Liễu
3 K Y % L K Q



tình trong
ý ngoài

*đào lê
trần văn lệ
luận đồ
phan văn truôi
văn ngọc thi
phan các chiêu hằng*

@ j R / r
Soi tâm thấy một tâm nhìn

Hoa cười hay tự tâm vui
Yêu em hay tự thương người tri âm
Thương sông nước chảy âm thầm
Thương mây lãng đãng về trăm góc trời
Thương em bé mĩm môi cười
Đóa sen từ Mẹ bùn tươi nét nhìn
Thương cây biếc lá hoàn sinh
Hằng hà ngọn cỏ hữu tình ngậm sương
Nhìn xa thương quá con đường
Ta và bạn hữu vẫn vương lối về
Tha phương mơ ở trời quê
Càng thương cánh gió, trăng thề, ruộng xanh
Nhớ chùm trái chín đeo cành
Mùi hương lúa mới, mái tranh quê nghèo
Đầu cành nửa mặt trăng treo
Xa xa chót núi cheo leo dáng người
Chinh phu, chinh phụ một thời
Mùa binh lửa dậy đốt đời gái trai
Vô thường hoán chuyển hình hài
Đời như cây lá đổi thay bốn mùa
Vì người chẳng chịu chào thua
Thân tâm tự tại, kế thừa chân kinh
Vườn tâm nở trọt nụ tình
Yêu thương nhân thế như mình với ta
Muôn hoa hương sắc mặn mà
Là bao sắc giới vị tha yêu người !

@ Tr ch V bn L „
Nha Trang Nhớ Oi

Tôi nhớ Nha Trang muông vàng mấy độ, vàng ơi con phố,
vàng tới biển xanh...Nha Trang long lanh cơn mưa tháng
Chạp, ai xa ngơ ngác ai gần ngần ngợ...Rau muống Hà Ra,
bà ba gió lật, hai chân trắng bóc mây đầu núi ghen!

Xóm Bồng này em! Hòn Chồng này chị! Nắng trên Đồng
Đế, nắng tới Rù Rì. Hãy nói thầm thì như mình ở Chụt. Hãy
cầm kẹo mút khi vào Chợ Đầm. Hãy ngó bàn chân của ai đi
guốc. Đẹp ơi thời trước, mộc mạc, đơn sơ...

Đẹp quá Nhà Thờ dựng từng tảng đá! Đẹp quá núi cả tượng
Phật dưới trăng...Nha Trang Nha Trang! Ai về Chợ Mới
chờ nghe tôi nói: Uống Hộ Nước Dừa! Diên Khanh gió đưa
từng hàng me biếc. Những người đi biệt, còn gió hàng
dương, còn nắng dễ thương, còn mưa yếu điệu...

1 K 7 F K R j L Y 3 Q W K L G X j R D X 7 U 7 D s Q i j L F d D F
y ñ e Q J D L y k L Q K w Q J F K L I X V 3 8 g W Y L « U
W { L U e L Y I 1 D P j O j W Q d ã W F P ñ c W O i W h
U H R « 1 K D 7 U D Q j K F D G Q U D 7 J P G Q \ r X

Bao năm là nhiều tôi chưa về lại nhìn người con gái bà ba
gió bay...Bao năm ở đây trời dung đất lạ nhớ sao núi cả
tượng Phật dưới trăng. Nhớ sao Nha Trang nhà thờ xây
đá...Em ơi chìa má cho anh hôn em cho anh hôn em. Nha
Trang dễ thương...

7 U d Q 9 b Q / „
Em Oĩ Tàn Thuốc Cháy

Đêm qua nằm nghe gió. Gió rít như lời than. Đôi khi như nước nữ, ai đó khóc bên đường... Chắc là đêm rất buồn khi gió bay vào ngõ, ngõ dài mênh mông gió, ngõ buồn gió lang thang...

Đêm qua nằm nghe gió, hôm nay thì hết rồi. Một mé hiên tôi ngồi, một góc đời thình lặng. Bây giờ phát phổi nắng, bông mía lau phát phơ. Bây giờ gió lùa thừa như là không có gió, chỉ là những hơi thở từ cỏ từ hoa thôi...

Một mé hiên tôi ngồi, một góc đời thình lặng. Coi như gió đi vắng. Coi như mình bơ vơ. Phải chỉ có tiếng đồ như thời sông nước nhỉ. Phải chỉ gió lí nhí nói trong chòm lá me. Một bầy chim sẽ về. Một bầy chim sẽ về...

*

Không gió mưa nào nề, tự dưng buồn khoảnh khắc. Hình như ai bung mặt thở hơi dài gió mưa? Phải chỉ có tiếng đồ của ai vang ỏi ỏi. Nghĩ là gió đang tới ngoài đại dương mà thương... Ngoài đại dương tà dương, lát đây, buồn biết mấy!

(P ĩ L W j Q W K X Y F F K i \ N K y L [D Q K P • F K

Trần Ván Lệ

@ Luando

Ăn mày dĩ vãng một đêm

Gối tay gọi dĩ vãng về.
Lắng nghe ký ức tư bề bữa giăng.
Trần gian chưa dứt nợ nần
Ngửa tay xin chút hồng ân cuối mùa.

Cho xin một chén cơm thừa.
Gửi cho bè bạn nô đùa rong chơi.
Bây nằm vật cỏ còn tươi?
Thanh minh lễ hội ai người viếng thăm.

Cho xin hơi ấm cha nằm.
Nén nhang cho mẹ, hương trầm gửi cha.
Đêm buồn úp mặt khóc òa.
Còn cha, còn mẹ, đời là thiên thai.

Cho xin giọt nắng ban mai.
Rọi vào đáy mắt lưu đày viễn phương.
Hoàng hôn bụi phủ con đường.
Gió lay vật nắng chiều vờn cuối trời.

Cho xin hạt bụi phấn rơi.
Đề mai cống chữ lên đời nhớ thương.
Áo dài bay trắng phố phường.
Tìm trong màu áo tóc hương thơm mềm.

Ăn mày dĩ vãng một đêm.
Lỡ mai đất hỏi biết tên trả lời.
Quần quanh chỉ một đường thôi.
Nhọc nhằn tử lộ khóc cười trả vay.

luando11251.

Tin Vaen117

@ 3 K D Q 9 Q 3 U X
Em còn nợ một lời trăng trối

Mưa chưa rơi với không tới người
Chờ mưa rơi đưa tay với trời
Người nợ tôi một lời hẹn ước
Em một lần ngoảnh mặt xa tôi

Không còn em mất dấu cuộc tình
Không còn em tôi mãi làm thình
Em nợ đời một lời trăng trối
Ta nợ nhau một kiếp lênh đênh

Em đi đâu em đã về đâu?
Em đi đâu đời rớt mưa ngâu
Em có còn tô son điểm phấn
Che vết hằn dấu những cơn đau.

Ta gọi em tiếng cười nhiều loạn
Em có còn bơi giữa cuộc chơi
Trong chiêm bao em về một thoáng
Em đâu rồi sao trốn biệt tôi.

Người đánh cắp tình tôi

Tôi có một cuộc tình
Bị đánh mất trên biển
Tôi có một người tình
Xa khuất rồi vĩnh viễn

Người đánh cắp tình tôi
Vùi tôi giữa núi đồi
Ném tôi trong biển khô
Ném em giữa trùng khơi

Tôi có một cuộc tình
Nát nhàu lời trăng trối
Giữa sóng đời điêu linh
Vẫn ôm hoài tiếc nuối

Đốt tình em – mặt trời
Đốt tình tôi – mặt người
Oán hờn chi cũng thể
Chỉ còn trong tim thôi...

Phan Văn Truôi

@ 9 Q 1 M Thi
Chút kỷ niệm đây

... nghĩa phụ tôi người từ quan
Vượt xa biển rộng , vượt dòng ngược xuôi
Thành thời nghiên bút vẽ đời
Vẽ lên ước mộng, trêu người... mùa may!
Hồi ai thích chén nồng cay?
Ghé qua thư quán hỏi ngay tên dùm
Không say khó biết thăng trầm
Rượu ngon chiêu đãi cầu thân với đời

...
chén đầy rồi lại chén vơi
Viết thơ, họa cảnh. Vẽ đời gian nan
Cha tôi hỏi đáp rõ ràng
Biên tập, chủ bút ngàn trang muôn lời

...
Sông say cá ngược dòng bơi
Nhân ngư lạc sóng rong chơi hóa người
Túy hà ngất ngưỡng giữa đời
Núi áo nhật nguyệt đề thơ tặng người

Chưa say chưa hiểu tính người
Biết rồi, ly nữa...giữa đời phù vân
Kính cha ngày lễ phụ thân
Vuông tròn nhật nguyệt gieo vãi thương yêu.

văn ngọc thi
mãi nhớ ngày từ phụ 6/2013

@ 3 K D Q & i F & K L r X + n Q J

***Ta Thấy Người Về
Trong Chiêm Bao***

Ta thấy người về giữa tháng năm
Tim xôn xao đập nhịp rộn ràng
Ngan ngát hương hoa trên đôi gió
Nâng niu từng bước nhỏ về ngang

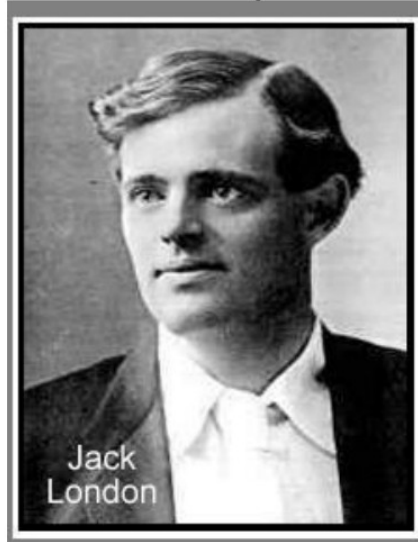
Ta thấy người về trong nắng hanh
Gió lung lay lá mỏng đầu cành
Nghiêng vai chào dáng in thêm cũ
Mắt đượm màu sương sớm long lanh

Ta thấy người về trong chiêm bao
Đường hoa lung linh giọt nắng đào
Nắng ngại ngùng hỏi mây, có phải...
chiêm bao muôn đời là chiêm bao?

phan các chiêu hằng

JACK LONDON

Tài Hoa Mệnh Yếu



[1876 -- 1916]

@ 9 } 7 K ^ Q K 9 Q

I. Cuộc Đời Niên Thiếu Gian Truân –

Jack London sinh ngày 12 tháng Giêng năm 1876 tại San Francisco trong một khu lao động nghèo, với tên John Griffith Chaney. Thân mẫu, Flora Wellman, một người đàn bà có gốc gác giàu có, gia phong thể phiệt... nhưng không bình thường. Jack London là con ngoại hôn giữa mẹ chàng và một người đàn ông có thân thế không rõ ràng: William Chaney, ký giả, luật sư, chiêm tinh gia. Ông đã bỏ ra đi trước khi Jack được sinh ra. Sau này, khi Jack London được 8 tháng, bà Flora Wellman kết hôn chính thức với John London, một cựu chiến binh thời nội chiến của Mỹ. Mẹ chàng, Bà Flora Wellman, thường đau yếu và nghèo túng nên Jack London được nuôi lớn bởi một người đàn bà phiêu

mẫu có gốc gác nô lệ, Virginia Prentiss, suốt thời gian thơ ấu --dường như không có tuổi thơ.

Năm 14 tuổi, lúc chưa học hết lớp 8, Jack London bỏ học. Tuy không được tới trường, nhưng Jack là người ham mê đọc sách. Chàng tự học hỏi từ các thư viện công, thường xuyên lui tới Oakland Public Library. Sau khi bỏ học, Jack làm những công việc nặng nhọc khác nhau trong các ngành hàng hải, công xưởng kỹ nghệ, đường xe lửa, kỹ nghệ tìm vàng (Klondike, 1897-1898)... kể cả công việc bỏ báo lúc chưa được mười tuổi... Nhưng, cuối cùng, những năm của thập niên 1890, Jack cũng tốt nghiệp được Trung Học. Năm 19 tuổi, ông có ghi danh ở Đại Học Berkeley, nhưng lại bỏ học 6 tháng sau đó. Gia đình từng sống nhiều nơi trong Vùng Vịnh (Bay Area, Northern California). Sau cùng, gia đình định cư tại Oakland, một thành phố Đông Vịnh. Nơi đây, Jack sống vô cùng chật vật và bất hạnh một thời gian dài của tuổi trẻ.

Lớn lên, do hoàn cảnh, Jack ưu tư nghiên ngẫm và tranh đấu cho xã hội. Từ đó, như là một ký giả, Jack tham gia đạo binh gọi là Coxey's Army trong một cuộc tranh đấu nổi tiếng ở Washington DC, đã làm phóng sự cuộc chiến tranh Nga-Nhật 1904 cho tờ báo Hearst Newspaper, rồi năm 1914, Jack lại làm phóng sự cuộc cách mạng Mễ tây Cơ cho nhà Collier's. Trong những năm ngược xuôi, Jack càng thấm nhuần hơn tư tưởng xã hội chủ nghĩa và đã ứng cử chức Thị Trưởng của thành phố Oakland nhiều lần, dưới danh nghĩa ứng cử viên Đảng Xã Hội, nhưng đều thất cử.

Năm 1900, lúc 24 tuổi, Jack London kết hôn với người vợ đầu, Bess Maddern. Bess Maddern là bạn và là cô giáo dạy kèm toán cho chàng. Tuy nhiên, cuộc nhân này căn cứ trên nhu cầu xã hội chứ không phải do động cơ tình yêu. Hai người sinh được 2 người con gái, Joan và Bess (Becky). Năm 1903, Jack London ly dị Bess Maddern. Sau đó, ông cưới cô thư ký, Charmian Kittredge. Hai người sinh một đứa con duy nhất, Joy, nhưng chỉ sống được 48 tiếng đồng hồ.

Người vợ sau này, với Jack, Charmian Kittredge là người tình, người vợ và là hồng nhan tri kỷ. Hai người cùng vui chơi, du lịch, viết lách... với nhau. Bà Charmian mất sau Jack 39 năm, vào năm 1955.

Hai người, Jack và Charmian, từng đi du lịch bằng tàu thủy, suốt một thời gian dài 2 năm, 1907-1908, về vùng Đông Nam Á châu. Cùng với nhau, họ lập trang trại rộng 1.400 mẫu, mang tên Beaty Ranch, ở thành phố nhỏ Glen Ellen, gần và nằm giữa Petaluma và Sonoma (bây giờ là Jack London State Historical Park). Trong thư viện Jack London (nằm ngay tại trang trại), ngay chính trong trang trại, và trong căn nhà nhỏ nơi mà hai vợ chồng văn hào đã sống trên mười năm... người ta không thấy còn sót lại một dấu tích gì của thuyền bè, biển cả... mặc dù Jack London là người yêu đời sống hải hành... Ông sống và đi ngược xuôi nhiều năm trên biển, ông đã một thời từng là Oyster Pirate... Chưa có nhà văn nào từng yêu sông hồ như ông.

Văn hào Jack London mất ngày 22 tháng Mười Một năm 1916, hưởng dương 40 tuổi. Hai cốt của ông (và sau này, 1955, tro cốt của bà Charmian Kittredge) được chôn cùng mộ, dưới cùng một tảng đá lớn, trên một ngọn đồi nhỏ thê lương, trong trang trại của chính bàn tay ông bà gây dựng. Năm 1960, người cháu có tên là Irving Shepard đã nhượng trang trại của văn hào Jack London (The Valley of The Moon) cho chính phủ Tiểu Bang California. Sau đó, nơi này đã được biến thành State Historical Park. Mỗi năm có hàng triệu du khách thăm viếng trang trại và mộ phần, mà một phần ba du khách này đến từ Âu Châu, vì mến mộ tài năng một thiên tài yếu mệnh..

II. Sự Nghiệp Văn Chương Lấy Lừa --

Vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, ngòi bút Jack London là một hiện tượng... Tên tuổi của ông sáng rực trên văn đàn. Chỉ trong một thời gian ngắn ngủi của 2 thập niên (nói cho chính xác: 18 năm), ông đã hoàn thành trên 50 tác phẩm tiểu thuyết (truyện dài, hầu hết đã được xuất bản) và gần 200 (nói

cho chính xác: 197) truyện ngắn và hàng nghìn lá thư (letters) đặc sắc. Tất cả đều ngoại hạng. Vào giai đoạn ấy, Jack London là một best-selling author, có tiền nhuận bút cao nhất, sách bán chạy nhất, sách được dịch ra nhiều nhất (trên dưới 80) ngôn ngữ, số người đọc nhiều nhất và khắp cả năm châu,

Những tác phẩm của ông được dịch ra trên dưới khoảng 80 ngôn ngữ khác nhau. Tên tuổi và tác phẩm của ông được biết nhiều ở Âu Châu và được ái mộ nhiều hơn nơi chính quê hương mình. Đó cũng chính là lý do mà hàng năm, số du khách ngoại quốc chiếm 1/3 con số một triệu du khách ghé viếng thăm mộ phần và trang trại của ông. Cho đến giờ, các thế hệ nối tiếp sau khi ông qua đời, vẫn còn say mê các tác phẩm của ông...

Là một văn hào nổi bật, với một bút lực sung mãn và cùng với một văn phong hào phóng, tên tuổi của Jack London đã được xếp hạng đứng ngang hàng với những nhà văn lớn thời bấy giờ, cũng như những cây bút lẫy lừng trên văn đàn trước và sau ông, như: Harper Lee, Mark Twain, F. Scott Fitzgerald, JD. Salinger, John Steinbeck, Robert Frost, Edgar Allan Poe, Nathaniel Hawthorne, Ray Bradbury, Arthur Miller, Louisa May Alcott, Ernest Hemingway, Edith Wharton, Emily Dickinson, Truman Capote, Dave Cullen, Margaret Mitchell, L. Frank Baum, Walt Whitman, William Faulkner, Kurt Vonnegut, Alice Walker, Tennessee Williams, Henry David Thoreau, Joseph Heller, Willa Cather, Sherwood Anderson, Stephen King, Flannery O'Connor, Theodore Dreiser, Henry James, Henry Wadsworth Longfellow, John Irving...

Các tác phẩm của ông đã được đóng thành phim ảnh, một trong những tác phẩm ấy là Call of the Wild, The Sea Wolf, Martin Eden... Những tác phẩm nổi tiếng nhất của Jack London được kể là: The Call of the Wild (đầu tiên mang tên "The Sleeping Wolf") phát hành năm 1903, The Iron Heel, White Fang, The Sea-Wolf (khi khởi thủy có tên "Mercy of the

Sea”), The People of the Abyss (a sociological treatise about the slums of London, England), John Barleycorn, Martin Eden, and The Star Rover.... Truyện ngắn được đọc nhiều nhất: To Build a Fire (II).

Là một nhà văn hiện thực, với bản chất hiếu động, sôi nổi, nhiều mạo hiểm, lãng mạn... Jack London đã từng là một thủy thủ (sailor) say mê thuyền và biển cả... Ông từng đi nhiều nơi, như Nhật, Đại Hàn, Alaska, Tây Bá Lợi Á, Hawaii, Tahiti, Australia, Ecuador, Pueblo, Cape Horn, Mexico... Ngoài ra, Jack còn là một nhà mạo hiểm tìm vàng, một nhà nông (Rancher)... Tất cả đã đóng góp vào nội dung phong phú và phẩm chất tuyệt vời trong các tác phẩm của ông. Sau đây, xin liệt kê niên biểu và danh mục những tác phẩm của Jack London đã được ấn hành trong thời gian Tiên Sinh còn tại thế:

Tiểu Thuyết

E + Q NDrL O Xi G j L N K { Q J W Q K K ãyX Qqj W K G D V V TV)

B. Truyện Ngắn

' D Q K P m F W U X \ O Q Q J 7 Q F o D Y Q K j W K q W y D O S K E H W F Ê P Q J O ñ X W) L W z D

C. Thơ

Trong những ngày bỏ học, lui tới thư viện công cộng Oakland, Jack London gặp Ina Coolbrith, sau này trở thành thi sĩ đầu tiên có tư cách hàn lâm Poet Laureate của Tiểu Bnag California. Do cơ duyên này, Jack London làm thơ rất sớm. Từ tháng 3/1897 cho đến hết tháng 8/1899, Jack Londa đã làm được 48 bài thơ. Trong thời gian này chỉ có 2 bài thơ được phổ biến. Sau khi Jack London nổi tiếng, 13 bài nữa được đăng tải. Tuy Jack London không nổi tiếng về thơ, nhưng theo ông, thì đây là một bộ môn ông rất đam mê sáng tác (nhạc, thơ, triết và sau cùng mới đến tiểu thuyết). Trong

số những bài thơ thượng dân, có rất nhiều bài (khoảng 1/3) chưa hề được phổ biến.

D. KỊCH NGHỆ - PLAYS

Về bộ môn kịch nghệ, tuy Jack London sáng tác không nhiều, nhưng hầu hết đã được trình diễn rất sớm, ngay những ngày Tiên Sinh còn sinh tiền. Người ta còn tìm thấy được những kịch bản sau đây: (Còn lưu tại tòa soạn TV)

E. THU' – LETTERS

Năm 1988, nhà xuất bản STANFORD UNIVERSITY PRESS đã xuất bản bộ sách “The Letters of Jack London” gồm có 3 volumes, tổng cộng 1,768 trang với 1,554 lá thư của tác giả, giá bán 185 Mỹ kim. Bộ sách “The Letters of Jack London” được nhuận sắc bởi ba nhà bình bút: Earle Labor, Robert C. Leitz, III và I. Milo Shepard. Ba volumes này được phân chia theo thời gian mà những lá thư đó được viết ra:

Vol. I: 1896 – 1905

Vol. II: 1906 – 1912

Vol. III: 1913 – 1916

Cũng theo lời nhà xuất bản Stanford University Press thì đây là những trang thư được viết bởi một tâm hồn nhạy cảm, đầy tính cách nhân bản, cùng với một văn phong sôi nổi cuồng nhiệt (đôi khi có giọng điệu quá khích), nhưng vô cùng cởi mở. Với một văn tài nhiều cá biệt và cùng với bản chất sẵn có, Jack London đã viết những trang thư đầy thi vị, nhiều nhạc tính, bay bướm, chải chuốt, sâu lắng (đôi khi chua chát), dữ dội, mãnh liệt... rất lôi cuốn độc giả.

Rất nhiều những tác phẩm của Jack London được các nhà phê bình văn học hiện đại xếp vào hạng kiệt tác trong văn chương Hoa Kỳ và của văn học sử thế giới. Xin liệt kê những tác phẩm nổi tiếng ấy: *White Fang*, *The Call of The Wild*, *To Build a Fire*, *The Sea Wolf*, *The Iron Heel*, *The People of The Abyss...* *An Odyssey of the North*, *The Son*

of the Wolf, John Barleycorn, Before Adam, Martin Eden, The Other Woman, Hearts of Three...

III. Một Đời Tài Hoa Mệnh Yếu – Danh Vọng & Cát Bụi:

Có thể nói được, sau văn hào Mark Twain, thì Jack London là nhà văn có đời sống phong lưu, lãng mạn và sôi nổi nhất, khi ông thành danh và có một địa vị lẫy lừng trên văn đàn. Từ một đứa con ngoại hôn, lớn lên trong những hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã, bỏ trường, ra đời sớm, tự học hỏi, tự lập thân... để thành đạt và có danh vọng rực rỡ... rồi nằm xuống ở tuổi 40 trên một nắm gò cỏ dại hoang sơ... bốn mùa chỉ có du khách mên mộ từ xa xôi tìm đến thăm viếng. Ông ra đi âm thầm lặng lẽ như ông đã đến, không lựa chọn, trên cõi đời.

Tuy nhiên, trong 40 năm tại thế, ông đã sống một cuộc đời xứng đáng, thật đầy đủ, thật hào sảng. Do văn tài đặc biệt, ông nổi tiếng ngay từ những tác phẩm đầu. Là một cây bút sáng tác đều tay, thường xuyên, nhiều thể loại (truyện dài, thơ, thư, kịch bản, truyện ngắn...). Như đã liệt kê, chỉ trong vòng 2 thập niên, Jack London đã viết 50 truyện dài, 200 truyện ngắn, gần mười kịch bản, hàng nghìn trang thư và rất nhiều thơ phú (hầu hết chưa được xuất bản). Trong những vần thơ sáng rực hào khí, có tính cách tiên tri về thân phận làm người của chính mình, ông đã viết:

"I would rather be ashes than dust!
I would rather that my spark should burn out in a brilliant
blaze than it should be stifled by dry rot.
I would rather be a superb meteor, every atom of me
imagnificent glow, than a sleepy and permanent ~~tepla~~
The proper function of man is to live, not to exist.
I shall not waste my days in trying to prolong them.
I shall use my time"

Không hẹn, Xuân Diệu, một thi sĩ Tiền Chiến, đã diễn tả khá chính xác thân phận và tâm tư Jack London trong vòn vẹn 2 câu thơ thật hào sảng:

³ 7 K j P a W S K ~ W K X \ K R j Q J U [L F K k W W 7
³ & z Q K i Q E X [Q O H O y L V X Y W W U P Q P
 (Giục Giã)

Trước đó, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, một nhà Nho, với triết lý chấp sinh tuyệt vời cổ hữu của cha ông Việt tộc, cũng đã ngán ngẫm cảnh phù vân trần thế trong 4 câu song thất lục bát:

³ 7 X [Q J + R K y D ÿ m E j \ U D ÿ - \
³ . L G S S K • V L Q K W U { Q J W K - \ P j ÿ D X
³ 7 U P Q P F z Q F y J u ÿ k X
³ & K ; Q J T X D P a W Q 7 P F W N K k X [D Q K U u
 (Cung Oán Ngâm Khúc)

Và sau này, thi hào Nguyễn Du, 4 câu lục bát mở đầu thiên trường thi Đoạn Trường Tân Thanh, cũng than thở cho một kiếp nhân sinh bi thảm đầy ắp bi lụy của thân phận bi thương hẩm hiu trong chủ thuyết tài mệnh tương đố của mình:

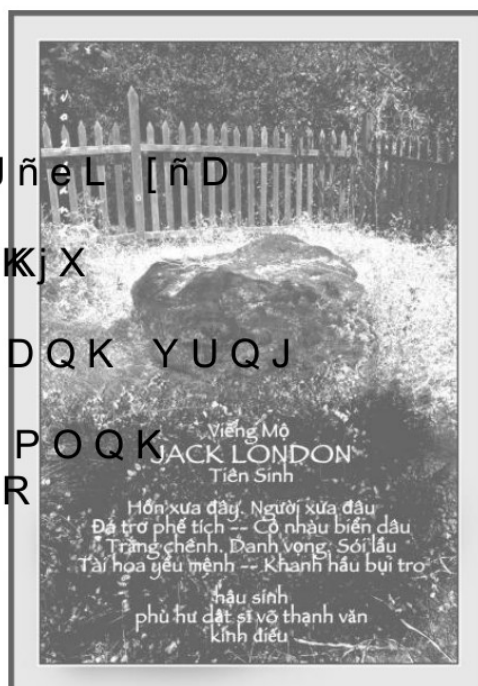
7 U P Q P W U R Q J F } L Q J ñ e L W D
³ & K w W j L F K w P O Q K N K p R O j J K p W Q K |
³ 7 U + L T X D P a W F X a F E K G k X
³ 1 K w Q J ÿ L I X W P j ÿ D X W y K Q \ O z Q J
 (Đoạn Trường Tân Thanh)

Mỗi buổi chiều vào thu, đứng trước cảnh thê lương của mộ phần Jack London, một văn hào tài hoa mệnh yếu, chung quanh cây cối điêu hiu, cỏ hoa xơ xác vàng vọt, một nắm tro tàn được chận lên bởi một tảng đá lớn – chứng tích còn sót lại của Wolf House ngạo nghễ một thời giàu có và danh vọng

³ , D P E X L O G L O u s e b n G n y h r e a n c h . M y
 house will be standing, act of God permitting, for a thousand
 \ H D U V « kẻ hầu sinh này bụi ngùi thảo 4 câu lục bát tứ
 tuyệt và đốt trước mộ phần để điều linh hồn Tiên Sinh, người

quá vắng hơn 100 năm trước, mà anh hoa dường như còn phảng phất chung quanh:

³+ [Q [ñ D ÿk\ 1JñeL [ñ D
 ÿkX
³ i WUĩ SK±G WtQFKjX
 ELKQ GkX
³7U QJ FKrQK 'DQK YUQJ
 6yL O/X
³7jL KRD \KX± POQK
 Khanh K/X EmL WUR
 (Bộ ảnh: Danh Vọng & Cát
 Bụi)



Vô Thường! Tất cả đều vô thường! Vô thường của vô
 thường! Cát bụi! Tất cả đều cát bụi! Cát bụi của cát bụi. Bát
 Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh: ³67F E-W GS NK{QJ N
 GS V7F V7F WqF WKS NFK{QJ SNFK{QJ JSW
 NK{QJ WñKñJ Thánh Cựu Ước: ³9DQLWDV 9DQ
 Omnia Vanitas' 3K• YkQ 7-W F+ ÿIX SK• YkQ
 SK• YkQ 9DQLWDV 9DQLWDWXP 0XQG
 WU / QTWñKñJ đã trở về với cát bụi. Từ hư không đã trở
 về với hư không.
VÔ THẠNH VÂN
 Phù Hư am, Sept. 2012.

@ Lê Hữu Liều
Khóc Mẹ

Được tin Mẹ mất, con òa khóc
Như đứa trẻ thơ thuở thiếu thời.
Ôi Mẹ đớn đau nào sánh được
Khi không còn Mẹ ở trên đời!...

Danh vọng tiền tài con đã có
Làm sao đổi được Mẹ hiền đây?
Mẹ ơi! Nhớ Mẹ đêm thao thức
Bóng Mẹ theo con tận cuối ngày!

Mất Mẹ! Dù con tuổi bảy ba
Lòng đau như cắt thịt, banh da!
Nguyện cầu hồn Mẹ về Thiên Quốc
Vĩnh biệt Mẹ hiền đã cách xa!...

@ /IX 7KiL 'J]R

Hoa nở đúng mùa

(Ghi nhcchuy 6 mAW K P QX{L FRQ WKiQJ
t)i Tr)i Tù sY 7 KDQK & K 7i-QK 1JKO

Chiều ấy tin vui đến bất ngờ
Cho con một thoáng ngỡ rằng mơ
Tin loan rằng mẹ từ xa đến
Mẹ đến như hoa nở đúng mùa

Mẹ đến cho con thấy mặt trời
Thấy màu xanh lá, nhụy hoa tươi
Thấy chim chao liệng vùng khe suối
Đuổi nắng hiền ngoan phía núi đồi

Mẹ đến cho con vị ngọt ngào
Cho con vị trí của trăng sao
Khi vòng tù tội theo ngày tháng
Thu hẹp đường ra, rộng lối vào

Mẹ đến cho con nét dịu hiền
Xuyên qua ánh mắt đẹp thần tiên
Giờ không mẹ rẻ như bèo bọt
Phút có mẹ hơn cả bạc tiền

Mẹ đến cho con giấc ngủ ngon
Cho con chìa khóa mở tâm hồn
Cho con tất cả, trừ tù ngục
Trừ nắng Thanh Chương, mưa Nghệ buồn

Trừ đất cằn khô, cỏ mọc dày
Đá oằn vai nặng, cuộc cầm tay
Trừ con ngóao ộp mang hồn Đảng
Và tháng, năm thành kiếp khổ sai

Trừ những giờ nghe Đảng thuyết trình
Ca Hồ, khen Mác, phục Lê Nin
Nhạo cười tín ngưỡng, chê thần thánh
Kết án vu vơ đủ tội tình...

Ngày ấy, con thêm một nụ hôn
Và vòng tay ấm mẹ ôm con
Nhưng tròn mắt quỷ nhìn nghiêm cấm
Đành nuốt hờn căm, ngậm tiếc, buồn .

Hôm nay, mẹ đã lìa trần thế
Sống với Tình Yêu Đáng Tối Cao
Tình mẹ, con ghi thành nỗi nhớ
Thành dòng lệ máu tim con trào .

Lưu Thái Dzo

Housbn, ngày Hinh M 31 th q23
(5/1991 ±5/2013)

@ ' ^ G X Q J Y x
Quốc lộ một

Trên quốc lộ một
Chuyện lính tan hàng
Đau lòng mất nước
Một cách không ngờ
Chí trai hùng dũng
Nhận lệnh tan hàng
Uất ức tràn lan
Trố mắt đứng nhìn
Thằng em tự sát
Ưa máu bầm gan
Nuốt lệ tan hàng
Buông súng tùy thân
Huynh đệ theo thầy
Một lòng không bỏ
Lệ ứa không lời
Xiết chặt tay nhau
Huynh đệ chi binh
Giây phút tử sinh
Khắc cốt chí tình
Như bóng theo hình
Tóc điểm sương pha
Chuyện người lính cũ
Canh cánh trong lòng
Nỗi đau mất nước
Nhục chí hùng anh
Trên con lộ một

TRÁI ĐẤT TRÒN XOAY

Cũng trên quốc lộ
Xuân Hòa Xuân Lộc
Mây Tào Hàm Tân
Căn Cú độ sinh
Nữ sinh áo trắng
Giã từ thơ ngây
Vần theo thể sự
Vào rừng thay cha
Cưa củi làm than
Chặt cây dựng nhà
Cắt tranh chăm lá
Phá rừng đốt rẫy
Làm lúa trồng ngô
Khoai sắn bí bầu
Không chi là chẳng...
Độ nhứt sinh nhai
Đói no ẩm lạnh
Chịu khổ bấy chầy
Mười mấy năm qua
Người giống như ma
Chịu khổ qua phà
Nữ sinh thành bà
Ngồi nhớ chuyện xưa
Ngậm ngùi kể lại
Ai cũng như ai
Chuyện người mất nước
Nỗi đau quốc hận
Nghiep dĩ đời người
Cộng nghiệp trả chung
Học tâm buông xả
Thanh thản nhẹ nhàng
Về nơi cõi tịnh

@ 7 K i L 7 f X

Xứ Dừa Tam Quan

(Thân t?Q J * L D)uQk g /
và Nhóm Bông Ba).

Đã lâu lắm! kể từ dạo đôi đời, tôi chưa có dịp về thăm lại xứ Dừa Tam Quan. Nhớ lắm!

Cây dừa là giống thực vật của miền nhiệt đới, dễ trồng, không cần chăm sóc nhiều. Vì vậy mà rải rác mọi miền đất nước, thấp thoáng đây đó có những cây dừa xanh tươi rũ bóng, vừa tạo cảnh quan, vừa thu hoa lợi. Nhưng, dừa nhiều nhất và nổi tiếng phải kể đến Bến Tre trong Nam và Tam Quan của tỉnh Bình Định miền Trung. Dừa ở Bến Tre thì kẻ này chưa có dịp biết đến, chứ dừa ở Tam Quan thì biết rõ.

Bình Định được mệnh danh là miền đất bạt ngàn nắng gió với những rừng dừa xanh tươi bát ngát ở Tam Quan Hoài Nhơn. Tam Quan là một thị trấn xinh đẹp của huyện Hoài Nhơn, một huyện phía Bắc của tỉnh Bình Định nằm ngay trên quốc lộ xuyên Việt Bắc Nam 1A. Mặt Đông là biển cả mênh mông.

Nếu du khách đi từ Bắc vào Nam, khi qua khỏi đèo Bình Đê là đến Tam Quan, phía Bắc huyện Hoài Nhơn. Còn đi từ Nam ra Bắc, khi qua khỏi đèo Cù Mông là du khách bước vào địa phận tỉnh Bình Định – quê hương của ba Vua Tây Sơn. Cứ trên quốc lộ này mà tiếp tục đi, khi qua khỏi đèo Phú Cũ là vào địa phận huyện Hoài Nhơn, du khách đã bắt đầu nhìn thấy dọc theo hai bên quốc lộ là những rừng dừa nối tiếp nhau chạy dài, mênh mông bất tận. Dừa ở Tam Quan phải nói là rừng, nhiều vô số kể, đua nhau rũ bóng làm mát cả một khung trời. Vì vậy mà ca dao Bình Định có câu :

& { Q J ỹ k X Fg Gdg Ksa,

& { Q J ÿ k X J i F Q M W i e n Tam Quan.

Thiên nhiên thật đã quá ưu đãi, ban tặng cho Tam Quan một vùng thổ nhưỡng thích hợp cho cây dừa sinh sôi nảy nở. Dừa Tam Quan là đặc sản của tỉnh Bình Định, vì dừa ở đây sai trái, vỏ mỏng, cơm dày, nước ngọt... đã bao đời gắn bó thân thiết với cuộc sống của nhân dân vùng này. Dừa, vừa giữ đất, làm đẹp cảnh quan, chắn gió cát ven biển, vừa bảo vệ ruộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái. Dừa là một loại cây hữu ích, đa dụng hơn bất cứ một loại cây nào khác vì nó không từ bỏ một bộ phận nào cả. Thân dừa cho ta gỗ làm cột dựng nhà hay làm váng bắc cầu qua nương rạch. Lá dừa dùng làm tranh lợp nhà hay kẹp nếp làm phen dựng vách; lá dừa còn tước ra lấy cộng bó lại làm chổi quét sân. Bẹ dừa làm củi đun bếp. Xơ dừa dùng dệt thảm lót chân, xe bện làm dây thừng cột ghe, tàu; giắt trâu bò, làm gióng gánh hàng. Những sợi nhỏ hơn thì đan võng; cũng có khi tưng thiếu tạm dùng làm dây quai nón:

Còn duyên nón n g D T X D L W i

h G du y e n n ó n lá quai d D F Ê Q J [R Q J

Sọ dừa làm gáo múc nước hoặc làm đồ mỹ nghệ. Cơm dừa chế biến thành thực phẩm, dược phẩm hoặc ép lấy dầu dùng trong công nghệ hay dùng làm dầu xức tóc. Còn nước dừa thì dùng để giải khát và cũng có khi dùng để chữa bệnh vì tính mát và bổ dưỡng của nó.

Trên bước đường thiên lý, gặp buổi trưa hè nóng bức, du khách tạt vào quán bên đường gọi trái dừa non giải khát thì khó mà tả hết được cái khoái cảm ngọt thanh, mát rượi chạy len khắp cơ thể, cái nhọc mệt bỗng tan biến. Hoặc còn có thì giờ thư thả, hãy gọi thêm một trái dừa nạo đổ vào ly thêm cục đá ngòi nhón nha uống thì không còn thứ giải khát nào tinh khiết, tốt hơn!

Dịp này, du khách còn được thưởng ngoạn tài chặt dừa lấy nước của cô bán hàng. Nhìn xem, một tay cô cầm trái dừa bóng sáng, tay kia cầm con dao hay cái rựa bén ngọt, nâng trái dừa lên vừa tầm, cô đi một nhấc là cái mỏm đầu

của trái dừa đứt phăng ra để lộ một khung tròn bằng đồng xu trắng nõn của com dừa mà nước không phụt ra ngoài. Tài nghệ chẳng khác “chem. treo ngành” trong tác phẩm của Nguyễn Tuân.

Tam Quan đất nước và con người đều đẹp .

Dưới tán dừa xanh gió mát, những tổ toán, công đoạn thủ công của ngành dừa đã thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm, sống quanh quẩn bên nhau qua nhiều thế hệ nhờ nguồn thu nhập đáng kể của cây dừa. Những lúc trăng lên, đôi trai gái dìu nhau tản bộ trong vườn dừa dưới bóng trăng khuya lơ đổ, đón những ngọn gió hiu hiu từ đại dương thổi vào làm ngửa nghiêng những tàu lá dừa tạo thành một khúc nhạc du dương, êm ả...cô nàng bỗng thốt lên câu :

' ñ c L Ỡ ñ s D O ñ D W K Ỡ D W U Q J G
M ñ h ch Ỡ m ñ h r Ỡ, em l Ỡ l a L W U R Q J W U Q J
L a L W U R Q J W U Q J [n Ỡ P E Q J T X D F
X Ỡ o x) c b Ỡ m b e P D Q J P i F V ñ i Q J V D
6 ñ i Q J V Ỡ L F K Ỡ R i Q W W D Q
Tình n[Q J Q J Ỡ Q D Ỡ P F j Q J W K ñ i Q J D Q K

Câu ca dao mộc mạc nhưng trữ tình lãng mạn ấy, theo tôi mãi cho đến bây giờ! Và, đã hơn một lần tôi phải lòng cô gái Cửu Lợi Tam Quan trong một chuyến công tác Dân vận, Tâm lý chiến. Không phải riêng tôi, mà nhiều người khác cũng đồng ý các cô gái Tam Quan đẹp nước da trắng hồng, mái tóc dài bóng mượt,” ăn nói mặn mà có duyên”. Phải chăng là vì các cô ấy uống nước dừa, thường xuyên xức dầu dừa và luôn luôn được che chở bởi bóng râm mát của rừng dừa; không dãi nắng dầm mưa, chân lấm tay bùn như những cô gái ở những vùng nước mặn đồng chua, ruộng cày lên sỏi đá.

Thỉnh thoảng cũng có những chàng trai xứ khác mê cái đẹp của cô gái xứ dừa, lặn lội hẹn hò gặp nhau ngồi trò chuyện dưới gốc dừa xanh. Lắm lúc vì bận công việc đồng án mà cô nàng lỗi hẹn đến trễ, anh chàng trách yêu :

Tr + i Q D L [Ỡ g m s Ỡ V U

Cho tôi nghe về quê hương quê nhà

Vì vậy mà không thiếu những chàng trai xứ khác tình nguyện làm rể Xứ Dừa.

Cây dừa đã giúp cho Tam Quan trở thành một vùng đất trù phú, đất lành chim đậu. Theo kinh nghiệm của các nhà nông kể lại, trồng dừa rất dễ, chỉ khổ công chăm sóc ban đầu. Trồng chừng ba năm thì dừa bắt đầu ra hoa, kết trái. Bình quân mỗi cây dừa, tùy theo loại, cho khoảng chừng 80 đến 120 trái/năm. Dừa có nhiều loại: dừa xanh, dừa lửa, dừa Xiêm. Dừa Xiêm thì cây nhỏ, lùn, trái nhỏ nhưng nước của nó ngọt thanh, giải khát thì tuyệt diệu, thường dùng cho người bệnh. Trồng dừa nếu bỏ thêm công chăm sóc, thì dĩ nhiên hoa lợi sẽ khá hơn. Thỉnh thoảng phải làm cỏ dừa, dọn sạch ở dưới gốc và tước bỏ những xơ quăn quanh trên đọt dừa để cho cây dừa được thoáng, dễ phát triển và trừ những con đùng dừa, bọ kiến cánh không còn chỗ ẩn nấp phá hoại dừa. Cứ mỗi tháng, cây dừa trở thêm một lá và nảy thêm một lười mèo sau trở thành buồng dừa, dày đặc trái.

Du khách có đến thăm Tam Quan, mới thực chứng cảnh đẹp của vùng đất này. Có những cây dừa thẳng đứng, cao vút hàng hàng lớp lớp phôi trái dưới nắng hồng. Có những cây dừa ngả nghiêng đu đưa theo gió trông rất lãng mạn và cũng có những cây dừa oằn treo mình như cố gắng chịu đựng nỗi đau bất hạnh của cuộc đời. Hình ảnh một cô gái đứng dưới bóng dừa, đầu đội nón lá, mắt nhìn về xa xăm với tà áo dài phất phơ bay...là đề tài cho những nhiếp ảnh gia săn tìm.

Nếu du khách đến Tam Quan vào dịp mùa thu hoạch dừa sẽ không khỏi ngợi khen những “ tay thợ hái dừa “ : áo cánh, quần đùi, lưng giắt con dao, cuộn dây, thoăn thoắt trèo thót lên ngọn dừa nhẹ nhàng như con sóc; rồi từng buồng dừa chật ních trái từ từ theo sợi dây thừng thả xuống đất. Lại nữa, anh còn có thể đu theo tàu dừa chuyển từ cây dừa này sang cây dừa khác khắp vườn dừa để chặt buồng, hái trái nhanh nhẹn như đang làm xiếc (cirque). Dưới đất, những cô

gái lo thu gom những buồng dừa chắt lại thành đồng mà nghe lòng ấm no, hạnh phúc.

Cây dừa đã đưa danh Tam Quan thành Xứ Dừa một miền quê cây lành, trái ngọt. Ngoài nước dừa ra, Tam Quan còn nhiều đặc sản khác chế biến từ nguyên liệu dừa, trong đó đặc biệt là “bánh tráng nước dừa”. Bánh, làm bằng bột gạo và bột mì hòa với nước cốt dừa (phải là cơm trái dừa già thì mới ngon) và đem ra tráng, như tráng bánh tráng gạo. Khi múc một gáo bột đổ lên khuôn mặt vải, dùng gáo dừa khuấy bột cho chảy lan tròn đều trên khung mặt vải; nhúm một nhúm mè đen rải lên. Tiếp theo là hành hương xắt nhỏ hoặc giã nhỏ cũng rải đều lên trên mặt bánh rồi đập nắp nồi lại. Chờ cho bánh chín lấy thanh tre mỏng vớt ra đem phơi lên vỉ. Chiều xuống bánh khô, thu bánh chồng lên nhau mỗi chồng chừng mười bánh và dùng gỗ nặng đè lên trên cho bánh được bằng phẳng. Bánh hình tròn trông rất đẹp. Khi ăn, đem bánh nướng trên lò than hồng. Bánh chín bay mùi thơm phức.

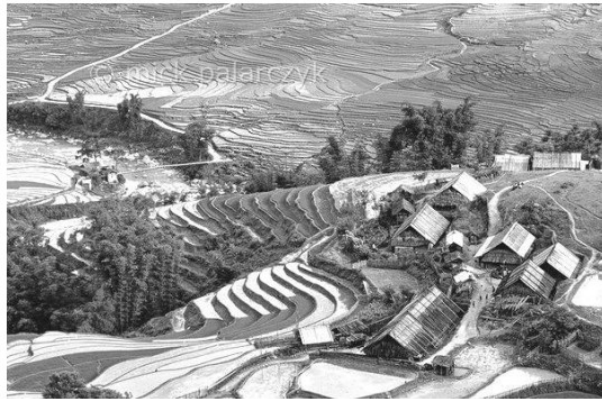
Du khách ngồi dưới bóng dừa, nhâm nhi ly rượu dừa, thưởng thức từng miếng bánh. Bánh vừa thơm, giòn lại vừa béo tiêu theo nước bọt. Ăn bánh tráng nước dừa không cần kiểu cách, bàn ghế...Khách, chủ vừa ăn vừa nói chuyện, gặp ai đến thì mời luôn, nên được gọi là “bánh thơm thảo”, mang đậm hình ảnh quê hương. Du khách như lưu luyến chẳng muốn rời xa. Ngồi viết những trang báo này, không biết bây giờ rừng dừa Tam Quan có còn xanh tốt ? người Tam Quan có còn hiếu khách? Hình ảnh Tam Quan yêu dấu vẫn mãi mãi là hình ảnh đẹp, nên thơ, luôn luôn khiến cho những kẻ xa quê nao nao một nỗi nhớ nhung !

Qui Nhơn quê tôi, Tam Quan quê em, cách nhau chừng một trăm cây số ngàn mà tình như trong gang tấc.

Chi lu chi lu ngó phía Tam Quan,

Th-y b/y cò tr 7ng bay ngang 8ng dsa.(ca dao)

Thái Tảo / Houston Thái sinh 1941 trang



@ 1 J X \ , Q 7 K ^ 7 K D Q K ' I G Q J
Đưa em về Tây Bắc

Anh ơi, hãy đưa em về Tây Bắc,
Đi trên Cầu Mây qua sông Mường Hoa,
Em tựa vai anh dù cầu không đông đưa,
Anh nắm tay em dù em không thể ngã.

Đâu cần cầu này chòng chênh anh nhỉ,
Mình vẫn hiểu nhau, vẫn cần có nhau,
Xuống đến thung lũng khi đi qua cầu,
Em mang theo cả tình anh xuống bản.

Sapa mùa này ruộng đang xới đất,
Trâu và người cùng vất vả cày bừa,
Mai lúa nẩy mầm ruộng bậc thang kia,
Mai biển lúa xanh rì như tranh vẽ.

Mình đến Lai Châu núi cao hùng vĩ,
Sương mù che núi làm lòng băng khuâng,
Nhưng chẳng thể nào che khuất tình em,
Dù anh có là núi cao chất ngất.

Đến dòng sông Đà nước mạnh chảy xiết,
Cầu Hang Tôm tha thiết nối hai bờ,

Dù anh ở bên này em ở bên kia,
Chẳng dòng sông nào cách chia nhau được.

Em thích ngôi nhà sàn ở Nậm Mực ,
Hay nhà bên sông nước chảy trong veo,
Giữa đất trời hoang vắng một tình yêu,
Giữa em và anh mộng đời chỉ thế.

Sông chảy về đâu? Mặc đời dâu bể,
Em chỉ về một nơi chốn có anh,
Dù đưa em về trời đất mông mênh,
Và hoang dã của núi rừng Tây Bắc.

Em và anh không cần bùa hộ mệnh,
Hình mặt trời gấn con nước bên sông,
Em và anh không cần tới bùa linh,
Vì tình cho nhau đã là thần thánh.

Tình chúng ta cũng nhà quê, đơn giản,
N như “bánh xe nước” ở sông Nậm La,
Khi bánh xe quay bọt nước tung ra,
Mỗi giọt nước là mỗi tình yêu dấu.

Anh ơi, hãy đưa em đi khắp nẻo,
Thăm nhà người Thái bản Lác Mai Châu,
Thăm người Hmong Bắc Hà, Lào Cai ,
Gặp phiên Chợ Tình chúng ta ghé lại..

Đêm hôm ấy anh và em trao gởi,
Chén rượu ngô làm chén rượu ân tình,
Không đi qua cầu mà hôn chông chênh,
Chúng mình cùng say giữa trời Tây Bắc.

Nguyễn Thị Thanh Dương.

@ Lê H ou Minh Toán
Lục bát tứ tuyệt

Cõi lặng

Hóa ra
rượu cũng biết buồn
Và thơ biết khóc ta còn biết điên
Ngộ từ
Cõi lặng vô biên
Ta cùng
Thơ
rượu

TIN VĂN

Thông tin*nhị luận*sáng tác*văn học*nghe thuật



VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ chủ trương
13302 Sharpbill Dr., Houston, TX 77083
Email: tinvanhk@yahoo.com
tuyha81@yahoo.com

Phụ Trách Tổng Quát: Nguyễn Mạnh An Dân
Thư Ký Tòa Soạn: Túy Hà
Quản Lý: Phạm Tương Như
Phụ trách trang Web : Diễm Nghi
Trình bày bản văn: Tiffany Nguyễn
Hình bìa: Brian Dettmer(từ sách đến tranh)

Ban Biên Tập:

An dân -Túy Tà -
Nguyễn Đức Nhơn – Phạm Ngũ Yên-
Phạm Tương Như - Lê Thị Hoài Niệm
Vĩnh Tuấn - Yên Sơn -

Cộng Tác:

Tô Thùy Yên. Trần Hồng Văn. Vũ Tiến Lập. Nguyễn Nhung
Quan Dương. Như Phong. Trọng Đạt. Phạm Thu Liễu. Đoàn Thy
Vân. Cái Trọng Ty. Nguyễn Minh Triết. Trần Bang Thạch.
S.E.Trần. Tiểu Thu. Nguyễn Lập Đông. Nguyễn Thị Thanh
Dương. Thy Lan Thảo. SongThy. Phạm Cúc Vàng. Trần Thị Dã
Quỳ. Dạ Dung Vũ. Ngô Thu Hồng. Kim Oanh. Nguyễn Bá Thận.
Trần Minh Hiền. Ngọc Anh. Nguyễn Quang Duy. SongThy. Chúc
Anh. Trần Việt Cường. Nguyễn Phạm Thái. Huỳnh Quang Thế.
Huỳnh Vũ. Huỳnh Công Ánh. Lan Cao. Lưu Thái Dzo. Lê Hữu
Minh Toán. Lê Hữu Liệu. Linh Phương. Lưu Nguyễn Từ Thúc.
Nguyễn Thế Giác. Phan Đình Minh. Thu Nga. Trương Sĩ Lương.
Vô Tình. DiễmNghi. Lưu Thái Dzo. Cù Hòa Phong. Mây Ngàn.
Lưu Nguyễn Từ Thúc. Dương Thượng Trúc. Chu Thụy Nguyên.
Trần Yên Thụy. Như Ly. Văn Nguyên Dưỡng. Châm Hồ.Văn
Ngọc Thi. Song An Châu. Võ Thanh Văn. Hồ Hải. Vương Hồng
Ngọc.